Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

SỐ 126
THÁNG 5.2022

HOẰNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | *Tel.:* (714) 571-0473 | *Email:* baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hảo**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Manseok_Kim (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

- *Bài vở:* baivochanhphap@gmail.com
- *Quảng cáo / Phát hành:*
  (714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: *"Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."*

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biếu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- **THƯ TÒA SOẠN**, *trang 2*
- **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** *(Diệu Âm lược dịch), trang 3*
- **THƠ ĐIẾU CHƯ GIÁC LINH** *(ĐNT Tín Nghĩa), trang 6*
- **NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM, t.t.** *(HT. Thích Thắng Hoan dịch), trang 7*
- **ƯU ĐÀM HOA NỞ SÁNG HÔM NAY** *(thơ Đồng Thiện), trang 8*
- **THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN PL 2566 – 2022** *(HĐGP), trang 9*
- **CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG, t.t.** *(HT. Thích Quảng Độ dịch), trang 10*
- **ƯU ĐÀM HOA** *(thơ Thanh Nguyễn), trang 12*
- **CẢM NHẬN SỰ RA ĐỜI CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA** *(SM Thích Thắng Hoan), trang 13*
- **ẢO HÓA, TRÊN ĐƯỜNG, NHỊ NGUYÊN** *(thơ Phù Du), trang 16*
- **TAM HỢP** *(thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 18*
- **ĐIỀU KIỆN VÀ QUANG MINH THỊ HIỆN ĐẢN SANH CỦA ĐỨC THẾ TÔN** *(TN Giới Hương), trang 19*
- **THÔNG BÁO SỐ 2 VỀ AN CƯ KIẾT HẠ VÀ ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN PL 2566** *(HĐĐH), trang 21*
- **CHƯ PHẬT ĐẢN SINH... LIÊN HỆ GIỮA KINH A-HÀM VÀ THIỀN TÔNG** *(Chân Hiền Tâm), trang 22*
- **THƯƠNG NGƯỜI THƯƠNG VẬT** *(thơ Diệu Viên), trang 24*
- **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ, t.t.** *(Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), trang 25*
- **TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỒNG TUYÊN** *(Môn đồ Pháp quyến phụng soạn), trang 27*
- **THƯ CẢM TẠ TANG LỄ HT THÍCH ĐỒNG TUYÊN** *(TK Thích Thông Lý), trang 29*
- **NGƯỜI HIỀN THIỆN – Phật Pháp Thứ Năm** *(Nhóm Áo Lam), tr. 30*
- **CÂU CHUYỆN VỀ CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT** *(Bhikhu Bodhi - Huỳnh Kim Quang dịch), trang 31*
- **NGƯỜI ĐI, TẬN THẾ, ĐẠI DỊCH** *(thơ Thương Tử Tâm), trang 34*
- **THẾ TÔN RA ĐỜI ĐEM AN ỔN ĐẾN CHO CHÚNG SANH** *(Quảng Tánh), trang 35*
- **NHỮNG KHOẢNG-TRỐNG, MÀ KHÔNG-TRỐNG** *(Huệ Trân), tr. 39*
- **HẠT THIỀN VỪA ƯƠM** *(thơ Kiều Mộng Hà), trang 40*
- **CÁC RỦI RO CỦA DA** *(Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 41*
- **THIỀN TỊNH ĐẠO TRÀNG TRANG NGHIÊM TỔ CHỨC LỄ TẠ ÂN SƯ** *(Thanh Huy), trang 42*
- **MƯA HẠ, HẠ VẪN VƯƠNG** *(thơ Lưu Lãng Khách), trang 44*
- **ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN TRONG LỊCH SỬ VN** *(Tạ Văn Tài), trang 45*
- **CANH MƯỚP ĐẮNG CHAY** *(An Nhiên), trang 48*
- **TRUYỆN CỰC NGẮN** *(Steven N), trang 55*
- **GẦN PHẬT VÀ XA PHẬT** *(thơ TM Ngô Tằng Giao), trang 51*
- **ƯU ĐÀM NGÁT HƯƠNG** *(Thanh Nguyễn), trang 52*
- **TRỰC CHỈ CHÂN TÂM** *(thơ Hoàng Thục Uyên), trang 53*
- **TRANG NGHIÊM LỄ TANG HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỒNG TUYÊN** *(Tin ảnh Võ Văn Tường), trang 54*
- **MỪNG TRĂNG TRÒN THÁNG TƯ** *(Tiểu Lục Thần Phong), trang 57*
- **NGÕ THOÁT – *chương 13*** *(truyện dài Vĩnh Hảo), trang 61*
- **NGÀN TAY NGÀN MẮT...** *(thơ Tịnh Bình), trang 64*

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:
CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 126, tháng 05 năm 2022, do Tổng Hội Cư Sĩ PGVN (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

QUÁN NIỆM MÙA PHẬT ĐẢN

Quán niệm về sự mong manh vô thường của thế gian, nhìn ra thân và tâm, lẫn ngoại giới, không có chủ thể nhất định, không có sự thực hữu của một cái ngã cùng những thuộc tính của nó. Nhưng chính vì vô minh, nhận lầm có một tự ngã chân thật mà tạo nên bao khổ lụy cho mình, cho người. (1)

Quán niệm về nỗi thống khổ của chúng sinh, nhận chân tất cả đều bắt nguồn từ tham lam, sân hận, si mê (2). Quán niệm về những hệ quả chiến tranh, thù hận, kỳ thị (tôn giáo, sắc tộc, giai cấp), cho đến khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội... đều từ vô minh và lòng tham vô độ của con người.

Quán niệm sâu xa về thực trạng và nguyên nhân của cuộc đời (3), để thấy rằng cần nỗ lực thoát ly khổ não, đạt đến niềm an lạc hạnh phúc chân thật cho mình và tha nhân bằng sự thực hành các phương pháp hữu hiệu và hợp lý nhất (4).

Một cách cụ thể, mỗi người cần tỉnh thức trước những ảo mộng cuộc đời, giảm thiểu lòng tham muốn, biết bằng lòng với những gì hiện có thì cuộc đời sẽ bớt khổ não, âu lo. Giảm thiểu lòng tham là bước đầu để tiến đến dứt bỏ hoàn toàn tham vọng chiếm hữu, cưỡng đoạt—vốn là đầu mối của chiến tranh, thù hận và cuồng si vọng ảo.

Thực hành đạo lý từ bi giác ngộ, người con Phật nếu im lặng không lên án tham-sân-si thì cũng không cổ võ ủng hộ lòng tham, hận thù và vọng tưởng độc tài, độc tôn; không lên án chiến tranh, chiếm đoạt thì cũng không ca tụng ngợi khen sự khích động chiến tranh, giết người, tổn hại sinh mệnh và tài sản của kẻ khác.

Người con Phật suy nghĩ, nói năng và hành động cho lẽ thật, vì sự thật và vì lợi ích cho thế gian; không vì lợi dưỡng, danh vị cá nhân mà nói và hành động trái ngược đạo lý như thật; không vì niềm tin và lý tưởng của mình mà làm thương tổn kẻ khác, cũng không vì kẻ khác làm tổn thương mình mà khởi tâm hận thù, đố kỵ, gây chiến. Sống trong chánh pháp là sống trong tỉnh thức, an nhiên, bất bạo động. Người con Phật đi đến đâu mang lại phúc lạc hòa bình cho nơi ấy, không gieo rắc hận thù, không khơi mào mâu thuẫn, xung đột. Người con Phật phải như cam lộ thanh lương, tưới mát những tâm hồn trầm thống, giải thoát những mệnh đời khổ đau.

Tưởng niệm bậc Đại giác Thế Tôn nhân mùa Khánh Đản, người con Phật khắp nơi trên thế giới hân hoan xưng tán và tri ân sự giáng trần của ngài, đồng thời không quên hướng về tự tâm, suy nghiệm lời Phật, phát triển trí tuệ, khởi lòng đại bi; sao cho sự hiện diện của mình trong cuộc đời xứng đáng là những người thừa tự chánh pháp (5). Được vậy thì, đức Phật luôn đản sinh và ngự trị trong mỗi chúng ta.

---

1) Theo kinh Tám Điều Giác Ngộ của bậc Đại nhân (Bát Đại Nhân Giác); điều giác ngộ thứ nhất.
2) Điều giác ngộ thứ hai, thứ ba, thứ năm và thứ sáu (kinh dẫn thượng).
3) Khổ và tập đế.
4) Diệt và đạo đế.
5) *"Này các Tỷ-kheo, hãy là người thừa tự Pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật."* Cũng trong kinh này, Tôn giả Xá-lợi-phất thay Phật thuyết giảng cho các vị tỳ-kheo, nói về tham, sân và phương cách dứt trừ: *"Ở đây, này chư Hiền, tham là ác pháp, và sân cũng là ác pháp, có một con đường Trung đạo diệt trừ tham và diệt trừ sân, khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Và này chư Hiền, con đường Trung đạo ấy là gì - (con đường) khiến (tịnh) nhãn sanh, khiến (chân) trí sanh, hướng đến tịch tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Đó là con đường Thánh tám ngành, tức là: Chánh tri kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định..."* (Trung Bộ Kinh, Kinh Thừa Tự Pháp, HT. Thích Minh Châu dịch)

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

ẤN ĐỘ: Người đàn ông Hòa Lan đi hàng ngàn dặm để xem tận mắt các tác phẩm nghệ thuật của Ấn Độ về văn hóa Tây Tạng

Siliguri, Tây Bengal - Ấn tượng với các tác phẩm nghệ thuật về văn hóa Tây Tạng của một nghệ nhân Ấn Độ, một người Hòa Lan đã đi xa nhà hàng ngàn dặm để được tận mắt chiêm ngưỡng vẻ đẹp của tượng Đức Phật ở Siliguri của Tây Bengal.

Đó là Lama Tashi Norbu, người sáng lập kiêm giám đốc của Bảo tàng Nghệ thuật Đương đại Tây Tạng ở Emmen, Hòa Lan. Norbu đang đánh dấu sự hiện diện của mình hàng ngày tại studio của Utpal Paul, một nghệ sĩ Ấn Độ ở khu PalPara của thành phố Siliguri kể từ ngày 10-3 năm nay.

Norbu nói rằng anh đã vô cùng ấn tượng với tác phẩm nghệ thuật xuất sắc của Paul trên các trang mạng xã hội vài tháng trước.

Norbu nói, "Tôi yêu những sáng tạo của anh ấy, những tác phẩm điêu khắc mà anh ấy đã thực hiện về văn hóa Tây Tạng. Tôi muốn tận mắt chứng kiến anh ấy đã tạo ra những bức tượng Phật tuyệt vời như thế nào". Norbu cho biết anh đã đặt hàng 3 tượng khác nhau, gồm tượng của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát và Đức Phật Thích Ca. "Chúng tôi sẽ trưng bày chúng trong bảo tàng. Tôi nghĩ chính phủ nên ủng hộ những nghệ nhân như Utpal," anh nói thêm.

Norbu (bên phải) đang đánh dấu sự hiện diện của mình hàng ngày tại studio của Utpal Paul, một nghệ sĩ Ấn Độ ở Siliguri kể từ ngày 10-3-2022
Photo: ANI

Trong khi đó, Utpal Paul cho biết, "Tôi đã tìm hiểu về tác phẩm điêu khắc các vị thần và nữ thần của người Tây Tạng từ các chuyên gia của Bhutan và Sikkim. Tôi rất vui vì tác phẩm của mình đang được công nhận ở cấp độ quốc tế".

(ANI – April 10, 2022)

PAKISTAN: Cục Khảo cổ học KP phát hiện 400 cổ vật Phật giáo từ một địa điểm duy nhất ở Swabi

ISLAMABAD: Ban Giám đốc Khảo cổ học và Bảo tàng (DOAM) Pakistan trong một cuộc khai quật chưa từng có đã phát hiện ra số lượng cổ vật lớn nhất và kỷ lục gồm 400 di tích Phật giáo thuộc các hạng mục khác nhau từ một địa điểm duy nhất tại làng Babu Dehri thuộc Quận Swabi, tỉnh Khyber Pakhtunkhwa (KP).

Một quan chức của cục DOAM tỉnh KP nói rằng việc khai quật tại địa điểm này được bắt đầu trên cơ sở khoa học khoảng 6 tháng trước đó, và sự làm việc chăm chỉ của các thành viên trong nhóm của ông đã tạo nên một thành tựu lớn là phát hiện hàng trăm cổ vật và một bảo tháp.

Ông cho biết, cục DOAM tỉnh KP đã nhận được báo cáo về sự phong phú về khảo cổ học của khu vực này khi việc đào bới bất hợp pháp diễn ra liên tục. Cục này hiện đã bắt đầu công việc bảo tồn địa điểm khai quật để mở cửa cho khách du lịch quốc tế nhằm thúc đẩy du lịch tôn giáo.

(APP – April 8, 2022)

400 cổ vật Phật giáo từ một địa điểm duy nhất ở Swabi, tỉnh KP, được Cục Khảo cổ học KP phát hiện
Photos: globalvillagespace.com

BẮC HÀN: Di tích từ thời Koryo (918-1932) Được tìm thấy ở tỉnh Bắc Phyongan

Bính Nhưỡng, Bắc Hàn - Ngày 14 tháng 4 (KCNA) các nhà khảo cổ của Học viện Khoa học Xã hội Bắc Hàn cho biết mới đây đã tìm thấy một tượng Phật được chạm khắc ở Chongjong-ri, huyện Unjon của tỉnh Bắc Phyongan.

Tượng Đức Phật này cao 4.7 mét, phần trụ rộng 4.2 mét, được tạc trên mặt nam của một tảng đá cao 5 mét trên sườn đồi, cách Chongjong-ri vài km về phía đông bắc.

Trước khi tìm thấy tượng Phật khắc đá lớn nói trên, một số tượng Phật nhỏ bằng kim loại đã được phát hiện ở Quận Kwaksan và các thành phố Sinuiju và Jongju của tỉnh.

Tượng Phật được chạm khắc này thể hiện trí tuệ và tài năng của tổ tiên người Triều Tiên.

(KCNA.kp – April 14, 2022)

THÁI LAN: Hiệp hội Siam sẽ tổ chức chuyến tham quan các ngôi chùa Phật giáo nổi tiếng ở Bangkok

Vào ngày 23-4-2022, Hiệp hội Siam sẽ tổ chức một chuyến đi nghiên cứu để thăm 6 ngôi chùa Phật giáo nổi tiếng ở Bangkok vốn đã được xây dựng hoặc trùng tu dưới thời trị vì của Vua Rama III.

Là vị vua thứ ba trong triều đại Chakri, Rama III được biết đến là người rất sùng đạo. Ông đã xây dựng, mở rộng hoặc sửa chữa nhiều ngôi chùa trong suốt 27 năm ngự trị trên ngai vàng. Tổng cộng đã có 19 ngôi chùa mới được xây dựng và hơn 60 ngôi chùa được sửa chữa hoặc bổ sung. Điều này đã mang lại cho ông cái tên "Vua xây dựng đền chùa".

Được dẫn dắt bởi Euayporn Kerdchouay, cố vấn cấp cao của Hiệp hội Siam, chuyến đi một-ngày này là cơ hội tốt để xem ít nhất 6 trong số các ngôi chùa nói trên.

Chúng bao gồm chùa Wat Ratchanadda, một ngôi chùa hoàng gia được biết đến nhiều nhất với Lâu đài Kim loại; chùa Wat Mahanparam, nơi thành lập trường công lập đầu tiên của đất nước; chùa Wat Kanlayanamit, nơi nổi tiếng với tượng Phật khổng lồ Phra Buddha Trai Rattananayok; chùa Wat Prayurawong, nổi tiếng với Bảo tháp Phra Borommathat màu trắng; chùa Wat Khrue Wan Woravihan được đại trùng tu dưới thời trị vì của Vua Rama III; và chùa Wat Phra Chetuphon, nơi có tượng Phật nằm dài 46m, là ngôi chùa chính của Vua Rama I, đã được Rama III tu sửa rộng rãi.

(NewsNow – April 8, 2022)

Chùa Wat Ratchanadda ở Bangkok, một ngôi chùa hoàng gia được biết đến nhiều nhất với Lâu đài Kim loại
Photo: PATSINEE KRANLERT

NHẬT BẢN: Bài tụng kinh đệm bằng đàn guitar lan truyền của nhà sư Phật giáo thu hút một lượng người theo dõi mới

Thành phố Gosen, tỉnh Niigata-- Sau khi video quay cảnh Togen Yoshihara - vị sư trưởng của ngôi đền Yokokuji ở quận Muramatsu - tụng Bát Nhã Tâm Kinh trong khi gảy những hợp âm mơ mộng trên cây đàn guitar acoustic của ông đã lan truyền, nhà sư này bắt đầu biểu diễn theo yêu cầu.

Sư Yoshihara, 42 tuổi, cho biết: "Một cây đàn guitar có thể tạo ra nhiều âm thanh nhịp nhàng hơn so với mõ, giúp người nghe hiểu được lời kinh mà họ đang nghe dễ dàng hơn".

Nhà sư bắt đầu các buổi biểu diễn trực tiếp của mình tại chánh điện ngôi đền, tôn vinh mục đích thờ cúng của nó. Đôi khi ông chơi ở những nơi khác trong khuôn viên của chùa nếu du khách yêu cầu. Sư cũng chơi cho đám tang và tại các lễ tưởng niệm khác.

Nhà sư cho biết hiện tại ông tổ chức 10 buổi mỗi tháng và có nhiều người thờ cúng đang xuất hiện tại chùa của ông hơn trước đây.

Ông muốn lắng nghe vấn đề của càng nhiều người càng tốt và hướng dẫn họ. Để đạt được điều đó, sư Yoshihara tin rằng sẽ "không đủ nếu chỉ ở yên đó mà chờ".

Ông nói, "Tôi muốn mọi người theo dõi các hoạt động của tôi, mặc dù tôi phải thay đổi phong cách truyền thống".

(NewsNow - April 8, 2022)

Togen Yoshihara - sư trưởng của chùa Yokokuji ở tỉnh Niigata (Nhật Bản)

TÍCH LAN: Hành trình 30 năm của một nhà sư Phật giáo để bảo vệ di sản quốc gia

Hòa thượng Trưởng lão tăng Vanawasi Rahula đã thành lập Rừng Gỗ lim Quốc gia (Jathika Namal Uyana) tại Galkiriyagama ở Dambulla và bảo vệ nó trong 3 thập niên qua. Nhờ có ông, Namal Uyana đã không bị ủi đất và cây cối không bị đốn hạ khi mà đất nước Tích Lan phải chứng kiến nạn phá rừng trên diện rộng với sự chúc phúc của những người nắm quyền trong 30 năm đó.

Ngày 28-3 năm nay đánh dấu kỷ niệm 31 năm thành lập Namal Uyana. Vào năm 1991, Hòa thượng Rahula đã xây dựng đạo tràng của mình tại địa điểm này trong khu rừng rậm vốn có giá trị lịch sử, khảo cổ, địa lý cũng như tôn giáo. Đây là khu vực được xem là rất phong phú về đa dạng sinh học. Ngày nay, Namal Uyana được xem là rừng gỗ lim lớn nhất cả nước và là nơi có Dãy núi Thạch anh Hồng lớn nhất Nam Á.

Trùng với ngày kỷ niệm này, Ven Rahula Thero đã lãnh đạo thành lập JNUIEO (Tổ chức Sinh thái Quốc tế Jathika Namal Uyana) để đảm bảo tính bền vững của chiến dịch mà ông đã bắt đầu từ 3 thập niên trước. "Không chắc rằng những người nắm quyền hiểu được giá trị của địa điểm này ngoại trừ tính bằng đồng rupee và xu. Những người

thuộc thế hệ này sẽ đứng về phía tôi để ngăn chặn bất kỳ tác hại nào đối với nó. Địa điểm này hiện đã được quốc tế công nhận và việc thành lập một tổ chức quốc tế sẽ bảo đảm sự bảo vệ và lợi ích của nó cho các thế hệ tương lai, " Hòa thượng Rahula phát biểu trong một cuộc phỏng vấn với tờ Sunday Island.

(tipitaka.net – April 15, 2022)

Hòa thượng Trưởng lão tăng Vanawasi Rahula

Rừng Gỗ lim Quốc gia (Jathika Namal Uyana) tại Galkiriyagama ở Dambulla, Tích Lan
Photos: Saman Indrajith

ÚC ĐẠI LỢI: Hai nhóm Phật tử ở Úc ủng hộ tiền cứu trợ sau khi lũ lụt tàn phá

Trong bối cảnh lũ lụt tàn phá ở bang Queensland, Úc, vào tháng Hai, 2 nhóm Phật giáo đã chủ động đến trao tiền hỗ trợ.

Cụ thể, nhóm Chăm sóc Tình thương của Hiệp hội Phật Quang Quốc tế Queensland (BLIAQ) đã trao 10,000 đô la Úc (7,600 đô la Mỹ) cho tổ chức tình nguyện Dịch vụ Tình trạng Khẩn cấp (SES) thành phố Logan vào tháng trước.

Nhóm Chăm sóc Tình thương của BLIAQ đã vinh danh những nỗ lực của SES với một ngân phiếu do ni trưởng Mangwang trao tặng.

Ni trưởng Manwang lưu ý rằng Trụ sở BLIA Thế giới đã hỗ trợ các nỗ lực gây quỹ của họ. "Chúng tôi muốn lan tỏa những điều tốt đẹp, Phật giáo của chúng tôi mở rộng và chúng tôi muốn gửi lời tri ân đến tất cả những người đã hỗ trợ việc khắc phục hậu quả lũ lụt," ni trưởng nói. "Mọi người đã trải qua những thời kỳ khó khăn. Khoản quyên góp này cho SES sẽ giúp họ và là một dấu hiệu cảm ơn của chúng tôi."

Trong khi đó, các thành viên của cộng đồng Phật tử Việt Nam tại Úc đã cùng nhau quyên góp 100,000 đô la Úc (76,000 đô la Mỹ) để hỗ trợ các nạn nhân lũ lụt trong và xung quanh Lismore, một thành phố nhỏ cách Brisbane 200 km về phía nam. Steve Krieg, thị trưởng Lismore, gửi lời cảm ơn đến các nhà sư Việt Nam trên trang Facebook của ông vào ngày 2-4-2022.

(Buddhistdoor Global – April 15, 2022)

Ni trưởng Mangwang của Nhóm Chăm sóc Tình thương thuộc BLIAQ trao tặng ngân phiếu cho SES thành phố Logan (Úc Đại Lợi)
Photo: mynewsfeed.com.au

HÀN QUỐC: Bảo tàng Quốc gia trưng bày bức tranh khổ lớn thế kỷ 17 để đánh dấu ngày Đức Phật đản sinh

Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc sẽ đánh dấu ngày lễ Phật Đản bằng một cuộc triển lãm đặc biệt mang tên "Lễ hội Ánh sáng", khai mạc vào thứ Tư ngày 6-4-2022. Năm nay, ngày Đức Phật đản sinh rơi vào ngày 8-5, nhằm ngày mùng 8-4 âm lịch.

Điểm nổi bật của triển lãm là bức tranh cuộn khổ lớn từ thế kỷ 17 vẽ Đức Phật Rocana (An lạc) và một bệ sen bằng gỗ thời Goryeo thế kỷ 14. Cả hai đều là quốc bảo từ chùa Sudeoksa ở Yesan, tỉnh Nam Chungcheong.

Bức tranh Đức Phật Rocana nói trên có chiều cao khoảng 10 mét và chiều rộng 7.4 mét và nặng hơn 150 kg. Tranh được vẽ bởi các nhà sư vào năm 1673 và đã được sử dụng trong các buổi lễ và nghi lễ thờ cúng ngoài trời tại Sudeoksa ở Yesan.

Còn bệ sen bằng gỗ - lần đầu tiên được đưa ra khỏi ngôi chùa Sudeoksa cho cuộc triển lãm đặc biệt này - có từ thời Goryeo, khi Phật giáo đang ở đỉnh cao.

Các hiện vật Phật giáo khác được trưng bày tại triển lãm bao gồm một loạt bản sao của các bức tranh tường được tìm thấy tại chánh điện của chùa Sudeoksa. Triển lãm sẽ kéo dài đến hết ngày 16-10 tại phòng trưng bày các bức tranh Phật giáo trên tầng 2 của bảo tàng.

(Tipitaka Network - April 18, 2022)

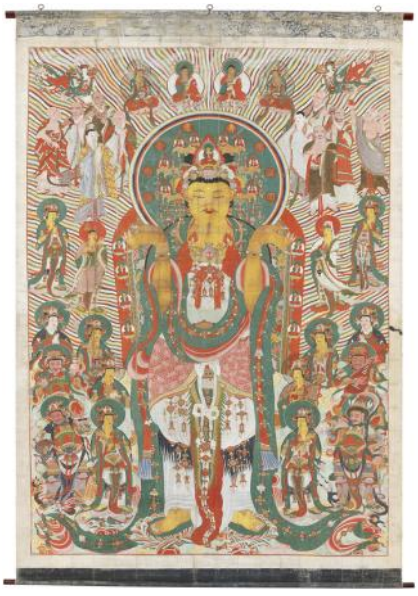

Bệ sen bằng gỗ có từ thời Goryeo thế kỷ 14, (ảnh trên) và bức tranh cuộn khổ lớn từ thế kỷ 17 vẽ Đức Phật Rocana (ảnh dưới)— Photos: koreaherald.com

TRỞ VỀ MỤC LỤC

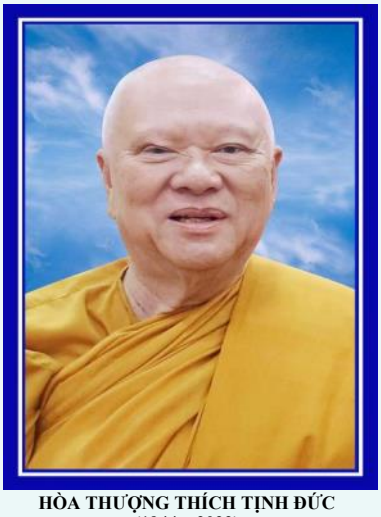

HÒA THƯỢNG THÍCH TỊNH ĐỨC
(1944—2022)

敬 願 达 法 王 家
七 十 八 年 住 娑 婆
幼 年 学 道 脱 愛 河
今 朝 捨 俗 歸 淨 地
願 達 一 如 法 王 家

季 冬 新 丑
Jan. 10th, 2022

Kính nguyện Đạt Pháp Vương Gia

Thất thập bát niên trụ ta bà,
Ấu niên học đạo thoát ái hà,
Kim triêu xả tục quy tịnh địa,
Nguyện đạt nhất như pháp vương gia.

Kính viếng Giác linh Tịnh Đức

Bảy tám năm qua trụ Ta bà,
Bây giờ quãy gót bước đi xa,
Thiền tâm cảnh tịnh an mùi đạo,
Giải thoát là đây, vượt ái hà...

Tín Nghĩa tặng
Tân sửu Quý đông – Jan. 10, 2022

敬 弔 覺 靈 洞 宣
七 十 八 年 學 佛 言
一 心 恭 手 位 至 尊
今 朝 願 滿 歸 佛 地
妙 用 洞 宣 絶 正 真

同事法侶信義 - 孟夏壬寅
Apr. 08th, 2022

Kính Điếu Giác Linh Đỗng Tuyên

Thất thập bát niên học Phật ngôn,
Nhất tâm cung thủ vị Chí tôn,
Kim triêu nguyện mãn quy Phật địa,
Diệu dụng Đỗng Tuyên tuyệt chánh chơn.

Dịch:

Bảy tám năm dài học Phật ngôn,
Nhất tâm cung thủ đấng Chí Tôn,
Giờ đây mãn nguyện về Phật địa,
Diệu dụng Đỗng Tuyên đã vuông tròn.

Đồng sự pháp lữ Tín Nghĩa
Mạnh hạ Nhâm dần - Apr. 08. 2022

thỏ

ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

TRỞ VỀ MỤC LỤC

NGHIÊN CỨU THỨC THỨ TÁM

Nguyên tác Hán văn: ***Kha Diệu Kỳ***

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

(tiếp theo)

CHƯƠNG III:
NGHĨA CHỦNG TỬ CỦA THỨC THỨ TÁM

PHẦN I: ĐỊNH NGHĨA CHỦNG TỬ

Văn trên đã giải thích sơ lược Thức Chủng Tử, nhưng vấn đề tất cả hạt giống tương đối phức tạp. Cho nên chương này chuyên đề thảo luận về chủng tử. *Thành Duy Thức Luận* giải thích rằng:

"Trong đây pháp nào gọi là chủng tử? Ý nghĩa trong bản Thức đích thân sanh ra tự quả, công năng có sai biệt. Công năng đây cùng bản Thức và chỗ sanh ra quả, thảy đều không phải một và không phải khác. Thể, Dụng, Nhân và Quả, về lý đều tương ưng nhau."

Chỗ gọi chủng tử là trong Thức Căn Bản thứ tám, Thân Nhân được huân tập từ vô thỉ, sanh khởi các thứ Pháp Quả hiện hành không giống nhau. Công năng sai biệt sanh ra quả đây đích thực mới gọi là chủng tử. Hiện tại phân biệt Thể và Tướng: tập hợp danh từ của chủng tử gọi là Bản Thức. Bản Thức cũng như đoàn xe, chủng tử cũng như các binh sĩ, chỗ sanh ra quả cũng như chỗ các binh sĩ biểu hiện sức tác chiến. Ly khai đoàn xe thì không có binh sĩ và ly khai binh sĩ thì không có đoàn xe, đoàn xe là thể tổ hợp của các binh sĩ. Bản Thức cũng giống nhau là Thể của chủng tử. Nhưng đối với chủng loại của bảy Chuyển Thức và Sắc Pháp không thể gọi là chủng tử. "Công Năng" đích thân sanh ra tự quả là hiển bày cái Tướng của chủng tử. Còn bảy Chuyển Thức mặc dù có thể đích thân sanh ra tự quả, đó chỉ là pháp hiện hành, không thể gọi là công năng. Nguyên vì Chủng Tử, Bản Thức và chỗ sanh ra Quả, ba loại này không thể cho là giống nhau và cũng không thể bảo là không giống nhau. Tại sao thế? Nguyên vì chủng tử hàm chứa trong Bản Thức đều là tánh vô ký. Chủng tử sau khi phát khởi hiện hành (sanh quả), liền sanh ra ba tánh, thiện, ác và vô ký. Nếu như bảo giống nhau thì không thể nói có pháp nhân quả, có pháp thể dụng. Còn nếu như bảo không giống nhau thì hột lúa mạch cũng có thể sanh ra đậu, nhân thiện cũng có thể sanh ra quả ác, nhân và quả lại không thể chuyển đổi nhau. Nhân như thế thì quả cũng như thế. Cho nên ba điều đã tường thuật ở trên chính là không phải một và cũng không phải khác.

Ở trên là biện giải Thể và Tướng của chủng tử. Ngoài ra căn cứ nơi sự giải thích của *Thành Duy Thức Luận,* nhất định phải chuẩn bị cho đầy đủ sáu nghĩa sau đây mới thật sự có thể gọi là chủng tử:

1.- Sát Na Diệt: tự thể của chủng tử nhất định phải là pháp hữu vi sát na sanh diệt. Do vì có sanh diệt nên mới có chuyển biến; có chuyển biến thì mới có công dụng Thủ Quả và Dữ Quả. Thủ Quả là chỉ cho nhân tố có thể sanh ra hiện hành và Dữ Quả là chỉ cho quả tố của pháp hiện hành được huân tập. Có công năng của Thủ Quả và Dữ Quả mới được tính là chủng tử. Các pháp nếu như thường tại thì không sanh không diệt, không thể chuyển biến, không phát sanh hiệu lực và công dụng thì không thể được gọi chủng tử.

2.- Quả Câu Hữu: nghĩa là chủng tử của công năng sanh khởi và của pháp quả hiện hành nơi sanh, không chỉ ở trên thời gian và kể cả hiện tại lúc nào cũng có mặt, nghĩa là ở trên không gian chỗ nào cũng hòa hợp lại làm một để hiện khởi. Nhờ lý do đó mới có thể kết thành chủng tử. Vấn đề đây trước hết phải trình bày rõ hai danh nghĩa: Dị Loại Tương Sanh và Tự Loại Tương Sanh. Dị Loại Tương Sanh nghĩa là chủng tử sanh ra hiện hành là thuộc về Quả Dị Thục. Nhân Dị Thục thì có thiện có ác, còn Quả Dị Thục thì thuộc về vô ký, cho nên Nhân Dị Thục gọi là Dị Loại. Thí dụ như danh nghĩa cha con đương lúc sanh ra thì mới có danh xưng (quả) phụ thân, bằng không chỉ là gọi nam nhân hoặc trượng phu mà thôi. Chỗ gọi cha con đồng thời cũng tức là Nhân Quả Đồng Thời. Tự Loại Tương Sanh nghĩa là chủng tử lôi kéo chủng tử gọi là Đẳng Lưu Quả: tức là quả đồng với tánh thiện, tánh ác và tánh vô ký của nhân. Đây thuộc về loại Nhân Quả Dị Thời. *Thành Duy Thức Luận* giải thích rằng: *"Quả Câu Hữu ý nghĩa cùng với pháp quả hiện hành nơi sanh đều hòa hợp hiện khởi thì mới thành chủng tử."* Tiếp theo Dị Loại Tương Sanh và Nhân Quả Đồng Thời cả hai mới tính là chủng tử. Bằng không thì chủng tử đã sanh, chưa sanh cùng với hiện hành hòa hợp đều không thể phù hợp với nghĩa Quả Câu Hữu.

3.- Hằng Tùy Chuyển: đây là nghĩa chủng tử hiển bày hai nguyên lý sanh diệt và hằng chuyển, tức là niệm trước diệt niệm sau sanh, liên

tục không gián đoạn. Hơn nữa chủng tử danh ngôn vô ký sanh ra quả cũng vô lượng vô tận, có thể gọi là Hằng Tùy Chuyển. Chủng tử thiện và bất thiện, v.v... gặp duyên liền sanh ra quả cũng có thể gọi là Hằng Tùy Chuyển. Nhưng bảy Chuyển Thức có khi sinh hoạt gián đoạn, không tương ưng cùng với pháp chủng tử, cho nên chỉ riêng Thức thứ tám mới đầy đủ nghĩa Hằng Tùy Chuyển.

4.- Tánh Quyết Định: chủ yếu là tùy theo công năng hiện hành huân sanh ra năng lực của nhân, quyết định nhân thiện sanh ra quả thiện, nhân ác sanh ra quả ác, nhân vô ký sanh ra quả vô ký, nhờ đó chủng tử mới có thể kết thành. Đây là pháp nhằm bài trừ học thuyết cho rằng quả không tùy theo nhân.

5.- Đãi Chúng Duyên: tức là lý luận về các duyên sanh ra quả. Bản thân chủng tử không thể sanh ra quả, cần phải chờ đợi các điều kiện khác đầy đủ hoàn toàn thì mới có công năng để sanh ra quả. Nhân tố đây có đầy đủ các duyên hội hợp mới gọi là chủng tử. Học thuyết nầy nhằm bài trừ học thuyết "Tự Nhiên Nhân." Như lý luận Thượng Đế là tự nhiên mà có đều sai trái với duyên khởi.

6.- Dẫn Tự Quả: chính là các quả báo không giống nhau của sắc pháp và tâm pháp, v.v... mỗi mỗi đều do chủng tử dẫn đạo sanh khởi. Quả hiện hành của sắc pháp là do chủng tử của sắc pháp dẫn đạo sanh khởi, quả hiện hành của tâm pháp là do chủng tử của tâm pháp dẫn đạo sanh khởi. Học thuyết nầy cũng nhằm bài trừ học thuyết "Thượng Đế sáng tạo vạn vật"; nguyên do một nhân không thể sanh ra nhiều quả, bằng không thì quả báo phải nên giống nhau.

Qua những thuyết minh ở trước chỉ có chủng tử của Thức Căn Bản thứ tám dựa trên công năng sai biệt nơi quả sanh khởi để nhận thức thì hoàn toàn đầy đủ ý nghĩa sáu loại chủng tử này, cho nên có thể gọi là chủng tử. Ngoài ra bảy Chuyển Thức đều không có tư cách của chủng tử.

(còn tiếp)

ƯU ĐÀM HOA NỞ SÁNG HÔM NAY

Mỗi độ mùa hoa rộ sắc hương
Bốn loài ba cõi khắp mười phương
Đản sinh từ phụ tràn hoan hỷ
Tỉnh thức bừng lên như ánh dương

Dưới cội bồ đề trí huệ khai
Ba lần chuyển pháp ở vườn Nai
Khổ tập và đây là diệt đạo
Con đường giải thoát mở tương lai

Phật đến nơi này để độ sinh
Vô biên trí huệ phá vô minh
Trời người tứ chúng đồng hoan hỷ
Lục đạo quần sanh với hữu tình

Rộn tiếng chim ca ngát hương bay
Ưu đàm hoa nở sáng hôm nay
Bảy bước mở ra đường giải thoát
Từ bi thị hiện cõi này đây

Tháng Tư tam hợp hỷ hoan ca
Bao nhiêu đèn nến với hương hoa
Lời kinh đồng vọng trong trời đất
Tưởng niệm thâm ân của Phật Đà.

thơ ĐỒNG THIỆN

TRỞ VỀ MỤC LỤC

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG GIÁO PHẨM
CHÁNH VĂN PHÒNG
704 East "E" Street., Ontario, CA 91764 – U.S.A. | Tel. & Fax: (909) 986-2433

THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN
Phật lịch 2566 - 2022

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Trưởng lão, chư tôn thiền đức Tăng Ni
Kính thưa quí Cư Sỹ, Thiện nam Tín Nữ, Gia đình Phật tử

Gần ba năm qua Giáo hội đã không tổ chức được ngày Phật đản chung tại những công viên lớn như những năm trước vì tình hình bệnh dịch và những ràng buộc pháp lý về Corona Virus của thành phố. Tuy vậy, những tự viện cũng đã tổ chức ngày lễ trong khả năng cho phép của mình để nhớ ngày ra đời của đức Thế Tôn. Hãy như một người lái xe trên xa lộ, tùy theo sự quanh co của con đường mà ta uyển chuyển tay lái. Thức tỉnh, mẫn tiệp và sáng tạo trước những hoàn cảnh không như ý sẽ giúp ta luôn tìm thấy nhiều hứng khởi. Phật đản năm nay, không thể hội tụ đông đảo của toàn thể Tăng Ni và Thiện nam Tín nữ thì chúng ta chú trọng hơn vào từng cá thể của người con Phật.

1. Mùa Phật đản, mỗi người đệ tử ai cũng nên nhìn thấy hình Phật đản sanh. Do vậy, chúng ta có hình Phật đản ở trong nhà, trong xe, hay trên face book, twitter cá nhân... Chúng ta khuyến khích con cháu của mình trang trí ngày sinh nhật của Phật trong máy computer. Xin hãy gởi những message Phật đản cho nhau qua điện thoại. Ở Mỹ chúng ta gọi là mùa Phật đản vì sự rộng lớn và sinh hoạt ở mỗi tiểu bang có khác, do vậy chúng ta có nhiều cơ hội để nhớ, nghĩ hay tham dự ngày Phật đản. Các gia đình nên mời tất cả các thành viên về chùa cùng tham dự lễ Phật đản. Hầu hết các chùa tổ chức lễ vào ngày Chủ nhật, đây là điều thuận lợi về chùa dự lễ của cả gia đình.
2. Đề nghị các tự viện gởi thư Phật đản đến thành phố, học khu, trường học, bệnh viện, đại học… với nội dung, tháng 5, 2022 là tháng Phật đản của Phật giáo, chúng ta xin hướng về họ cầu nguyện sự an lành và cảm ơn họ đã mang lại những phúc lợi tuyệt vời cho thành phố của chúng ta. Chúng ta nguyện sẽ đóng góp những giá trị tinh thần để làm phong phú một nền văn hóa đa dạng cho thành phố ta đang sống. Hiện nay người Mỹ bắt đầu có nhiều thiện cảm về Đạo Phật là do những đóng góp của người đệ tử Phật từ các dân tộc Phật giáo di dân đến đây. Chúng ta nguyện tiếp tục làm sáng ngọn đèn này.
3. Năm nay ngày Rằm tháng Tư âm lịch nhằm ngày Chủ nhật, 15 tháng 5, 2022. Đây là ngày Phật đản xưa nay. Cộng đồng Phật tử Việt chúng ta chọn ngày này nguyện sống hòa bình với người thân trong gia đình và người chung quanh. Nguyện không tranh cãi, hơn thua, thị phi, hay nói xấu bất cứ ai… Một ngày sống trong tâm an lành như vậy là một ngày trồng được nhiều phước báu và chúng ta đem phước báu này hồi hướng cho cuộc chiến đẫm máu tang thương ở Ukraine sớm hòa bình. Cũng trong ngày Rằm này, xin các tự viện kêu gọi Phật tử đóng góp tịnh tài và gởi đến Hội Hồng Thập Tự ở thành phố của mình với Memo: Giúp người dân Ukraine tỵ nạn chiến tranh.
4. Hơn hai năm trong đại dịch, nhiều chùa viện mới thành lập hay đang xây cất, chắc chắn gặp nhiều khó khăn về tài chánh. Giáo hội xin quí Phật tử ở các tiểu bang hãy phát tâm ủng hộ để những ngôi chùa này vượt qua cơn khó khăn. Không ít những ngôi chùa ở Mỹ lâm vào tình huống như vậy. Vật giá giờ đây leo thang, lạm phát gia tăng, nhưng nhờ nhiều tấm lòng người con Phật, cầu xin những trú xứ mới củaTam Bảo được trụ vững.

Kính thưa liệt quí vị, mùa Phật đản năm nay, Giáo Hội xin chắp tay cảm ơn tất cả chư tôn đức Tăng Ni và Quý Thiện nam Tín nữ Phật tử luôn nghĩ đến một bầu trời Phật giáo nơi quê hương không Phật giáo này mà hy sinh, chịu đựng và phụng hiến. Con đường đi tới Phật đạo là Phật đạo.

Cúi xin Tam Bảo gia hộ, che chở và sách tấn cho chúng con, những người đệ tử trên quê hương mới này.

California ngày 8/4/2022. Phật lịch 2566

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng

Sa môn Thích Thắng Hoan

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CHIẾN TRANH VÀ BẤT BẠO ĐỘNG

Nguyên tác: *"Religion and Society"* by **S. RADHANKRISHNAN**

***HT. Thích Quảng Độ** dịch*

(tiếp theo kỳ trước)

II. XÃ HỘI CUỒNG LOẠN

Sự cuồng loạn trầm trọng trong đời sống xã hội hiện nay là vì sự mất thăng bằng giữa các chế độ xã hội và mục đích quốc tế. Thiên nhiên đã tạo cho nhiều chủng tộc những ngôn ngữ, tôn giáo và truyền thống xã hội khác biệt, và đặt trước loài người nhiệm vụ kiến thiết một nền trật tự trong thế giới nhân loại và tìm ra một lối sống nhờ đó những chủng tộc khác nhau có thể chung sống hòa bình mà không dựa vào vũ lực để giải quyết những bất đồng giữa họ. Thế giới không phải là một bãi chiến trường để các quốc gia tranh giành xâu xé nhau mà là một nền cộng hòa của các dân tộc dị biệt hợp tác với nhau trong một nỗ lực xây dựng để hoàn thành cái sứ mạng cao cả là đem lại cuộc sống hòa bình và thịnh vượng cho tất cả mọi người.

Những điều kiện cần thiết cho sự đoàn kết thế giới đã có sẵn; chỉ còn thiếu ý chí của loài người mà thôi. Những trở ngại chia cách lớn như biển cả, núi rừng không còn hiệu lực gì nữa. Bằng những phương tiện giao thông, vận tải hiện có, thế giới đã trở nên nhỏ bé. Khác với tôn giáo và tập tục có tính cách địa phương, khoa học không chấp nhận những biên giới chính trị hay xã hội, và nói một thứ tiếng mà tất cả các dân tộc điều hiểu. Sự va chạm của con người "máy" đã phá vỡ thế giới tiền cơ giới gồm các quốc gia hoàn toàn biệt lập. Cuộc cách mệnh kỹ nghệ đã ảnh hưởng đến các cơ cấu kinh tế quá hoàn toàn đến nỗi chúng ta đã trở thành một xã hội thế giới với một nền kinh tế thế giới đòi hỏi một trật tự thế giới. Khoa học khám phá những yếu tố đồng nhất trong vũ trụ là nền tảng của đời sống nhân loại. Triết học hiển bày một ý thức phổ biến đằng sau thiên nhiên và nhân loại. Còn tôn giáo hướng con người đến những nỗ lực giải phóng tâm linh.

Trong những giai đoạn đầu của cuộc tiến hóa, dĩ nhiên nhân loại còn sống trong những hoàn cảnh biệt lập, tư tưởng cũng như tình cảm còn trong trạng thái lãnh đạm. Nhưng, khi quốc gia hình thành thì con người cảm thấy cần phải có một trật tự xã hội và quyền lực trung ương vững mạnh để giải quyết những cuộc tranh chấp và nội chiến giữa các bộ lạc. Nhiều quốc gia đã đạt đến sự đoàn kết dân tộc, và chỉ cần đẩy mạnh tiến trình ấy lên một bước nữa là có thể hoàn thành sự đoàn kết thế giới. Những cội rễ loài người bám sâu hơn những sợi dây chủng tộc và quốc gia. Trái đất của chúng ta không còn chỗ cho chủ nghĩa ái quốc hẹp hòi. Bối cảnh lịch sử, những điều kiện khí hậu và sự liên hồi đã biến đổi bộ mặt của các chủng tộc ngày nay. Chúng ta đều có những tiến trình tinh thần, những phản ứng tình cảm và những ước muốn, những yêu cầu căn bản như nhau. Trong cuốn *Descent of Man* (sự xuất hiện của loài người), Darwin nhận xét: "Khi loài người tiến bộ về văn minh và các bộ lạc nhỏ được kết cấu lại thành những cộng đồng lớn hơn thì cái lý lẽ giản dị nhất sẽ cho mỗi cá nhân biết rằng anh ta phải mở rộng xã hội tính và tâm đồng tình của anh ta cho tất cả mọi người trong cùng một quốc gia, mặc dù anh ta không hề quen biết. Một khi đã đạt đến điểm đó rồi thì cái mà ngăn cản không cho anh ta mở rộng tâm đồng tình cho người của tất cả các quốc gia và nhân loại chỉ là một chướng ngại giả tạo mà thôi." Darwin sẽ rất kinh dị khi nghe người ta bàn đến sự độc tôn của chủng tộc và đề cao một giống người như những đứa con yêu của Thượng Đế.

Sự thôi thúc của chủ nghĩa quốc gia và những lý tưởng của nó vẫn còn ngự trị trong đầu óc của các dân tộc bất luận chính kiến của họ là Quốc Xã, Cộng Sản, Phát Xít hay Dân Chủ, và như vậy, những năng lực của con người đã bị tách ra khỏi con đường tiến hóa của chính nhân loại để đi vào các ngõ hẹp. Chúng ta chỉ đoán nhận những người máu mủ ruột thịt, hoặc những người, không nhiều thì ít, chúng ta có quen biết mà thôi. Một thứ giáo dục sai lầm chúng ta tiếp nhận ngay từ thuở nhỏ đã biến chúng ta thành nạn nhân "nhiệt tình" của quốc gia. Chúng ta cho vũ lực, tính đê hèn và hành vi man rợ hoàn toàn là bình thường nếu chúng có liên hệ với chính nghĩa quốc gia.

Chủ nghĩa quốc gia không phải là "thiên" tính. Nó là một tình cảm nhân tạo. Tình yêu quê hương, trung thành với truyền thống địa phương không có nghĩa là thù nghịch với những người láng giềng. Nếu ngày nay niềm tự hào quốc gia trở nên mãnh liệt thì đó chỉ chứng tỏ bản tính con người có khả năng tự lừa dối một cách phi thường. Chủ nghĩa ái quốc đã giết mất lòng chân thành và nhiệt tình hợp lý. Những kẻ không may mắn trong việc xâm chiếm đất đai phản đối sự phân chia trái đất một cách bất công. Người Anh có một phần tư đất đai trên thế giới. Sau đó là người Pháp. Ngay cả các nước nhỏ bé như Hà Lan, Bỉ và Bồ Đào Nha cũng có những thuộc địa lớn. Nước Đức cần đất sống, để bành trướng và thống trị. Sự cần đất sống đã trở thành động cơ điều khiển các chính sách của các cường quốc đầy dã tâm tham vọng. Nếu ta giả định rằng một dân tộc hùng mạnh nhất phải là bà chủ toàn cầu thì sự tàn khốc bất nhân sẽ trở thành mục tiêu đeo đuổi. Khi một học giả Oxford hỏi Hitler về chính sách của ông ta, Hitler đã chỉ trả lời vỏn vẹn trong một tiếng rất nồng nàn là: "Deutschland!" và Hitler đã đúng một trăm phần. Ông ta nói: *"Chúng ta hãy tàn ác! Nếu cứu được*

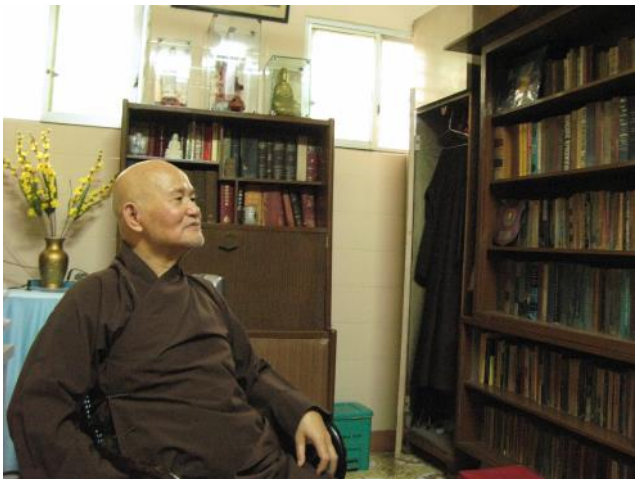

nước Đức, chúng ta đã thể hiện một nghĩa cử cao đẹp nhất của thế giới. Chúng ta hãy làm quấy! Nếu cứu được nước Đức, chúng ta đã diệt trừ một việc quấy lớn nhất thế giới. Chúng ta hãy vô luân! Nếu cứu được nước Đức, chúng ta đã mở ra con đường cho sự phục hồi đạo lý" [1]. Trong cuốn *Mein Kampf* [2], Hitler nói: *"Chính sách ngoại giao chỉ là một phương tiện để đạt mục đích, và mục đích duy nhất được đeo đuổi là sự thuận lợi của chính dân tộc ta. Đó là mối quan tâm độc nhất của chúng ta. Còn ngoài ra, chính trị, tôn giáo, nhân đạo v.v… phải hoàn toàn gạt ra một bên để nhường chỗ cho sự quan tâm đó."* Toàn thể sự sống con người phải phục tùng một mục đích duy nhất của hiệu lực quốc gia [3]. Một phi công trẻ tuổi người Đức bị hỏa lực phòng không bắn hạ và được đưa đến một căn nhà của người Pháp đã biến thành bệnh viện. Hắn bị thương gần chết. Viên y sĩ ghé vào tai hắn và nói: "Cậu là một chiến sĩ và cậu có thể đối diện với cái chết một cách can đảm. Cậu chỉ còn sống được một tiếng đồng hồ nữa thôi. Cậu có muốn trối trăn gì cho gia đình cậu không?" Cậu bé lắc đầu. Viên y sĩ chỉ vào những người đàn bà và trẻ con bị thương nằm gần đó đang rên la, rồi nói: "Giờ đây cậu sắp đối diện với thượng đế, chắc cậu muốn bày tỏ sự ân hận về những việc mà cậu đã làm, bây giờ cậu đã thấy kết quả của công việc cậu đã làm." Viên phi công hấp hối, trả lời: "Không. Tôi chỉ ân hận là không thể tiếp tục thi hành những mệnh lệnh của Cha tôi, Hitler muôn năm!" và hắn tắt thở.

Chủ nghĩa Đức Quốc Xã là một phong trào quần chúng. Khi Nga tham gia cuộc chiến hiện tại, đông đảo quần chúng tại Mạc Tư Khoa được nhắc đến với niềm hãnh diện, vì họ đang cầu nguyện cho sự thành công của quân đội Nga và nguyền rủa Hitler như kẻ tử thù của tôn giáo. Cuộc chiến đấu lúc này chính thức được miêu tả như "Thánh chiến cho tổ quốc Xô Viết và cho sự giải phóng các dân tộc." Không phải chỉ một dân tộc, mà cả thời đại, là quốc gia. Với bộ máy trung ương tập quyền của nhà nước, với những phương tiện kỹ thuật tiến bộ hiện đại, với sự truyền truyền rộng rãi, và sự động viên của toàn thể dân chúng, cả thân thể, tinh thần và linh hồn của họ đều bị ảnh hưởng. Nhà nước tuyệt đối và công ích xã hội trở nên đồng hóa. Quyền cá nhân về đời sống riêng tư bị phản đối, những đức tính tự nhiên của con người như: tình yêu, tình thương biến mất. Chúng ta tựa hồ bị ma lực nắm bắt, hạ con người xuống ngang hàng thú vật. Thần nhân biến thành vật nhân. Tính tham lam của những con thú lớn buộc chúng ta sống đời nỗ lực nhưng rỗng tuếch, tàn nhẫn, tầm thường nhỏ nhen và thô bỉ. Nhân tính bị sự thống trị tiêu hủy. Đã qua nhiều thế kỷ sờ soạng một cách kiên nhẫn và cố gắng không ngừng con người mới biết được rằng sự sống trong bản thân và trong những kẻ khác là thiêng liêng và vô giá. Mỗi cá nhân đều có những nét ngời sáng đặc biệt mà chỉ có con người đủ nhạy cảm mới nhận thấy. Ý muốn trở thành tốt là một bộ phận căn bản trong con người. Dù nó có bị phủ kín, che đậy hay biến thể đến đâu đi nữa thì nó cũng không bị tiêu diệt. Nó luôn luôn hiện diện và kẻ nào nhận ra nó sẽ có một phản ứng khoan dung quảng đại. Tuy nhiên, nền trật tự xã hội trong một xã hội tư bản hiện tại, truyền thống hiếu chiến và một thế giới chia thành nhiều phe kình địch nhau, sẽ giết chết tinh thần con người.

Dưới những cấp độ khác nhau, các quốc gia trên thế giới ngày nay đang bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa quốc gia cuồng nhiệt đó, bởi ý chí mù quáng về quyền lực và bởi chủ nghĩa cơ hội theo phương châm "sống chết mặc bây". Trong một thế giới như vậy, cái khuynh hướng tự nhiên là bắt kẻ khác phải khuất phục. Đó là trường hợp quốc gia mình chống lại tất cả quốc gia khác trong một cuộc tranh đấu không ngừng.

Thường thường thì cuộc tranh chấp đó có tính cách ngoại giao, thương mãi, nhưng đôi khi nó biến thành vũ lực công khai. Năng lực để bảo tồn sự thống nhất và lành mạnh của thế giới được biến thành năng lực suy tôn một nhóm thiểu số, một giai cấp, chủng tộc hay một quốc gia. Nhà nước trở thành một con quái vật khổng lồ và đời sống nội tâm của ta bị khô cứng. Đời sống nội tâm của ta càng khô cứng bao nhiêu thì ta càng trở nên hữu hiệu cho những tham vọng quốc gia bấy nhiêu.

Chúng ta không còn chiến đấu với nội tâm nữa vì cuộc sống của ta đã được qui định một cách rất tinh tế do một bộ máy độc ác khi hành động và tàn nhẫn với tất cả mọi sự chống đối. Nhà nước tự nó biến thành cứu kính, có quyền cơ-giới-hóa tinh thần ta và huấn luyện ta thành những con ngựa đua [4].

Ta không nên lầm lẫn giữa tạm bợ và vĩnh cửu. Ta đừng lầm lẫn nền trật tự hiện tại mà ta mong muốn với luật tắc bất di bất dịch của vũ trụ. Niềm khát vọng tình thương và chân lý ăn sâu trong bản tính con người đòi hỏi ta phải sống như những cá nhân tự do trong một thế giới thân hữu. Vấn đề sống như những thân hữu, kiểm soát lấy quyền lực tự diệt của ta, và dùng vào những tài nguyên thiên nhiên vào việc mưu cầu hạnh phúc chung cho cả thế giới, tất cả đòi hỏi ở chúng ta một thế giới hòa bình, đòi hỏi sự cởi mở của những giai cấp và các quốc gia có nhiều đặc quyền. Nếu chúng ta là những người yêu nước chân chính thì mối quan tâm của chúng ta không phải là địa phương, chủng tộc hay quốc gia, mà là nhân loại. Niềm khắc khoải đó sẽ là tình yêu tự do cho tất cả, là độc lập, là hòa bình và hạnh phúc xã hội. Chúng ta sẽ không chiến đấu cho xứ sở chúng ta mà là cho nền văn minh, và bằng sự tổ chức hợp tác, khai thác trên những tài nguyên trên hoàn cầu để mang lại lợi ích lớn lao nhất trong

tương lai cho cả loài người. Để đạt được mục đích ấy, ta cần sự giáo dục lại tinh thần, cải tiến lòng tin và tư tưởng. Lý trí và ý chí của vũ trụ hoạt động qua mỗi cá nhân mà có thể thực hiện được những năng lực của hoàn cảnh, thấy trước sự hoạt động của chúng và có thể quy định chúng. Sự tiến hóa không còn là một vận mệnh cố định. Dụng cụ của nó là tinh thần và ý chí con người. Một thế hệ mới cần phải được huấn luyện theo những lý tưởng cao cả, của đời sống tâm linh, của ý thức huynh đệ giữa loài người, của thương yêu và hòa bình.

(còn tiếp)

Chú thích:

[1] Xem cuốn The Deeper Causes of the War (Những Nguyên Nhân Sâu Xa Hơn của Cuộc Chiến) của Gilbert Murray và những người khác (1940), p.43.

[2] P. 686.

[3] Cp. Fichte: "Không có luật pháp hay quyền hạn gì tồn tại giữa các quốc gia trừ quyền hành của kẻ mạnh. Một dân tộc có khiếu về siêu hình có quyền hoàn thành vận mệnh của nó với tất cả các phương tiện của quyền lực và sự thông minh" – Doctrine of the State. *"Những kế hoạch mơ hồ và vô nghĩa về sự bành trướng của dân tộc Nhật Nhĩ Man chỉ là sự biểu hiện của một tình cảm thâm căn cố đế cho rằng, nước Đức, với sức mạnh và sự tôn quý của mục đích quốc gia, với nhiệt tình của chủ nghĩa ái quốc, với trình độ cao về khả năng và sự trong sạch lương hảo của nền hành chính, với sự thành công của tất cả mọi ngành hoạt động, với tính cách siêu việt về triết học, nghệ thuật và luân lý v.v... có quyền cho lý tưởng quốc gia của người Đức là cao nhất"* – Sir Eyre Crowe's "Memorandum" of January I, 1907.

[4] Cp. Mc Taggart: "Một tôn giáo tự cột mình vào một phương tiện đã không vươn lên khỏi sự sùng bái mê tín. So với sự sùng bái quốc gia, sự sùng bái động vật còn hợp lý và đáng được tán thưởng. Một con bò mộng hay một con cá sấu có thể không có giá trị chân thật, nhưng nó còn có chút ít, vì nó là một sinh vật. Quốc gia thì không có một chút gì cả".

ƯU ĐÀM HOA

Ưu đàm hoa
Ưu đàm hoa
Ba ngàn năm nở hóa ra điềm lành
Thế Tôn thị hiện đản sanh
Mở đường giải thoát mà thành đạo sư
Trăng tròn hoan hỷ tháng tư
Tạ thâm ân Phật đại từ đại bi
Kể từ vô thủy bất tri
Chúng sanh tạo nghiệp biết gì thiện căn
Đến khi Phật dạy hiểu rằng
Chỉ trong một niệm rất hằng hà sa

Ưu đàm hoa
Ưu đàm hoa
Hương bay ngược gió giang hà ngoại phương
Chúng sanh ba cõi sáu đường
Bình đẳng giáo hóa mà thương lấy người
Phật tánh, pháp tánh chẳng rời
Hữu tình giác ngộ tức thời độ theo
Trần lao sanh tử hiểm nghèo
May nhờ Phật pháp mà gieo duyên lành
Hy hữu đức Phật đản sanh
Đê đầu đảnh lễ tâm thành tán dương
Pháp thân ở khắp mười phương
Sa Bà một cõi dựa nương Phật đà

Ưu đàm hoa
Ưu đàm hoa
Nở ra hiển hóa bảy tòa kim liên
Mừng ngày Phật đản linh thiêng
Lòng luôn tưởng nhớ hiện tiền phút giây.

thơ THANH NGUYỄN
Ất Lăng thành, 04/22

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CẢM NHẬN SỰ RA ĐỜI CỦA ĐỨC PHẬT THÍCH CA

Sa Môn Thích Thắng Hoan

"Bản nguyện của đức Phật Thích Ca là gì khi hóa thân đến trần gian này?"

Một câu hỏi mang đầy ý nghĩa cần phải khai triển. Sự hóa thân xuống trần này với mục đích mở một kỷ nguyên mới, một kỷ nguyên cho đến ngày nay chưa từng có của loài người, đó là một kỷ nguyên trí tuệ và từ bi.

Trước khi đi sâu vào trí tuệ và từ bi, trước hết ta quán chiếu đầu tiên sự xuất hiện bằng cách hóa thân của ngài xuống trần gian này.

A.- Sự ra đời của ngài tại nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu) có hai phương diện, phương diện lịch sử và phương diện biểu tượng. Ngài là Bồ Tát hóa thân xuống trần gian cởi con voi trắng sáu ngà là phương diện biểu tượng; Ngài là thái tử con vua Tịnh Phạn (Suddhodana) và Hoàng Hậu Ma Da (Maha Maya) là phương diện lịch sử. Trước hết nhìn về phương diện biểu tượng:

1. **Phương diện biểu tượng thứ nhất là voi trắng sáu ngà**: theo truyền thuyết bốn vật cao quý nhất: [nhất điểu, nhì ngư, tam xà, tứ tượng] (Điểu là chim, thường gọi là chim Đại Bàng; Ngư cá hoá long [theo Tự Điển Việt Nam]; Xà là rắn, [theo Ấn Độ có loại rắn bảy đầu thường che mưa cho đức Phật Thích Ca, theo sử liệu]; Tượng, có chỗ gọi là voi.

a. Voi trắng: màu trắng là biểu tượng màu trong sạch, là màu giải thoát (bạch nghiệp là nghiệp trắng, là hết nghiệp, trong sạch không còn nghiệp.)

b. Sáu ngà là biểu tượng cho Lục Độ của Bồ Tát Hạnh. Lục Độ, theo Tự Điển Đoàn Trung Còn (Six vertus cardinals -fr.), cũng kêu là Lục Ba La Mật (Six Paramitas), Lục Độ là sáu phương pháp có khả năng đưa đến bờ giác bên kia. Lục Độ gồm có:

1. Bố thí trừ tham lam, keo lận.
2. Trì giới trừ tà ác.
3. Nhẫn nhục trừ sân khuể.
4. Tinh tấn trừ giải đãi.
5. Thiền định trừ tán loạn.
6. Trí huệ trừ ngu si.

2.- **Phương diện biểu tượng thứ hai là đi bảy bước trên bảy hoa sen.**

a. ***Hoa sen*** thông thường giải thích là biểu tượng trong sạch, gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Nhưng hoa sen còn mang nhiều ý nghĩa khác, đạo Phật chính là đạo hoa sen. Sao gọi là đạo hoa sen? Thế giới của Bồ Tát Hộ Minh an trụ chính là Thế Giới Liên Hoa Tạng, cũng như thế giới của Phật Đa Bảo là Thế Giới Bảo Tháp. Thế Giới Liên Hoa Tạng (Monde des litus - fr.), theo Phật Học Tự Điển của Đoàn Trung Còn, quyển II, trang 200 có giải thích, mỗi đức Phật đều có cảnh Liên Hoa Tạng Thế Giới của mình. Như Kinh Hoa Nghiêm có chỉ rõ:

* Liên Hoa Tạng Thế Giới của đức Phật Thích Ca

* Liên Hoa Tạng Thế Giới của đức Phật A Di Đà (Kinh Vô LượngThọ và Quán Vô Lượng Thọ)

* Liên Hoa Tạng Thế Giới của đức Phật Đại Nhật (Kinh Đại Nhật)

b. ***Phật đi bảy bước***: số bảy là một pháp tiêu biểu, sự cấu trúc của vạn pháp trong vũ trụ này, theo Vạn Pháp Qua Cái Nhìn Của Duy Thức cùng một tác giả, gồm có bảy yếu tố: đất, nước, lửa, gió, nghiệp lực, nghiệp tướng, Thức A Lại Da. Thiếu một trong bảy yếu tố này vạn pháp không thể thành hình, ngoại trừ thế giới vô sắc.

c. ***Đức Phật đi bảy bước trên bảy hoa sen,*** nghĩa là khắp thế giới, ngài bước chân đến đâu là hoa sen nở đến đó, hay nói một cách khác giáo lý của ngài đi đến đâu là tinh thần hoa sen nở đến đó.

B.- Phương diện lịch sử: Đức Phật Thích Ca ra đời xây dựng xã hội trên nền tảng trí tuệ và từ bi.

1***.- Phần Trí Tuệ***: Trí tuệ, tiếng Phạn là Prajnà, trí tuệ của ngài là trí tuệ siêu việt, trí tuệ ba la mật (Prajnàparamitas). Trí tuệ của ngài có thể nói một thứ trí tuệ vĩ đại đã được chứng minh tản mác khắp cả tạng kinh, đó là trí tuệ phi thường của một giáo chủ thể hiện qua tư tưởng. Là một giáo chủ vĩ đại không phải chỉ vài quyển kinh nho nhỏ không biện chứng. Trong bài này không bàn sâu về trí tuệ, vì nhiều kinh sách cũng như mạng internet đã giải thích rất nhiều.

2.- Phần Từ Bi: gọi cho đủ là tâm từ bi. Tâm từ bi có một số người lầm lẫn giải thích là tâm thương yêu; những người giải thích như thế

vô tình hạ thấp giá trị tâm từ bi của Phật giáo. Tâm thương yêu có mặt trái của nó, vì thương không được thì thù ghét, yêu không được là thù hận. Từ Bi, nghĩa chữ Trung Hoa giải thích: Từ nắng dữ lạc, bi năng bạt khổ. Từ nghĩa là tôn trọng sự sống, tức là không được phá hoại hạnh phúc của chúng sanh; Bi nghĩa là bảo vệ sự sống, tức là thấy chúng sanh đau khổ phải ra tay cứu giúp, không được ngoảnh mặt làm ngơ. Nói cách khác, Tâm từ bi là tâm của Bồ Tát. Tâm Từ là tâm hành động bảo vệ sự sống hạnh phúc của chúng sanh và Tâm Bi là cũng là tâm hành động có nhiệm vụ cứu thoát sự thống khổ của chúng sanh. Chúng ta không cần giải thích nghĩa Tâm Từ Bi là tâm thương yêu, mà chúng ta chỉ cần giải thích thẳng danh xưng tâm từ bi là hàm đủ nhiều ý nghĩa trong đó.

Trong bài này tôi chỉ trình bày những đặc điểm tư tưởng của đức Phật Thích Ca. Sau khi thành đạo, Ngài bắt đầu mở cuộc cách mạng xã hội, đồng thời cũng cách mạng văn hóa tư tưởng. Muốn cách mạng xã hội và văn hóa tư tưởng thành công trước hết phải hoàn tất cuộc cách mạng bản thân.

Thời bấy giờ phái tu khổ hạnh của Bà La Môn chủ trương rất phổ biến và thạnh hành ở Ấn Độ. Đức Phật muốn phá chủ trương này, ngài phải tu hạnh cho hơn các vị khổ hạnh khác. Theo sử liệu mỗi ngày ngài chỉ ăn một hạt mè cho nên thân ốm gầy còn da bọc xương; trong lúc vô rừng tu, ngài được vua Tịnh Phạn phái năm ông Kiều Trần Như vô rừng tu theo ngài cho có bạn, đồng theo dõi báo cáo cho vua và hội đồng tôn giáo Bà La Môn biết; sự tu khổ hạnh của ngài được hội đồng tôn giáo Bà La Môn ca ngợi và phổ biến vang rộng khắp nơi. Sau khi ngài dùng sữa của nàng Sujatas phái tu khổ hạnh của Bà La Môn bị sụp đổ ngay. Ngài chủ trương tu ép xác khổ hạnh là sai lầm lớn chết trước khi chứng quả, còn nếu buông chiều thể xác cũng sai lầm càng tăng thêm dục vọng. Ngài thí dụ người tu nếu ép xác khổ hạnh cũng như cây đờn lên dây quá sẽ đứt, còn buông thả dây quá thì không kêu, mục đích muốn cây đờn kêu ra tiếng. Từ đó ngài bỏ phép tu khổ và đi đến gốc bồ đề thiền tọa, nhơn đây ngài chứng quả bồ đề. Về sự chứng quả dưới cội bồ đề của ngài, tôi không cần kể chi tiết, vì các kinh sách cũng như trên mạng internet cũng đã nói rõ về sự chứng ngộ của ngài. Trong đoạn này tôi muốn nói đặc điểm đức Phật đả phá chủ trương khổ hạnh của Bà La Môn.

C.- Đầu Tiên Thành Lập Tam Bảo

Đức Phật nghĩ rằng sau khi ngài nhập diệt, các đệ tử sau này cũng như dạy các đệ tử của họ nên chọn Tam Bảo làm điểm tựa lý tưởng. Vì lý do đó đức Phật cấp tốc đến Vườn Nai tìm năm ông Kiều Trần Như.

Sau khi đức Phật dùng sữa của nàng Sujatas dâng cúng, năm ông Kiều Trần Như cho rằng Ngài đã bị ô nhiễm trần tục, nên bỏ ngài đi đến Vườn Nai tu riêng. Khi nhìn thấy Phật từ xa đi đến năm ông Kiều Trần Như bàn nhau không tiếp đức Phật rồi tiếp tục ngồi thiền im lặng. Khi đức Phật đến bỗng nhiên năm ông Kiều Trần Như quay lại tiếp rước ngài, lấy nước rửa chân ngài và mời ngài ngồi. Đức Phật liền hỏi:

"Trước khi tôi đến đây, các ông bàn nhau không tiếp tôi, sao bây giờ các ông lại tiếp tôi?"

Năm ông Kiều Trần Như hỏi lại đức Phật:

"Bọn tôi bàn riêng, sao ngài lại biết?"

Đức Phật trả lời:

"Tôi đã chứng quả cho nên tôi biết."

Từ đó năm ông Kiều Trần Như tin tưởng đức Phật đã chứng ngộ, cho nên đức Phật bảo điều gì họ đều nghe theo. Khi bọn họ tin đức Phật, đức Phật bắt đầu giảng Tứ Đế. Tứ Đế, là bốn điều chân thật, gồm có: khổ, tập, diệt, đạo. Đức Phật sau khi giảng Tứ Đế xong, liền tóm lược để phán quyết trước khi thành lập Tam Bảo, gọi là Tam Chuyển Pháp Luân, nghĩa là ba lần chuyển bánh xe pháp. Tam Chuyển Pháp Luân gồm có: thị chuyển, khuyến chuyển và chứng chuyển.

1- Thị chuyển, là chuyển pháp luân chỉ bày gồm có:

·Đây đích thực là khổ,
·Đây đích thực là tập,
·Đây đích thực là diệt,
·Đây đích thực là đạo.

2- Khuyến chuyển, là chuyển pháp luân khuyên bảo gồm có:

·Đây đích thực là khổ các ông phải biết,
·Đây đích thực là tập các ông phải diệt,
·Đây là diệt (Niết Bàn) các ông phải chứng,
·Đây là đạo các ông phải tu.

3- Chứng chuyển, là chuyển pháp luân chứng minh, ở đây lấy bản thân đức Phật chứng minh.

·Đây là khổ ta đã biết,
·Đây tập ta đã diệt,
·Đây diệt (Niết Bàn) ta đã chứng,
·Đây là đạo ta đã tu.

Sau khi đức Phật chuyển pháp luân, năm ông Kiều Trần Như liền đắc pháp, tiếp theo đức Phật thành lập Tam Bảo:

·Phật bảo là chỉ cho đức Phật biểu tượng,
·Pháp bảo là chỉ cho Tứ Đế biểu tượng.
·Tăng bảo là chỉ cho năm ông Khiều Trần Như biểu tượng.

Sau khi thành lập Tam Bảo xong, đức Phật bắt đầu mở con đường hoằng pháp. Con đường hoằng pháp của đức Phật, có nhiều kinh sách cũng như trên mạng internet đã trình bày rất phong phú, nên ở đây chỉ trình bày những đặc điểm về kỹ thuật mà đức Phật áp dụng trên hành trình hoằng pháp.

Trên con đường hoằng pháp, dĩ nhiên đức Phật gặp rất nhiều thuận duyên cũng có và cũng gặp rất nhiều nghịch duyên. Cho nên đức Phật luôn luôn áp dụng bốn kỹ thuật để hóa giải: bốn kỹ thuật là: giải đáp, mặc đáp, phản đáp và vấn đáp.

a. <u>*Giải đáp,*</u> nghĩa giải thích để trả lời; thí dụ như theo truyền thuyết một bà già có đứa con yêu quý đã chết, bà liền đến gặp đức Phật liền đảnh lễ cầu xin đức Phật cứu sống con bà; đức Phật liền trả lời, bà hãy đi đến nhà nào có năm đời không người chết xin tro của họ đem về cho Phật, Phật sẽ cứu con bà. Bà đi hỏi khắp nơi liền thất vọng trở về bạch Phật; bà nói nhà nào năm đời cũng có người chết, nhân đó đức Phật liền giảng lý vô thường, thế là bà liền giác ngộ. Đây là phương pháp giải đáp và phương pháp này được thấy rất nhiều trong Kinh Tạng.

b. <u>*Mặc Đáp,*</u> nghĩa là trả lời bằng cách làm thinh không nói, hoặc trả lời bằng hành động

không nói. Có nhiều người đến hỏi đức Phật có tánh cách chất vấn hơn thành tâm đức Phật không trả lời và trả lời qua hành động để chứng minh. Thí dụ như vua thỉnh đức Phật và tăng đoàn vào cung để cúng dường, đức Phật làm thinh không trả lời, thế là vua biết liền trở về cung tổ chức, lập tức đức Phật và tăng đoàn cùng nhau đi vào cung vua để thọ trai. Đây là phương pháp mặc đáp, được thấy rất nhiều trong Kinh Tạng.

c. *Phản Đáp,* trả lời bằng cách phản bác. Thí dụ như Bà La Môn chủ trương vạn hữu vũ trụ do Brahman sanh, đức Phật bác liền chủ trương vạn hữu vũ trụ đều do nhân duyên sanh mà không phải do Brahman sanh. Thêm nữa, khi Thái Tử đi dạo bốn cửa thành, đến cửa thành thứ tư, gặp một vị sa môn, liền xuống xe đến hỏi mục đích; vị sa môn trả lời, bần đạo xuất gia để tìm phương pháp cứu khổ chúng sanh. Thái Tử nghe xong liền trở về cung xin vua cha xuất gia. Vua Tịnh Phạn nghe xong liền can ngăn đủ điều. Vua nói sự nghiệp này phụ vương để lại cho con, nếu con đi xuất gia thì sự nghiệp này để lại cho ai! Ngài nói, muốn con không đi xuất gia, phụ vương phải chấp nhận bốn điều kiện sau đây:

·Cho con trẻ mãi không già,

·Cho con mạnh khoẻ mãi không đau.

·Cho con sống mãi không chết,

·Cho con đi cứu khổ tất cả chúng sanh.

Đây cũng là phương pháp phản đáp, vua Tịnh Phạn trả lời không được, liền ra lệnh giới nghiêm trăm phần trăm cấm không cho Thái Tử đi xuất gia.

d. *Vấn Đáp*: nghĩa là hỏi tức là trả lời. Đây là phần vấn đáp rất quan trọng trong công thức truyền giáo của đức Phật. Một người đến hỏi đức Phật, đức Phật không trả lời mà còn hỏi lại mục đích của người hỏi gọi là Vấn; đức Phật liền đem giáo pháp của ngài, giải thích sự thắc mắc của họ, gọi là Đáp, gọi cho đủ là Vấn Đáp. Cụ thể như, Trưởng Giả (Đại Gia) Cấp Cô Độc, đến gặp đức Phật tại Tịnh Xá Trúc Lâm, liền trình bày sự thắc mắc của Trưởng Giả, đức Phật giải tỏa sự thắc mắc của Trưởng Giả, Trưởng Giả quá vui mừng liền chạy về nước Kiều Tát La xin mua vườn Thượng Uyển của Thái Tử Kỳ Đà. Hai bên thương lượng mua bán xong, nhưng Thái Tử đặt điều kiện không được đốn cây đại thọ, Trưởng Giả đồng ý, liền ra tay xây dựng Tịnh Xá, lấy tên là Tịnh Xá Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên hiến dâng cúng dường cho đức Phật.

* Tiếp theo trường hợp thứ hai, khi đức Phật độ người gánh phân thuộc dòng hạ tiện, tiếng vang đến vua Ba Tư Nặc. Vua Ba Tư Nặc cùng quần thần kéo đến gặp đức Phật, đức Phật biết có chuyện, liền sai vị A La Hán có thần thông ra trước ngọ môn biểu diễn vài thần thông cho vua thấy rồi biến mất. Vua Ba Tư Nặc và quần đều cúi đầu đảnh lễ, khi nhìn lên vua và tất cả đều không thấy vị A La Hán đó ở đâu. Lúc đó vua đi kiếm bỗng nhiên gặp đức Phật, đức Phật mời vua vào tịnh thất, sau khi tất cả an tọa xong, đức Phật mới hỏi bệ hạ đến đây có chuyện gì?

Vua trả lời, "Nghe nói Thế Tôn độ người gánh phân thuộc dòng hạ tiện phải không?"

Đức Phật trả lời có. Vua yêu cầu Thế Tôn trục xuất kẻ ấy đi để không làm ô nhiễm Tăng Đoàn. Đức Phật không nói gì liền hỏi lại vua:

- Bệ hạ vào đây có gặp vị Sa Môn nào không?

Vua trả lời:

"Có, trẫm thấy vị Sa Môn đó là thánh nhân nên trẫm đảnh lễ, nhưng khi đứng lên không thấy vị Sa Môn đó ở đâu."

Đức Phật trả lời:

"Vị Sa Môn đó là người gánh phân."

Vua Ba Tư Nặc nghe qua vô cùng ngỡ ngàng. Nhân đó đức Phật giảng, Một xã hội tiến bộ, Bệ Hạ có trách nhiệm bảo vệ trật tự an ninh, nếu không thì xã hội sẽ loạn, đó là bổn phận của Bệ Hạ, ngoài Bệ Hạ không có ai thay thế được; một xã hội giàu có ấm no, sĩ nông công thương phải có trách nhiệm xây dựng phát huy, đó là bổn phận của họ, nếu không có họ đóng góp thì xã hội nghèo đói, không ai thay thế được, kể cả Bệ Hạ; một xã hội sạch sẽ vệ sinh, người gánh phân phải có trách nhiệm, đó là bổn phận của người gánh phân, nếu không có họ xã hội sẽ hôi thúi. Tóm lại xã hội không có vấn đề giai cấp chỉ có bổn phận và trách nhiệm.

Vua Ba Tư Nặc nghe đức Phật trình bày qua, làm thinh trong tâm tư đồng ý và không có đề cập đến người gánh phân.

*- Tiếp theo trường hợp thứ ba, câu truyện nàng Ma Đăng Già yêu ông A Nan. Một hôm nọ, ông A Nan đi khất thực một mình, khi đi ngang qua nhà của nàng Ma Đăng Già. Nàng Ma Đăng Già thấy ông A Nan quá đẹp trai liền khởi tâm yêu đam mê ông A Nan, và tìm cách bắt cóc ông A Nan bằng phương pháp dùng thần chú Ta Tỳ La Phạm Thiên mê hoặc ông A Nan. Lúc đó ông A Nan bất tỉnh, theo nàng Ma Đăng Già vào phòng sắp bị phạm giới, bỗng nhiên đức Phật biết, cấp tốc phái ngài Văn Thù thiết lập năm đàn tràng (Năm Đàn Tràng gồm có Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung Ương, mỗi Đàn Tràng, ngài Văn Thù ra lệnh một số Thần Kim Cang Phật Tích trấn thủ, sau đó ngài Văn Thù đi cứu ông A Nan. Muốn rõ Đàn Tràng này xin đọc bài Tựa Kinh Lăng Nghiêm), đem thần chú Lăng Nghiêm hóa giải chú Ta Tỳ La Phạm Thiên cứu ông A Nan đem về tịnh xá trình diện trước đức Phật. Thấy đức Phật, ông A Nan liền quỳ xuống vừa đảnh lễ vừa khóc; đức Phật biết không có gì liền an ủi. Tiếp theo nàng Ma Đăng Già trực tiếp đến tịnh xá gặp thẳng đức Phật cầu xin đức Phật gả ông A Nan cho con, con rất yêu ông A Nan. Đức Phật liền hỏi:

- Cô yêu ông A Nan thật phải không?

Cô trả lời:

- Con yêu ông A Nan thật.

- Cô yêu ông A Nan thật, Phật bảo gì cô có làm theo không?

- Phật biểu gì con liền làm theo.

- Nhất định phải không?

- Con nhất định.

Tiếp theo, đức Phật bảo, ông A Nan đầu cạo, cô về xin mẹ cạo đầu giống như ông A Nan đến đây Phật sẽ gả ông A Nan cho cô. Cô liền chạy thẳng về nhà thưa mẹ rằng Phật bảo con phải cạo đầu giống như ông A Nan thì Phật mới gả ông A Nan cho con. Bà mẹ thương con liền đồng ý bảo con làm sao cứ làm. Vì quá yêu ông A Nan cô can đảm cạo bỏ đầu tóc quý phái của cô, cạo tóc xong, cô chạy thẳng đến tịnh xá trình diện đức Phật, đức Phật liền mở cuộc vấn đáp độc đáo nhất, Phật liền hỏi:

- Cô yêu ông A Nan ở chỗ nào?

- Con yêu ông A Nan có đôi mắt quá đẹp.

- Cặp mắt của ông A Nan đâu có gì đẹp, vì đầy cả ghèn, mỗi ngày phải rửa mặt lau cho sạch.
- Ông A Nan có sống mũi đẹp.
- Sống mũi có gì đẹp, trong đó chứa đầy chất dơ.
- Ông A Nan có miệng đẹp.
- Miệng có gì đẹp thở ra đầy mùi hôi...

Đức Phật giảng trong cửu khiếu của ông A Nan không có gì đẹp, vì là những chỗ chứa đầy bất tịnh, cô Ma Đăng Già nghe đức Phật giải thích qua liền tỏ ngộ không còn yêu nữa, liền xin Phật xuất gia. Đức Phật lập tức thọ ký và gởi cô qua bà dì là Ma Ha Ba Xà Ba Đề để cô tu cùng các cô trong Ni Đoàn cho có bạn, nghe đâu cô chứng quả A La Hán sớm hơn ông A Nan.

Trong bốn kỹ thuật truyền giáo: giải đáp, mặc đáp, phản đáp và vấn đáp, mục vấn đáp, đức Phật thành công lớn nhất, chinh phục được các trưởng giả (các đại gia), các vua chúa, từ đó uy tín của đức Phật vang dội khắp nơi cả Ấn Độ do các vị trưởng giả vua chúa phổ biến, cho nên đức Phật và Tăng Đoàn đến đâu đều được các trưởng giả, các vua chúa và dân chúng ra đón rước trọng thể.

D.- Phần Kết Luận:

Bản nguyện của ngài là gì khi hóa thân đến trần gian này? Đức Phật Thích Ca xuống trần gian này để mở một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên trí tuệ và từ bi. Kỷ nguyên này được khởi điểm từ Ấn Độ. Tại Ấn Độ đức Phật thành công ba cuộc cách mạng, sau khi thành công cách mạng bản thân được chứng quả thành Phật, tiếp theo đức Phật thành công đả phá giai cấp và nô lệ để xây dựng chủ nghĩa bình đẳng đặt trên nền tảng tinh thần trí tuệ và từ bi. Trên đường xây dựng, đức Phật áp dụng phương thức kỹ thuật: giải đáp, mặc đáp, phản đáp và vấn đáp, tất cả đều thành công vẻ vang. Có thể nói những đặc điểm vừa trình bày trên cũng đủ nói lên giá trị siêu phàm của đức Phật Thích Ca. Trong bài "Đức Phật, Nhà Đại Cách Mạng," ở đoạn kết luận có đoạn: "Ngài xứng đáng là bậc vĩ nhân trên hết trong tất cả vĩ nhân trên thế giới. Ngài không còn là con người của dân tộc Ấn Độ tôn thờ, mà của chung tất cả nhân loại noi gương."

Thích Thắng Hoan
Chùa Phật Quang
Trung Tâm Trước Tác và Phiên Dịch.

ẢO HÓA

dập dềnh phố thị trôi qua
đèn vàng bảng tím la đà hiện sinh
men cay phục rượu hữu tình
nhân duyên dốc trả vô minh mấy lần
nợ đời dan díu căn phần
mai kia thả gió bụi vòng chân sương
hai tay vỗ nhịp vô chừng
sắc không cô đặc bên đường tử sinh.

TRÊN ĐƯỜNG

cành khô gầy guộc
lá sót một vài
trên con đường nhỏ
ửng hồng ban mai
người phu quét lá
cúi nhặt hoa tàn
tấc lòng quạnh nhớ
hồn quê mênh mang.

NHỊ NGUYÊN

đi loanh quanh mãi
bỗng chật chỗ về
tay chân bải hoải
bốn phía là mê
nghìn trùng lữ thứ
chân mỏi đường dài
mồ hôi bốc khói
chiếc bóng hàng hai
phân đôi phố thị
mở ngõ tình quê
sầu thiên cổ lụy
bủa kín lối về
vui buồn trùng điệp
dệt sợi căn phần
hồn ai lẫm liệt
dọi bóng mùa trăng.

thơ PHÙ DU

TAM HỢP

Đã bảo rằng không sao có ta
Ấy là giả tạm đó thôi mà
Ngũ uẩn luân lưu tan hợp mãi
Đọa – thăng, họa – phước đã bao đời

Cao thiên hạ thú lắm chơi vơi
Trung vị em ơi ấy kiếp người
Đây là cơ hội tu huệ phước
Dẫu vậy nhân gian được bấy nhiêu

Phật đã dày công những sớm chiều
Thế Tôn hoằng hóa diệu kỳ thay
Thị hiện sơ sanh đi bảy bước
Nhân, thiên hoan hỷ rước Như Lai

Ngài đến nơi này một sớm mai
Lần đầu thuyết pháp ở vườn nai
Tứ đế là đây bày lẽ thật
Con đường giải thoát Phật tuyên xưng

Ba cõi vui mừng đất chuyển rung
Từ bi vô hạn dạ bao dung
Thương đàn con dại chung nhà lửa
Phương tiện bày ra cửa ngũ thừa

Nhất bát tam y thọ thực trưa
Một đời tinh tấn chẳng dây dưa
Rời bỏ tệ đoan hai thái cực
Duy đường trung đạo thực hành thôi

Trời đêm gần sáng sao đổi ngôi
Trí huệ bừng lên giác ngộ rồi
Mạn thù hoa trắng tràn ba cõi
Từ quang rạng rỡ soi thế gian

Phật đã về đây ánh đạo vàng
Con đường giải thoát rộng thênh thang
Thánh đạo chia ra làm tám nhánh
Y giáo noi theo hạnh sẽ thành

Lục độ nâng cao đặng quả lành
Sống đời an lạc dưới trời xanh
Thế Tôn khai mở con đường sáng
Tứ chúng đồng tâm ráng phụng hành

Dưới cội vô ưu Phật đản sinh
Trăng tròn rằm lớn đại quang minh
Sa La song thọ rừng yên tĩnh
Diệt độ còn thương chúng hữu tình

Sáu cách rủng rùng đất động rung
Như Lai thuyết giáo thậm viên dung
Lợi lạc tùy theo căn tánh chúng
Cơn mưa pháp xuống chẳng riêng chung

Đuốc pháp phá tan tối mịt mùng
Trống pháp vang lừng khởi dung thông
Giục người thức tỉnh từ cơn mộng
Ngộ đã vuông tròn rộng giác tha

Thế giới hôm nay dẫu khác xa
Nhân tâm, quốc độ với sơn hà
Chỉ riêng giải thoát con đường đạo
Kim – cổ, đông – tây vẫn mãi là

Tháng Tư về lại giữa Sa Bà
Trời người muôn loại hỷ hoan ca
Lễ mừng Tam Hợp tăng-già tán
Phước huệ ngài hơn vạn ánh sao

Tưởng niệm Phật đà dạ nao nao
Nghĩ đến công lao đấng đại từ
Như khứ Như Lai như thị thuyết
Bản hoài duy nhất quyết độ sanh.

thơ TIỂU LỤC THẦN PHONG

Ất Lăng thành, 05/2021

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ĐIỀU KIỆN VÀ QUANG MINH THỊ HIỆN ĐẢN SANH CỦA ĐỨC THẾ TÔN

Thích Nữ Giới Hương

Cuộc sống nhân loại trải qua nhiều thời kỳ, con người không ngừng biến đổi để thích nghi với hoàn cảnh sống, từ đó cũng thay đổi tâm tính của mình, từng giai đoạn hình thành của lịch sử nhân loại, con người sống được vui vẻ hơn, hạnh phúc hơn hoặc đau khổ hơn vì đắm chìm trong ngũ dục.

Khi tam tai (*tai họa về dịch bệnh, chiến tranh binh đao, đói kém*), tám nạn (*nạn đọa trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, cõi trời Trường thọ thiên, biên địa, sáu căn không đầy đủ, tà kiến và sinh thời không có Phật*) diễn ra trên cõi đời, thì lúc đó chư Phật và bồ tát sẽ xuất hiện để điểm thị giúp chúng sanh thoát nẻo khổ sanh tử luân hồi.

Cách đây hơn 2600 năm, tại đất nước Ấn Độ (nay là Nepal), Bồ tát Hộ Minh (tiền thân của Đức Phật Thích Ca) từ cung trời Đâu Suất giáng sanh xuống thế giới ta bà, trong hình thức voi trắng sáu ngà, nhập thai Mẫu Hậu Maya, phu nhân của Vua Tịnh Phạn, đang cai trị đất nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bồ tát Hộ Minh từ cõi trời Đâu Suất giáng sanh

Sự giáng trần của Bồ-tát Hộ Minh được miêu tả chi tiết trong cuốn Mi-Tiên Vấn Đáp (Milinda Panha) (1). Vào kiếp cận cuối cùng tại cung trời Đẩu-suất-đà, Bồ tát Hộ Minh trước khi giáng thế, ngài quán xét nơi nào và khi nào thích hợp để đản sanh để cứu độ muôn loài. Ngài đúc kết với 8 điều kiện như sau:

1) Thời kỳ thích hợp (Kàlam viloketi): trong thời kỳ này có quá nhiều chúng sanh mê dại không biết phải trái, đắm chìm trong khổ đau của ngũ dục. Đây là lúc ngài ra đời độ sanh.
2) Khi tuổi thọ của chúng sanh thích hợp (chiều giảm) (Ayum viloketi): dân chúng cõi Ta bà (trái đất hành tinh xanh này) sống trung bình khoảng một trăm tuổi, chứ không phải 84 ngàn tuổi, trường thọ như Kinh Di Lặc (2) thường nói. Như vậy, tuổi thọ của chúng sanh đang giảm xuống, vì ít làm thiện, tạo nhiều ác nghiệp, nên ngài cần phải thị hiện để hướng dẫn chúng sanh tu tập, tăng phước, tăng thọ.
3) Trong bốn châu (3) (châu nào thích hợp - Dìpam viloketi): ngài chọn Nam Thiện bộ Châu là nơi thích hợp để đản sanh.
4) Quốc gia nào thích hợp (Desam viloketi): ngài chọn Ấn độ bởi lẽ Ấn Độ đông dân, nghèo khổ, nhưng biết hướng đến tâm linh, nên nhiều bậc thánh hiền và triết gia phát nguyện tái sanh sinh tại đây để cứu khổ.
5) Gia tộc thích hợp (Kulam viloketi): ngài chọn sanh trong giòng họ Sakya Thích Ca. Một dòng tộc nhiều đời nhiều kiếp tu tập và có đầy đủ phước báu của loài người.
6) Chọn Phụ Mẫu thích hợp (Janettim viloketi): ngài chọn Hoàng hậu Maya làm Phật mẫu và Vua Tịnh Phạn làm phụ thân, vì vua và hoàng hậu trong nhiều kiếp quá khứ và hiện tại phát nguyện tu trì và muốn con cái sống trí huệ.
7) Chọn ngày đản sinh (Màsam viloketi): ngài chọn Mồng 8 tháng 4 âm lịch (Phật giáo Nguyên Thủy cho rằng ngày rằm tháng 4). Đây là nùa xuân, thời tiết tốt đẹp, mùa màng xanh tươi trăm hoa đua nở, là thời điểm tốt để đản sanh trong vườn thượng uyển Lâm-tì-ni, dưới bóng cây vô ưu.
8) Chọn nơi nào để ngài xuất gia tu học thích hợp và sẽ giúp đưa đến chứng quả giác ngộ (Nekkhamma viloketi): Ngài chọn Bồ-đề-đạo-tràng, Bihar, Ấn Độ, vì nơi đây được xem là trung tâm của trái đất, nơi có khí thiêng linh địa.

Trong *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* (4), phẩm 38, đã mô tả mười Quang Minh Thị Hiện của Đức Phật Thích Ca (tức Bồ tát Hộ

Minh) từ cõi Đâu Suất khi đản sanh nơi thế giới Ta bà như sau:

1) Đại quang minh "An lạc trang nghiêm" được phóng ra từ dưới chân của Ngài, chiếu khắp cõi Đại Thiên thế giới. Tất cả ác đạo và những chúng sanh hoạn nạn được quang minh chạm đến, đều khỏi khổ, được an lạc. Được an lạc rồi và biết sắp có bực đại nhân kỳ đặc xuất hiện tại thế gian.
2) Biết đại Bồ Tát sắp giáng sanh, chư thiên đem vô lượng thực phẩm và lễ vật đến cúng dường.
3) Đại quang minh "Thanh Tịnh Cảnh Giới" được phóng ra từ bàn tay phải của Ngài, mang đến sự trang nghiêm thanh tịnh cho tất cả Đại Thiên thế giới.
4) Đại quang minh "Thanh tịnh trang nghiêm" được phóng ra từ đầu gối của đại bồ tát, chiếu sáng khắp cung điện của chư Thiên. Chư Thiên hội tựu đem tràng hoa, y phục và phẩm vật đến cúng dường, và theo hộ trì Bồ Tát từ lúc *hạ sanh nhẫn đến nhập Niết bàn*.
5) Đại quang minh "Vô năng thắng tràng" được phóng ra từ trong tâm trang nghiêm của chữ "Vạn", chiếu khắp tất cả thế giới mười phương đến thân của tất cả Kim Cang lực sĩ. Bấy giờ có trăm ức Kim Cang lực sĩ đều vân tập theo hầu hạ Ngài đại Bồ Tát từ lúc *giáng sanh nhẫn đến lúc nhập Niết bàn.*
6) Đại quang "Phân biệt chúng sanh" được phóng ra từ tất cả lỗ lông trên thân thể của Ngài, chiếu khắp Đại Thiên thế giới, chạm đến thân thể của tất cả Bồ Tát. Và các vị Chư Bồ Tát đó theo cúng dường và hộ trì đức Như Lai giáo hóa chúng sanh.
7) Đại quang minh "Thiện trụ quán sát" chiếu đến nơi các vị Bồ Tát sẽ sanh ra. Khi quang minh này đã chiếu xong, những Bồ Tát quán sát Diêm Phù Đề, nơi nào thích hợp mà hiện thọ sanh, để giáo hoá các chúng sanh.
8) Đại quang minh "Nhứt thiết cung điện thanh tịnh trang nghiêm" được chiếu đến bụng của hoàng hậu và ngài sẽ thác sanh vào đó. Quang minh chiếu xong, Hoàng Hậu yên vui, thành tựu đầy đủ tất cả công đức, và trong thai mẫu có các quảng đại trang nghiêm với đại ma ni bửu, để cưu mang hình thể hài nhi của đại Bồ Tát.
9) Đại quang minh "Thiện Trụ" chiếu sáng. Từ chư Thiên Tử đến các Phạm Thiên khi sắp lâm chung được quang minh chạm đến thân thể, đều được trụ thọ mạng, kéo dài mạng sống để có thời gian cúng dường đại Bồ Tát từ lúc *mới hạ sanh nhẫn đến nhập Niết bàn*.
10) Đại quang minh "Nhựt nguyệt trang nghiêm" thị hiện những hạnh nghiệp của Bồ Tát chiếu sáng để trời và người lúc bấy giờ được hiển thị được hạnh nghiệp của *Bồ Tát ở cung Đâu Suất, ở thai nhi, ở sơ sanh, hoặc ở cuộc sống xuất gia, hay đã Thành đạo, hoặc thấy chuyển Pháp luân, ở hàng ma, và nhập Niết bàn.*

Khi mười hiển thị đã xảy ra cũng là lúc Phật giáng thế hoằng dương Phật Pháp cứu độ muôn loài. Chúng sanh nào chạm được quang minh đó, thời cảm an lạc, tinh tấn hành đạo.

Hạnh phúc thay! Thế giới tà bà của chúng ta đã có đủ tám điều kiện và mười quang minh thị hiện thích hợp để bậc thánh nhân từ bi thị hiện với vô lượng quang minh hy hữu cứu khổ sáu đạo trầm luân.

Hạnh phúc và may mắn thay! Chúng ta được nhận thông điệp giải thoát của Ngài và được sống cùng tăng đoàn, được học Phật pháp, và tu học để được giải thoát.

Mùa Phật đản lại về trên đất khách
Chút tâm thành con xin chúc Thế Tôn
Thêm một năm Phật Đạo được vuông tròn
Giúp nhân thế xa lìa nơi bể khổ…

Trời người chào đón Đức Thế Tôn đản sanh

Nam Mô Lâm-tì-ni, Vô ưu thọ hạ, thị hiện Đản sanh, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh.

Chùa Hương Sen, mùa Phật đản PL 2566,
tháng 4 năm 2022
Thích Nữ Giới Hương
Huongsentemple@gmail.com

---

1) Mi Tiên Vấn Đáp (Milinda Panha), Dịch giả: Hòa thượng Giới Nghiêm (Maha Thera Thita Silo). Tỳ kheo Giới Đức hiệu đính, ấn bản 2003. https://thuvienhoasen.org/a969/mi-tien-van-dap
2) Kinh Di Lặc Hạ Sanh Thành Phật. http://www.huongsentemple.com/index.php/vn/phat-phap/nghi-la-ha-ng-nga-y/6302-ii-1-cung-giao-thua
3) Theo khoa cổ vũ trụ học Phật Giáo, và theo vũ trụ quan Ấn Độ xưa có bốn châu trong thế giới Ta Bà, tứ hướng xung quanh núi Tu Di, trong vũ trụ (trái đất của chúng ta) có 4 châu:, Bắc Cu-Lư Châu *(Uttara-kuru),* Tây Ngưu-Hóa Châu *(Godana*) và Đông Thắng-Thần Châu *(Purva-Videha)* và Nam Thiệm-Bộ Châu *(Jambudvipa).* https://thuvienhoasen.org/a28887/nui-tu-di-va-tu-chau-thien-ha
4) Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, phẩm 38, Ly Thế Gian. https://thuvienhoasen.org/a25245/kinh-hoa-nghiem-dai-phuong-quang-phat-quyen-1-va-2

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH - EXECUIVE COUNCIL
4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A Tel (714) 548-4148

THÔNG BÁO SỐ 2

AN CƯ KIẾT HẠ và ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN
PL. 2566 – DL. 2022

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư tôn Trưởng lão Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,
Kính thưa quý Cư sĩ thành viên Giáo Hội,

Như Thông Báo Số 1 đã gởi đến Chư Tôn Đức và quý Cư sĩ thành viên Giáo Hội biết rõ về thời gian và địa điểm tổ chức An Cư Kiết Hạ và Đại Hội Thường Niên lần thứ II nhiệm kỳ IV và hôm nay là Thông Báo Số 2 minh định thời gian ghi danh An Cư Kiết Hạ cũng như chương trình cụ thể của Đại Hội Thường Niên lần thứ II nhiệm kỳ IV như sau:

- **Chư Tôn Đức Tăng Ni ghi danh An Cư Kiết Hạ 10 ngày từ ngày 13 đến 23 tháng 6 năm 2022** qua số điện thoại:

Thượng Tọa Thích Hạnh Tuệ - Tu Viện Pháp Vương (619) 278-9837
hoặc **Đại Đức Thích Thường Thiện - Chùa Bát Nhã (714) 200-4703.**

Thời gian ghi danh từ nay đến hết ngày 06 tháng 6 năm 2022 để Ban Tổ Chức tiện việc sắp xếp cho Đạo tràng An Cư Kiết Hạ được chu đáo.

Chương trình họp Đại Hội Thường Niên: Thứ Hai, ngày 13 tháng 6 năm 2022.

- 10 giờ 00 sáng: Cung thỉnh Chư Tôn Đức và quý thành viên Giáo Hội quang lâm hội trường.
- 04 giờ 00 chiều: Bế mạc Đại Hội (sẽ có chương trình chi tiết sau)
- 07 giờ 00 tối cùng ngày: **Họp Tăng để Cung an chức sự Trường Hạ.**

Trân trọng kính Thông Báo Số 2 này đến quí Ngài tường lãm để cho Phật sự của Giáo Hội được thập phần viên mãn.

Kính niệm ân đức của quý Trưởng lão Hòa Thượng, quý Thượng Toạ, Đại Đức, Tăng Ni cùng toàn thể quý Cư sĩ thành viên Giáo Hội luôn được vô lượng an khang, cát tường như ý.

Nam Mô Thành Tựu Trang Nghiêm Công Đức Phật.

Santa Ana, ngày 23 tháng 04 năm 2022

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK
Chủ tịch,
Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Nơi nhận:
- Hội Đồng Giáo Phẩm "để kính thẩm tường,"
- Hội Đồng Điều Hành "để tri hành,"
- Hồ sơ lưu.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CHƯ PHẬT ĐẢN SINH...
LIÊN HỆ GIỮA KINH A HÀM VÀ THIỀN TÔNG

Chân Hiền Tâm

Kinh Tăng Nhất A Hàm quyển III kể rằng:

Khi đức Phật hiệu Tì-bà-thi Như Lai ra đời, Thánh chúng lúc ấy có ba hội, toàn là bậc A la hán. Trong 100 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật Tì-bà-thi chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

"Nhẫn nhục là bậc nhất
Phật nói vô vi hơn
Không do cạo râu tóc
Làm sa môn hại người."

Một trăm năm sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, đức Phật mới lập giới cấm.

Kế là đức Phật hiệu là Thi-khí Như Lai ra đời, bấy giờ Thánh chúng cũng có ba hội. Trong 80 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

"Nếu mắt thấy tà vạy
Người trí giữ không đắm
Xả bỏ các điều ác
Là trí tuệ ở đời."

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới đặt ra giới cấm.

Trong Hiền kiếp ấy, đức Phật hiệu là Tì-xá-la-bà ra đời, bấy giờ Thánh chúng cũng có ba hội. Trong 70 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

"Không hại cũng không quấy
Vâng giữ theo đại giới
Ăn uống biết vừa đủ
Giường tòa cũng như vậy
Chuyên tâm và chí thành
Là lời chư Phật dạy."

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới đặt ra giới cấm.

Trong Hiền kiếp ấy, đức Phật hiệu là Câu-lưu-tôn ra đời, bấy giờ Thánh chúng có hai hội. Trong 60 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật chỉ dùng một hai bài kệ làm giới cấm:

"Ví như ông hút hoa
Sắc hoa rất sạch thơm
Lấy vị ngọt cho người
Đạo sĩ vào làng xóm
Không chê bai việc người
Cũng không nhìn phải quấy
Chỉ tự quán thân hạnh
Quán kỹ chánh không chánh."

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới đặt ra giới cấm.

Trong Hiền kiếp ấy, đức Phật hiệu là Câu-na-hàm Mâu-ni Như Lai ra đời, bấy giờ Thánh chúng có hai hội. Trong 40 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

"Giữ chí chớ khinh lờn
Nên học đạo vắng lặng
Bậc hiền không lo buồn
Nên giữ tâm tịch diệt."

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới đặt ra giới cấm.

Khi đức Phật hiệu là Ca-diếp ra đời, bấy giờ Thánh chúng có hai hội. Trong 20 năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

"Chớ làm các điều ác
Vâng làm các điều lành
Giữ tâm ý thanh tịnh
Là lời chư Phật dạy."

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới đặt ra giới cấm.

Khi Phật Thích-ca Mâu-ni Như Lai ra đời, có một hội Thánh chúng gồm 1250 người. Trong 12 năm đầu không có người phạm giới, Phật dùng một bài kệ làm giới cấm:

"Giữ miệng ý thanh tịnh
Thân hành cũng thanh tịnh
Thanh tịnh ba hạnh này
Tu hành đạo tiên nhân."

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Phật mới có 250 giới cấm v.v...

Thời kỳ tăng chúng được thanh tịnh không cần đến giới luật, giảm dần qua các đời. So với Thánh chúng trong các hội, thánh chúng của Phật Thích-ca cũng rất ít. So với tuổi thọ của các Phật trước, tuổi thọ của Phật Thích-ca cũng rất ngắn. Tuy vậy, sau khi các đức Phật quá khứ diệt độ, pháp không trụ lâu ở đời. Chỉ sau khi Phật Thích-ca diệt độ, chánh pháp mới trụ lâu ở đời. Trong kinh, Phật nói với ngài A-nan: "Không nên nghĩ đệ tử của ta ít. Đệ tử của ta ở phương đông nhiều vô ức ngàn, ở phương nam cũng vô số ức ngàn. Cho nên, này A-nan! Hãy nghĩ như vầy: Phật Thích-ca

của ta thọ mạng rất dài lâu. Vì sao? Vì nhục thân tuy diệt độ nhưng pháp thân tồn tại. Đây là nghĩa vừa nói. Ông hãy ghi nhớ lấy!" [1]. Điều này ứng với việc Phật đã nói khi vừa sinh ra và đi đến bước thứ bảy: "Trên trời dưới đất chỉ mình ta là tôn quí." Ta, chỉ cho pháp thân mà Phật đã nói, là tánh thể mà chúng sinh và Phật đồng có, chỉ do mê hay ngộ mà ẩn hay hiển, không phải chỉ cho nhục thân hay cái tôi của Thích-ca Mâu-ni.

Lâu xa về sau, đến thời Phật Di-lặc ra đời, khi ấy ở Diêm-phù-đề, các thứ núi sông vách đá đều tự tiêu diệt, đất đai bằng phẳng ngay ngắn như gương sáng, thời tiết khí hậu điều hòa, thần người không có tham dục, sân nhuế, ngu si, lười biếng v.v… Y phục tự có. Đại địa tự nhiên sinh lúa. Tiền tài của cải như ngói gạch không ai quan tâm. Lúc ấy có một đại thần tên là Tu-phạm-ma, không cao không thấp, không mập không ốm, không trắng không đen, không già không trẻ. Vợ là Phạm-ma-việt, không có tám mươi bốn trạng thái của người nữ, không bệnh, ý không tán loạn. Ở cung trời Đâu Suất, Bồ-tát Di-lặc quán sát thấy cha mẹ không già không trẻ, liền giáng thần hạ sinh từ hông bên phải như Thích-ca. Ngài cũng có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân màu hoàng kim. Đại thần đặt tên cho con là Di lặc.

Di-lặc ở nhà không bao lâu bèn xuất gia học đạo. Xuất gia vào nửa đêm, ngay đêm đó thành đạo dưới cội Long Hoa. Cõi nước rung động theo sáu cách. Địa thần bảo nhau: "Di-lặc đã thành Phật." Lời ấy truyền đến cung trời Tứ thiên vương, rồi đến Tam thập tam thiên, Diệm-ma thiên, Đâu suất thiên v.v… Ma vương đem vô số chư Thiên cõi dục đến lễ bái cung kính. Cha Tu-phạm-ma, mẹ Phạm-ma-Việt, trưởng giả Thiện Tài v.v… mỗi người đều mang tám muôn bốn ngàn người đến chỗ Di-lặc. Di-lặc vì họ mà thuyết pháp Tứ đế, bố thí, trì giới v.v…

Phật Thích Ca nói với đệ tử hành 12 hạnh đầu đà là Đại Ca-diếp, Sơ tổ của Thiền tông, như sau: "Này Đại Ca-diếp! Ông không nên nhập niết bàn. Nên đợi đến khi Di-lặc ra đời. Vì sao? Vì đệ tử của Phật Di-lặc giáo hóa đều là đệ tử của ta, do ta hóa độ để lại, đã sạch hữu lậu. Đại Ca-diếp sẽ trụ trong núi ở thôn Tì-đề xứ Ma-kiệt cho đến khi Phật Di-lặc mang đại chúng vây quanh núi. Nương ân đức Phật, các quỉ thần vì Phật mở cửa, khiến mọi người thấy được Ca-diếp đang tọa thiền trong đó. Thấy rồi, vô số chúng sinh chấm dứt trần cấu được pháp nhãn thanh tịnh. Chín mươi sáu ức người đều chứng La-hán. Vì sao? Vì đều nhận sự giáo hóa của ta. Cũng do nhân duyên bốn món cúng dường: Bố thí, nhân ái, lợi hành và đồng sự. Này A-nan! Bấy giờ Di-lặc sẽ đắp y tăng-già-lê của Ca-diếp. Khi đó thân thể Ca-diếp tan rã. Di-lặc liền mang các thứ hương hoa cúng dường Ca-diếp. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn đều có tâm cung kính đối với chánh pháp. Di-lặc cũng do chánh pháp hóa mà có được, thành tựu đạo vô thượng chánh giác". Xem ra, Đại Ca-diếp tuy không lộ diện, nhưng lại chính là người nắm giữ mạng mạch Phật pháp từ thời Phật Thích-ca cho đến Di-lặc.

Thời Di-lặc, trong 1000 năm đầu, chúng tăng không lỗi lầm. Di-lặc thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

"Miệng và ý không ác
Thân cũng không phạm ác
Nên trừ ba hạnh này
Chóng thoát vượt sinh tử."

Về sau, trong chúng phát sinh lỗi lầm, Di-lặc mới lập giới cấm.

Phật Di-lặc thọ tám vạn bốn ngàn tuổi, pháp để lại tồn tại tám vạn bốn ngàn năm. Vì chúng sinh thời ấy đều là hàng lợi căn. Ngài nói: "Trong chúng này có đệ tử của Phật Thích-ca thời quá khứ từng tu phạm hạnh mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca vâng giữ pháp ấy mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca cúng dường Tam bảo mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca tu căn lành trong khoảng khảy móng tay mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca tu Tứ vô lượng tâm mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca thọ trì tam qui ngũ giới mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca tạo dựng tháp miếu chùa viện mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca sửa sang chùa cũ mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca thọ trì Bát quan trai mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca dùng hương hoa cúng dường mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca nghe Phật pháp buồn khóc rơi lệ mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca suốt đời tu phạm hạnh mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca viết kinh đọc tụng mà đến chỗ ta. Hoặc ở nơi Thích-ca thừa sự cúng dường mà đến chỗ ta". Xem ra, hội Long Hoa gần như ai cũng có phần. Chỉ cần tu căn lành trong khoảng một khảy móng tay là đã gieo được cái nhân để gặp Phật Di-lạc trong tương lai, huống là đọc tụng, biên chép, thọ trì các kinh luận Đại thừa. Đã gieo nhân thì đủ duyên sẽ có quả. Nhanh hay chậm, lâu hay mau là do chúng ta tỉnh giác mau hay chậm, chịu tinh tấn tu hành hay giải đãi làm biếng v.v… Song chỉ khi tâm không rơi vào nhị biên phân biệt, ý không tán loạn, thì Di-Lặc trong mỗi chúng ta mới thật sự đản sinh.

Phật Thích-ca dạy: "Thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn được gặp Di-lặc và ba hội chúng thanh văn, muốn ăn lúa thóc tự nhiên và y phục tự nhiên, sau khi chết sinh cõi trời thì hãy nên gắng sức tinh tấn, đừng sinh giải đãi, nên cúng dường thừa sự các Pháp sư, cúng dường các thứ hương hoa hương thơm đừng để thiếu thốn…" Cúng dường trân châu, mã não, đất đai, chùa chiền v.v… thì có khi chúng ta không đủ điều kiện, nhưng cúng dường hương hoa hay thừa sự các Pháp sư thì chắc không khó. Chỉ là tùy tâm của mỗi người có chịu thừa sự, lấy đó làm pháp cúng dường không thôi.

Nhân mùa Phật đản, xin nguyện tất cả chúng sinh, dù là Phật tử hay chưa là Phật tử, đều được "Miệng và ý không ác. Thân cũng không làm ác", lấy đó làm 'pháp cúng dường' cúng dường mười phương chư Phật cùng tất cả chúng sinh trong mười phương pháp giới.

---

[1] Kinh Tăng Nhất A-hàm quyển 3.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

THƯƠNG NGƯỜI THƯƠNG VẬT

THƯƠNG
Thương người thương cả muôn loài
Từ loài nhỏ bé đến loài lớn to
Các ngài Địa Tạng, Quán Âm
Đều quay trở lại độ sanh cõi này.

ỐC SÊN
Run run trên phiến đá băng
Ốc sên nho nhỏ vẫn còn sống sao
Trời đang gió lộng, mưa ào
Đợi khi nắng ấm hãy bò ra chơi

HẢI ÂU
Vì thân nên phải sống còn
Hải âu, ông có nghỉ ngơi phút nào
Lặn lội bắt cá, mò tôm
Nơi vùng biển cạn co ro thân gầy!

HOÀNG HẠC
Hoàng hạc tuổi đã niên cao
Đường xa bay lượn ôi chao mệt nhoài
Bỗng dưng lộn cổ ngã nhào
Còn đâu hoàng hạc ngày nào! Thương ôi!

MỒ CÔI
Thương sao em bé mồ côi
Màn đêm buông xuống ai người xót thương
Mẹ cha mới mất hôm rồi
Tay cầm vạt áo em chùi lệ rơi
Đường trần em sống mồ côi!

BƯỚM VÀNG
Dậy đi! Bướm hãy dậy đi!
Cùng ta là bạn, bạn thì rất thương
Hỡi ơi! đời sống vô thường
Trời làm gió xoáy gẫy đôi cánh rồi!

MẸ CON
Chim mẹ làm tổ trên cao
Chim con rớt trúng ngay vào bụi gai
Máu me tuôn ướt đầm đìa
Gió vô thường thổi chia lìa mẹ con!

ĐỖ QUYÊN
Đỗ quyên đậu trên đồi mai
Ngó qua kẽ lá mãn khai anh đào
Mùa xuân đã đến rồi sao
Cất cao tiếng hót đón chào trời xanh.

TU HÚ
Một bầy tu hú lượn quanh
Dưới trời nắng đẹp hoa vàng, bướm bay
Bằng lòng cuộc sống cõi này
Họ hàng tu hú hót vang núi đồi.

NAI CON
Nai con lốm đốm chào đời
Nhằm ngày Phật Đản người người vui thay
Thật là trùng hợp quá hay
Nai con sinh đúng vào ngày Đản Sanh!

thơ DIỆU VIÊN

TRỞ VỀ MỤC LỤC

BÁT CHÁNH ĐẠO
"CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ"

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH "Way to the End of suffering"

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khưu Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG VII
CHÁNH ĐỊNH
(Sammà Samàdhi)

Chi phần thứ tám của Thánh đạo là chánh định, tiếng Pàli là sammà samàdhi. Định thể hiện sức mạnh cao độ của một tâm sở đang có mặt trong mỗi trạng thái nhận thức. Nhân tố này, sự tập trung trọn vẹn của tâm (citt'ekaggatà) có chức năng hợp nhất các tâm sở khác vào việc nhận thức. Nó là tâm sở chịu trách nhiệm về định hướng riêng biệt cho nhận thức, bảo đảm rằng mỗi citta hay hoạt động của tâm chỉ tập trung trên đối tượng của nó. Ở bất cứ thời điểm nào, tâm cũng phải nhận thức rõ về một cái gì, một hình dạng, một âm thanh, một mùi, một vị, một đối tượng tiếp xúc, hay một đối tượng của suy nghĩ (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. ND). Tâm sở định hợp nhất tâm và những yếu tố khác cùng hoạt động với nó vào việc nhận thức đối tượng. Đồng thời, nó thực hiện chức năng tập trung tất cả những thành phần của hoạt động nhận thức vào đối tượng. Sự tập trung vào một điểm của tâm giải thích sự thật là bất kỳ hoạt động nào của nhận thức cũng đều có một trung tâm điểm. Trên đó, toàn bộ những dữ liệu của đối tượng được quy tụ từ chu vi bên ngoài của nó đi vào điểm trung tâm.

BHIKKHU BODHI

Samàdhi là một loại đặc biệt của sự chú tâm vào một điểm. Tuy nhiên, nó không hoàn toàn giống sự chú tâm (bình thường. ND) vào một điểm. Một người sành ăn ngồi vào bữa ăn, một tên ám sát sắp giết nạn nhân, một người lính trên chiến trường, tất cả hành động của họ đều có tâm tập trung nhưng sự tập trung của họ không thể có đặc điểm của định như là samàdhi. Samàdhi là sự chú tâm vào một điểm độc nhất thuộc về thiện pháp, sự tập trung trong một trạng thái thiện của tâm. Ngay cả khi phạm vi của sự tập trung vẫn còn hẹp thì nó không biểu thị cho trạng thái định thuộc thiện mà chỉ là định mạnh hơn từ sự cố gắng với chủ ý đưa tâm đến trình độ cao hơn, thanh tịnh hơn của sự tỉnh thức.

Các bản chú giải định nghĩa "samàdhi — định" như là sự tập trung tâm vào các tâm sở một cách chính xác và quân bình trên một đối tượng. Samàdhi là định thuộc thiện, tập hợp trạng thái phân tán và trải rộng thông thường của dòng tâm thức để tạo nên sự đồng nhất bên trong. Hai điểm nổi bật của một tâm định là sự chú ý liên tục trên một đối tượng và sự tĩnh lặng từ kết quả tất nhiên của những chức năng tinh thần. Những đặc tính này là sự khác biệt giữa nó với tâm không định. Tâm không được rèn luyện trong định chạy tán loạn như Đức Phật so sánh với con cá vùng vẫy khi bị bắt ra khỏi nước và bỏ trên cạn. Nó không thể nằm yên mà vội vã đi chuyển từ ý niệm này qua ý niệm kia, từ tư tưởng này qua tư tưởng khác, không có sự kiểm soát của nội tâm. Tâm rối ren như vậy là tâm bị lừa dối. Bị khống chế bởi sợ sệt và lo âu, luôn luôn là nạn nhân của phiền não, nó thấy sự vật chỉ như những mảnh vụn, bị bóp méo bởi những làn sóng của những tạp niệm. Nhưng ngược lại, được rèn luyện trong định, tâm có thể tập trung liên tục trên đối tượng của nó mà không bị phân tán. Sự không bị tán loạn làm cho tâm trở nên nhu hòa và an tịnh, trở thành công cụ cho sự hiểu biết chính xác. Tựa như mặt hồ tĩnh lặng không có gió, tâm định là tấm gương phản chiếu trung thực phản ảnh bất kỳ vật gì đặt trước nó chính xác như nó là.

Sự Phát Triển về Định

Có hai phương pháp phát triển định: Một là theo hệ thống tu tập với mục đích chỉ để đạt đến định thâm sâu của sự thể nhập vào các tầng thiền định. Hai là như một sự đồng hành hỗ trợ cho con đường tu tập để tạo ra trí tuệ. Cách thứ nhất được gọi là sự phát triển thiền chỉ (Samatha-bhàvanà). Cách thứ hai là phát triển thiền quán (Vipassanà-bhàvanà). Cả hai cách đều có chung một vài điều kiện bắt buộc trong bước đầu. Cả hai đều phải giữ giới thanh tịnh, ngăn chận một số triền cái, hành giả phải tìm học cách hướng dẫn thích hợp (tốt

nhất từ một vị thầy chuyên môn của mình) và phải nhờ vào một môi trường thích hợp để thực hành. Khi những điều kiện bắt buộc cho bước đầu này đã hoàn bị, trên con đường tu tập thiền chỉ hành giả phải có được một đề mục thiền định. Một cái gì đó dùng làm điểm tập trung để phát triển tâm định. (1)

Nếu hành giả có một vị thầy đủ khả năng (về thiền chỉ) thì vị này sẽ chỉ định một đề mục phù hợp với căn cơ của người học. Nếu hành giả không có thầy thì phải tự chọn một đề mục thiền thích hợp cho mình, có lẽ sau vài lần thử nghiệm. Sách hướng dẫn về thiền chỉ có sưu tập những đối tượng về thiền định vào một tập hợp bốn mươi đề mục, gọi là "chủ đề để thực hành" (Kammatthàna: nghiệp xứ), bởi vì những đề mục này là chủ đề cho hành giả thực hành thiền chỉ. Bốn mươi đề mục được liệt kê như sau:

- Mười đề mục hình tròn (dasa kasinas: Mười biến xứ)
- Mười đề mục tử thi bất tịnh (dasa asubhà)
- Mười đề mục tùy niệm (dasa anussatiyo)
- Bốn đề mục về phạm trú (cattàro brahmavihàrà)
- Bốn đề mục vô sắc giới (cattàro àruppà)
- Một đề mục tưởng về sự bất tịnh của thực phẩm (ekà saññà)
- Một đề mục phân tích bốn đại chủng (ekà vavatthàna).

Mười đề mục hình tròn là những dụng cụ đại diện cho những đặc tính căn bản nào đó. Bốn đề mục hình tròn đầu: đất, nước, lửa và gió đại diện cho những thành tố gốc (Tứ đại chủng năng tạo. ND). Bốn đề mục đại diện cho màu sắc là bốn hình tròn xanh dương, vàng, đỏ và trắng. Hai đề mục kia là vòng tròn ánh sáng và không gian. Mỗi một đề mục hình tròn này là một đối tượng bằng vật chất đại diện cho nét đặc trưng tổng quát mà nó biểu hiện. Như vậy, hình tròn đất là một đĩa tròn phủ đất sét. Để phát triển tâm định bằng hình tròn đất, người hành thiền đặt cái đĩa ấy trước mặt, chăm chú nhìn vào nó và tưởng niệm "đất, đất": phương pháp tương tự được dùng cho thiền định trên những đề mục hình tròn khác với những thay đổi thích hợp cho mỗi trường hợp.

Mười đề mục niệm "tử thi bất tịnh" là xác chết ở những giai đoạn tan rã khác nhau. Chủ đề này có vẻ rất giống như quán niệm về sự tan rã của cơ thể trong phần niệm thân. Thật ra, thời xưa, nơi hoả táng được khuyên là nơi thích hợp nhất cho cả hai cách thiền trên. Nhưng hai phương pháp thiền này khác nhau về điểm nhấn mạnh. Trong thiền chánh niệm, sự thực hành nhấn mạnh trên việc áp dụng sự quán chiếu.

Cảnh tượng của một xác chết đang tan rã sẽ kích động người hành thiền phải nghĩ đến sự chết và tan rã của chính thân thể mình. Thiền định không khuyến khích sự quán chiếu. Thay vào đó, điểm nhấn mạnh của thiền định là đặt tâm cố định trên đề mục, càng ít suy nghĩ càng tốt.

Mười đề mục tùy niệm là một tập hợp nhiều thể loại. Ba loại đầu là những suy niệm về đức tính của Tam bảo: Phật, Pháp và Tăng. Tùy niệm Tam bảo dùng như phương pháp tiêu chuẩn căn bản được ghi chép trong kinh điển. Ba tùy niệm kế tiếp cũng theo những phương pháp cổ điển: thiền định về giới, bố thí và tiềm năng của phẩm chất thánh thiện trong mỗi người (niệm thiên. ND). Tiếp đến, quán niệm về sự chết, tư duy về bản chất không hấp dẫn của thân thể, niệm hơi thở và cuối cùng, niệm về trạng thái an lạc, tưởng niệm từng đức tính của Niết Bàn.

Bốn đề mục về phạm trú hay "nơi cư trú thánh thiện" là những thái độ thân thiện lan tỏa ra ngoài: từ, bi, hỷ và xả, phát triển thành năng lực tỏa rộng khắp nơi và mở rộng phạm vi từng bước cho đến bao trùm tất cả chúng sinh. Bốn đề mục vô sắc giới là những nơi làm mục tiêu cho sự thể nhập hoàn toàn vào những tầng (định) thâm sâu: không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, phi tưởng phi phi tưởng xứ. Chỉ có những hành giả đã thành thạo về thiền (sắc giới. ND) mới đạt được những tầng định này dễ dàng. Một đề mục tưởng là tưởng niệm về sự không đáng ưa thích của thực phẩm. Đề mục rời rạc này nhằm mục đích hạn chế sự lệ thuộc vào tham ăn. Một đề mục phân tích là suy niệm về thân trong phần bốn đại chủng đã được bàn đến trong chương chánh niệm.

Khi được giới thiệu về những chủ đề thiền tập đa dạng như vậy mà không có vị thầy hướng dẫn, một thiền giả sơ cơ có thể bị rối trí không biết chọn chủ đề nào. Sách hướng dẫn (về thiền định) chia theo sự thích ứng của bốn mươi đề mục thiền định cho từng (mẫu người có) căn tính khác nhau. Như vậy, đề mục về tử thi bất tịnh và tưởng niệm về các phần của thân thể được xem thích hợp nhất với mẫu người đam mê nhục dục; niệm tâm từ thích hợp nhất cho mẫu người nhiều sân hận; niệm ân đức Tam bảo thích hợp với mẫu người có đức tin mạnh; vân vân. Nhưng trên thực tế, người sơ cơ nên được hướng dẫn bước đầu bằng một đề mục đơn giản để giúp họ giảm bớt những suy nghĩ lan man. Sự phân tâm do trạo cử và tán loạn là một vấn đề thường gặp của nhiều người thuộc đủ mọi cá tính. Vì vậy, một thiền giả thuộc bất cứ căn cơ nào cũng có thể đạt được lợi ích từ một đề mục có hiệu năng làm cho tiến trình suy nghĩ được tập trung và yên tĩnh. Đề mục niệm hơi thở thường được khuyến khích vì hiệu lực của nó làm cho tâm không còn những tạp niệm. Như vậy, đề mục này có thể được xem như thích hợp nhất cho những thiền giả sơ cơ cũng như cho những thiền giả kinh nghiệm tìm một lối đi thẳng vào tầng định thâm sâu. Khi tâm trí đã ổn định và những chiều hướng suy nghĩ của thiền giả trở nên dễ dàng tập trung thì vị ấy có thể dùng những đề mục khác để xử lý những trở ngại phát sinh khác. Niệm tâm từ có thể hóa giải sân hận và ác ý; quán niệm từng phần của thân thể làm suy giảm sự đam mê nhục dục; niệm Phật tạo nhiệt tình cho đức tin và sự thành tâm; niệm về sự chết làm vực dậy ý nghĩ tinh tấn. Khả năng chọn lựa đề mục thích hợp cho mỗi tình huống đòi hỏi phải có kỹ năng nhưng kỹ năng này được phát triển bằng tập luyện, thường thường là những kinh nghiệm qua thử thách và sai lầm.

(còn tiếp)

Chú thích Chương VII

1. Trong phần tiếp theo tôi phải tự hạn chế mình trong sự miêu tả khái quát. Sự trình bày đầy đủ, xem Thanh tịnh đạo, Chương III-XI.

Tiểu sử
HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỖNG TUYÊN
(1945 – 2022)

I/ Thân Thế

Hòa thượng Thích Đỗng Tuyên (thường gọi là Hòa thượng Thích Thái Siêu) thế danh Trương Thái Siêu, Pháp danh Thị Đạt, Pháp tự Hạnh Hưng, Pháp hiệu Đỗng Tuyên, thuộc dòng Lâm Tế Chánh Tông đời thứ 42.

Hòa thượng sinh ngày 27 tháng 09 năm Ất Dậu 1945 tại làng Văn Sơn, quận Thanh Hải, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Thân phụ là cụ ông Trương Tám (có tên khác là Trương Hoàng Anh, Trương Thái Học) và thân mẫu là cụ bà Trần Thị Hữu (có tên khác là Hoa). Gia đình có 11 anh chị em, Hòa thượng là người con thứ hai trong gia đình.

HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỖNG TUYÊN
1945 - 2022

Hòa thượng sinh trưởng trong gia đình gia phong giáo dục và sùng mộ Đạo Phật, nên Ngài ảnh hưởng nề nếp đó và tạo nên phong cách mô phạm sau này.

II/ Xuất Gia, Thọ Giới Và Tu Học

Nhờ túc duyên thù thắng, nên vào tháng 8 năm Đinh Dậu 1957, lúc 12 tuổi, Hòa thượng phát khởi chí nguyện xuất trần. Được sự cho phép của song thân, Ngài đến Tổ đình Sắc Tứ Thiền Lâm Tự, thôn Đắc Nhơn, quận Bửu Sơn, tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam đảnh lễ Hòa thượng thượng Như hạ Thọ, Tự Giải Thoát, Hiệu Huyền Tân (1911-1979) làm Bổn Sư thế phác xuất gia.

Sau bốn năm tu học tại Sắc Tứ Thiền Lâm Tự, Hòa thượng đã học xong hai thời công phu, bốn quyển luật tiểu, giáo lý Phật học cơ bản, các oai nghi làm chú Tiểu, tư cách hầu Thầy và nhất là sự phát Tâm Bồ Đề. Sau khi được Bổn sư và sư huynh Điển tọa Đỗng Hải duyệt xét và chấp thuận, Ngài được sư phụ cho ra Phật Học Viện Phổ Đà, tại thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam, nơi được thành lập vào năm 1961, do Hòa Thượng Thích Trí Hữu làm Giám viện. Thời đó, Phật Học Viện này chỉ chuyên tu, chuyên học nội điển và Anh văn.

Vào năm Nhâm Dần 1962, khi thấy Ngài hội đủ cơ duyên để lãnh thọ giới pháp xuất gia, Hòa thượng Bổn sư đã cho phép ngài được thọ giới Sa-di, trong Giới đàn do Hòa thượng Thích Tôn Thắng làm Đàn Đầu Hòa thượng.

Khoảng giữa năm Bính Ngọ 1966, Hòa thượng được nhập chúng vào Phật Học Viện Trung Phần Hải Đức, Nha Trang. Ở đây học tăng được học song song hai chương trình: Nội điển và ngôn ngữ Hán–Anh–Pháp.

Năm Mậu Thân 1968, Ngài thọ Đại giới Tỳ-kheo tại Đại giới đàn được tổ chức ở Phật Học Viện Trung Phần Hải Đức, Nha Trang, do Đức Đệ Nhất Tăng Thống Đại Lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Đàn Đầu Hòa thượng.

Sau khi đậu Tú Tài phần 1– ban B, năm 1970, bốn mươi tám tăng sinh, trong đó có Hòa thượng được đưa vào Phật Học Viện Giác Nguyên, Bến Vân Đồn, Quận 4, Sài Gòn, để tiếp tục học xong chương trình Trung học. Năm 1971, Hòa thượng đậu Tú Tài phần II – ban B và tốt nghiệp chương trình Trung Đẳng Phật Học.

Năm Quý Sửu 1973, toàn bộ tăng sinh ở Phật Học Viện Giác Nguyên được đưa qua Tu Viện Quảng Hương Già Lam, trên đường Lê Quang Định, quận Gò Vấp, Sài Gòn, do Hòa Thượng Thích Trí Thủ khai sơn. Hòa thượng cư trú tại đây ròng rã 23 năm vừa học, vừa làm Phật sự, trong những hoàn cảnh khó khăn của đất nước thời bấy giờ.

Từ năm 1980 đến năm 1984, Hòa thượng đã làm quản chúng và tham dự lớp học Cao cấp Phật Học tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam do Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Giám Viện; chư Hòa thượng Thích Minh Châu, Thích Huyền Quang, Thích Đỗng Minh, Thích Tuệ Sỹ, Thích Chơn Thiện, các Giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát và Giáo sư Nguyên Hồng Lý Kim Hoa làm Giáo thọ.

Từ năm 1993 đến 1997, Hòa thượng đã giảng dạy cho Tăng Ni sinh khóa III của Học Viện Phật giáo Việt Nam tại cơ sở cũ của Đại Học Vạn Hạnh trên đường Võ Duy Nghi, Phú Nhuận, Sài Gòn.

Duyên lành đã đến, năm 1997 Hòa thượng được đi du học Ấn Độ theo phong trào Tăng Ni Học Viện Vạn Hạnh, dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Thích Minh Châu. Trong sáu năm liền bên xứ Phật, Hòa thượng học chuyên ngành ngôn ngữ Pali, Sanskrit và Luật tạng tại Đại học Delhi và Đại học Magadha.

Đến năm 2002, Hòa thượng tốt nghiệp Tiến Sĩ tại Đại học Magadha, Ấn Độ với Luận án "A Comparative Study of The Bhikkhu Pātimokkha of The Principal Buddhist Schools" (So Sánh Tỳ-kheo Giới của Các Trường Phái Chính Phật Giáo).

III/ Hành Đạo

Sau khi tốt nghiệp Tiến Sĩ, Hòa thượng trở về Việt Nam giúp việc giáo dục cho Tăng Ni và Phật tử. Năm sau, Đại Học Maha Prajna, Thái Lan mời Hòa thượng sang dạy môn Pali.

Cuối năm Quý Mùi 2003, Hòa thượng được Hòa thượng Thích Nguyên Đạt, cựu học tăng Quảng Hương Già Lam, viện chủ Tu Viện Liễu Quán và trú trì Chùa Bảo Tịnh, bảo lãnh sang Hoa Kỳ để giảng dạy cho Tăng Ni tại Tu Viện Liễu Quán, San Diego, California.

Khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ thành lập vào năm 2008, Hòa thượng đã được Đại Hội Khoáng Đại Thành Lập Giáo Hội cung thỉnh đảm nhận chức vụ Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoằng Pháp. Rồi các nhiệm kỳ kế tiếp Hòa thượng được thỉnh cử vào chức vụ Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục cho đến ngày viên tịch.

Hòa thượng cũng là một trong những vị giáo phẩm đã đóng góp xứng đáng công sức cho việc phát triển Giáo Hội, mà cụ thể là Hòa thượng đã làm Trưởng Ban Tổ Chức các khóa An Cư Kiết Hạ, Đại Hội thường niên và khoáng đại của GHPGVNTNHK. Đồng thời Hòa thượng cũng đã làm Trưởng Ban Tổ Chức các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ trong nhiều năm qua.

Hòa thượng cũng đã đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng và phát triển Phật Giáo tại miền Đông và Đông Bắc Hoa Kỳ qua việc trực tiếp hoặc gián tiếp khuyến tấn chư Tăng, Ni tại nhiều tiểu bang miền Đông Hoa Kỳ tổ chức các khóa An Cư Kiết Hạ, các Đại Lễ Phật Đản để đưa Phật Giáo Việt Nam vào sinh hoạt của quần chúng Mỹ.

Noi gương Thầy Tổ, Hòa thượng đã nỗ lực kiến tạo Tăng Già-làm để làm chỗ sinh hoạt tu học Phật Pháp cho quần chúng Phật tử. Cụ thể là Hòa thượng đã kiến tạo Niệm Phật Đường Fremont tại Bắc California, Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm cũng tại Bắc California; và cùng với Hòa thượng Thích Nguyên Siêu thành lập Chùa Phật Bảo tại thành phố Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania, Hoa Kỳ. Đồng thời, Hòa thượng được cung thỉnh làm cố vấn Chùa Tường Vân tại New Jersey, Chùa Ưu Đàm tại Las Vegas, đạo tràng Kiều Đàm Di tại Santa Ana, và đạo tràng Khánh An tại San Jose.

Ngoài ra, Hòa thượng còn được tứ chúng mời đi thuyết pháp và hướng dẫn tu học khắp Hoa Kỳ, từ hội Phật Học Đuốc Tuệ ở Nam California cho đến các đạo tràng ở Miền Đông nước Mỹ. Không những thế, Hòa thượng còn được thỉnh đi giảng dạy tại nhiều khóa tu học ở Âu Châu, Canada, v.v…

Vào năm 2021, khi Hoà thượng Thích Tuệ Sỹ, vị Bỉnh pháp của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, kêu gọi thành lập Hội Đồng Hoằng Pháp thuộc GHPGVNTN, Hòa thượng Thích Đồng Tuyên được cung thỉnh vào cương vị Trưởng Ban Ban Truyền Bá Giáo Lý của Đồng Hoằng Pháp. Ngài cũng đã triệu tập nhiều phiên họp và đề cử, thành lập các ban Truyền Bá Giáo Lý cấp quốc gia và mời HT Thích Trường Sanh làm trưởng ban đặc trách ở Úc Châu/Tân Tây Lan, HT Thích Bổn Đạt ở Canada, HT Thích Tâm Huệ ở Châu Âu, và TT. Thích Thiện Duyên ở Hoa Kỳ đảm trách các chương trình chia sẻ Phật pháp online thuộc Hội Đồng Hoằng Pháp, GHPGVNTN. Ngoài ra, Ngài cũng được cung thỉnh vào cương vị Ủy viên Ủy Ban Phiên Dịch trong Hội Đồng Phiên Dịch Tam Tạng Lâm Thời thuộc Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Hòa thượng cũng đã không bỏ mất thì giờ quý báu để sáng tác, phiên dịch các tác phẩm như:

- Phật Thuyết Kinh Diệt Tội Trường Thọ và Thần Chú Bảo Hộ Hài Nhi,
- Vô Biên Pháp Lạc (do Lotus Media xuất bản năm 2021),
- Văn phạm Pàli.

Ngoài những dịch phẩm trên, Hòa thượng còn biên soạn nhiều bài nghiên cứu, thường lấy tên Không Trú, những bài giảng dạy khắp nơi trên thế giới nhất là qua hệ thống online vào những năm gần đây.

Với thâm tình pháp lữ của Quảng Hương Già Lam và trong tinh thần Giải Hạnh tương ứng, Hòa thượng đã tham dự và chung cùng sinh hoạt trong tình huynh đệ mật thiết với Hội Thân Hữu Già Lam (thành lập năm 2004), và đã đảm nhận làm Hội trưởng một nhiệm kỳ. Bao nhiêu Phật sự của Hội Thân hữu Già Lam về giáo dục và từ thiện xã hội, Ngài cũng không từ nan, một lòng muốn chia sẻ và nuôi dưỡng hàng hậu học.

Ngoài ra, Hòa thượng cũng đã dạy dỗ, che chở và thương yêu tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam, nhất là các Ban Hướng Dẫn và đơn vị GĐPT tại Bắc California. Ngài cũng đã giảng dạy cho Huynh trưởng các cấp, các khóa tu học: Kiến Trì Định Lực và các trại Huấn luyện của tổ chức GĐPT. Ngài cũng là Cố Vấn Giáo Hạnh cho đơn vị GĐPT Chánh Đức những năm trước khi viên tịch.

IV/ Viên Tịch

Trước một ngày viên tịch, Hòa thượng đã sinh hoạt lễ Bố Tát hằng tháng của Cộng Đồng Phật Giáo Bắc California. Vào ngày Hòa thượng tịch, Ngài vẫn còn sinh hoạt Phật sự, phân phát thức ăn cho những người vô gia cư. Trưa về Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm thọ trai, sau đó vào buổi chiều Ngài đã an tường xả bỏ báo thân khoảng 6 giờ chiều ngày 20 tháng 3 năm 2022 (nhằm ngày 18 tháng 2 năm Nhâm Dần) tại Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm, thành phố Hayward, tiểu bang California, Hoa Kỳ, thế thọ 78 tuổi, lạp thọ 55.

Hòa thượng Tân Viên Tịch là vị cao tăng trong chốn Thiền Môn của Phật Giáo Việt Nam. Với sở học bác lãm và kiến thức Phật học uyên thâm, với hạnh khiêm cung, kham nhẫn, và tận tụy phục vụ đạo pháp và Giáo Hội, Hòa thượng ra đi là mất mát rất lớn trong lòng môn đồ pháp quyến và để lại khoảng trống khó có thể bù đắp đối với Tăng, Ni và Phật tử mọi giới trong và ngoài nước.

Đức Thế Tôn đã từng dạy:

"Chư hành vô thường,
Thị sanh diệt pháp,
Sanh diệt diệt dĩ,
Tịch diệt vi lạc."

Ngưỡng nguyện Giác linh Hòa thượng Cao đăng Phật quốc, và sớm hồi nhập Ta bà để tiếp tục hoàn thành thệ nguyện hoằng dương chánh pháp, tiếp độ quần sanh.

Nam Mô Tân Viên Tịch, Từ Lâm Tế Chánh Tông tứ thập nhị thế, Đại Bảo Trang Nghiêm đường thượng khai sơn trú trì, Huý thượng Thị hạ Đạt, Tự Hạnh Hưng, Hiệu Đồng Tuyên Giác linh Hòa thượng liên tòa chứng giám.

Phật lịch 2565, dương lịch 2022

Môn đồ pháp quyến phụng soạn.

(Mời xem tin ảnh tang lễ của HT Thích Đồng Tuyên do Nhiếp ảnh gia Võ Văn Tường cung cấp, trang 54)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

THƯ CẢM TẠ

TANG LỄ CỐ HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỖNG TUYÊN

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

- Kính bạch chư Tôn đức Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Hoa Kỳ,
- Kính bạch chư Tôn đức Hội Đồng Hoằng Pháp GHPGVNTN,
- Kính bạch chư Tôn đức các Giáo hội, các tự viện trên toàn thế giới,
- Kính bạch chư Tôn đức trong Ban Lễ Tang và Ban Tổ Chức Tang Lễ,
- Kính bạch chư Tôn đức trong Cộng đồng Phật giáo Bắc California nói riêng và chư Tôn đức Tăng Ni trên toàn đất nước Hoa Kỳ nói chung,
- Kính thưa quý Huynh trưởng, đoàn sinh GĐPT khắp nơi,
- Kính thư quý Thiện hữu tri thức, Hội đoàn, đoàn thể và quý nhân viên Nhà quà,
- Kính thưa quý Thiện nam Tín nữ Phật tử tại Hoa Kỳ và trên toàn thế giới,

HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỖNG TUYÊN

- Thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
- Tổng vụ trưởng Tổng vụ Giáo Dục GHPGVNTNHK
- Trưởng Ban Hoằng Pháp GHPGVNTN Liên Châu
- Trưởng Ban Truyền Bá Giáo Lý Hội Đồng Hoằng Pháp GHPGVNTN
- Cố Vấn Giáo Hạnh GĐPT Chánh Đức
- Phương Trượng Thiền Lâm Tịnh Xá, Viện Chủ Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm (California) và Chùa Phật Bảo (Pennsylvania)

Đã thuận thế vô thường, an nhiên thị tịch tại chùa Đại Bảo Trang Nghiêm lúc 07 giờ tối, ngày 20 tháng 3 năm 2022 (nhằm ngày 18 tháng 02 năm Nhâm Dần); trụ thế 78 năm, hạ lạp 54 năm.

Trên nhờ sự gia hộ của Mười Phương Chư Phật, dưới nhờ sự quang lâm, chứng minh của chư Tôn đức trong Cộng đồng Phật giáo Bắc California nói riêng và chư Tôn đức Tăng Ni trên toàn đất nước Hoa Kỳ nói chung; sự sáng suốt hướng dẫn của chư Tôn giáo phẩm GHPGVNTN Hoa Kỳ; và sự hỗ trợ tận tình của các tự viện địa phương, nên dù Tang Lễ có chút chậm trễ vì những lý do ngoài ý muốn, Lễ Tang của Hòa thượng Ân sư của chúng con cũng được tổ chức trang nghiêm, ấm tình đạo vị tại Nhà quàn Chapel of the Angels.

Môn đồ pháp quyến chúng con thành kính đê đầu đảnh lễ tri ân và cảm tạ chư Tôn đức Tăng Ni GHPGVNTN, chư Tôn đức Tăng Ni vùng Bắc California, chư Tôn đức Tăng Ni khắp Hoa Kỳ cũng như trên toàn thế giới đã thân lâm chứng minh và hộ niệm; đồng thời chúng con cũng xin được thâm tạ sự chứng minh, cầu nguyện và những điện thư chia buồn từ các châu lục của chư Tôn đức Tăng Ni hải ngoại và quốc nội.

Chân thành cảm ơn quý Hội đoàn, quý tự viện, quý GĐPT ở trong vùng đã hỗ trợ về mọi mặt.

Chân thành cảm ơn các nhiếp ảnh gia, các trang mạng, facebook… đã đưa tin về Tang Lễ.

Với ân đức đó, Môn đồ pháp quyến và thế quyến xin khắc cốt ghi tâm, đê đầu đảnh lễ cảm niệm tri ân đến quý Ngài và nguyện cầu hồng ân Tam Bảo gia hộ quý Ngài được pháp thể vạn an, công viên quả mãn.

Kính chúc toàn thể quý ân nhân, quý Phật tử gần xa thân tâm an lạc, phước thọ vô cương.

Trong thời gian cử hành Tang lễ, chúng con/chúng tôi không sao tránh khỏi những thiếu sót nhất định, ngưỡng mong quý Ngài và quý vị niệm tình hoan hỷ lượng thứ.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Thay mặt Môn đồ Pháp quyến

Tỳ Kheo Thích Thông Lý

TRỞ VỀ MỤC LỤC

NGƯỜI HIỀN THIỆN

*(**Phật Pháp Thứ Năm**— bài viết hàng tuần của GĐPT do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)*

Thưa Anh Chị Em (ACE) Lam viên thương mến,

Một hôm, tại tịnh xá Kỳ Viên nước Xá Vệ, trong khi giảng Pháp, đức Phật đề cập đến các vị tỳ kheo hay ganh tị.

Ở chùa Kỳ viên có thông lệ là các vị Sa-di trẻ tuổi phục vụ, chăm sóc các vị Trưởng lão là thầy dạy ĐẠO cho họ. Họ chăm sóc giúp đỡ cho Thầy bằng cách giúp Thầy rửa chén bát, giặt áo quần, sắp xếp giường chiếu, v.v…

Có một nhóm Tỳ-kheo trung niên thấy vậy sanh lòng ganh tị, cũng muốn đuoc hầu hạ. Họ bàn tính với nhau rồi cùng đến trình với đức Phật: "Bạch Thế Tôn, xin hãy bảo các Sa-di đến học hỏi giáo pháp và kinh nghiệm tu học nơi chúng con, vì chúng con cũng thông suốt giáo lý, có tài hùng biện và khả năng diễn giảng cũng rất tốt."

Đức Phật quán thấy tâm địa ích kỷ của họ, muốn được phục vụ như các vị Trưởng lão nên bác bỏ đề nghị ấy. Ngài bảo: "Này chư tỳ kheo, Như Lai chẳng gọi kẻ nào tự cho mình có tài hùng biện, thuyết pháp giỏi là bậc Hiền Thiện. Chỉ có những ai đã diệt sạch được lòng ganh tị, bụng dạ ích kỷ, chứng được đạo quả A La Hán, Như Lai mới gọi đó là các bậc Hiền Thiện."

Rồi ngài nói lên 2 bài kệ sau đây:

Nào phải do tài hùng biện
Chẳng vì đẹp đẽ sắc diện
Mà thành được người hiền thiện
Nếu tâm còn ganh tị, ích kỷ, kiêu căng.
(Kệ # 262, Pháp Cú)

Ai là người cắt được tâm ấy
Gốc rễ đào lên đem diệt hết
Trí tuệ sáng ngời trừ sân hận
Mơi xứng là người hiền thiện vậy.
(Kệ # 263, Pháp Cú)

Thưa Anh Chị Em,

Qua 2 bài kệ trên, đức Phật muốn dạy chúng ta: tài hùng biện, vẻ đẹp bên ngoài... không làm nên bậc hiền thiện; chỉ khi nào dứt bỏ được tâm ích kỷ, lòng ganh ghét mới được xứng danh hiền thiện. Tại sao phải đào tận gốc rễ của lòng ích kỷ, tâm ganh ghét, sân hận, thói kiêu căng...? Vì những tâm bất thiện đó là "cái ngã/cái ta" ẩn nấp trong mọi người. Lúc nào cũng muốn mình HƠN người khác, thấy ai hơn mình thì sinh long ganh ghét, tìm cách hại người ta. Do vậy, chỉ khi nào tâm ganh ghét, ích kỷ hoàn toàn bị diệt tận gốc thì từ bi và trí tuệ mới nở hoa trong lòng chúng ta...

Nếu tất cả mọi người —không chỉ hàng Phật tử— đều không có tâm ích kỷ thì thế giới hoà bình, chiến tranh không còn, chúng sanh an lạc rồi!

Thương mến kính chúc ACE tâm an, trí sáng và đầy đủ sức khỏe, để chuẩn bị đón mừng Ngày Phật Đản, ngày đản sanh của đức từ phụ Thích Ca Mâu Ni (là ngày Rằm tháng Tư âm lịch, năm nay nhằm ngày 15/5/2022).

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam

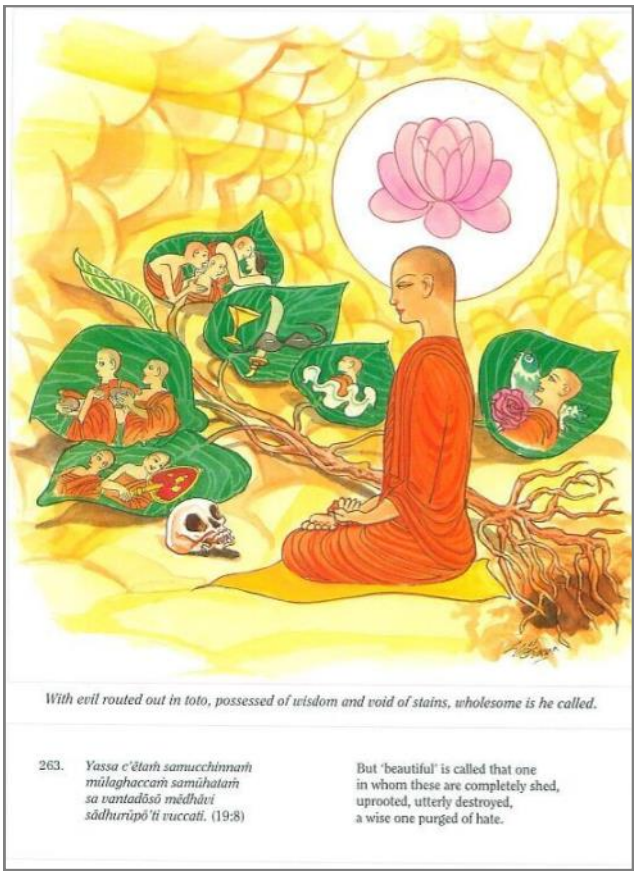

With evil routed out in toto, possessed of wisdom and void of stains, wholesome is he called.

263. *Yassa c'etaṁ samucchinnaṁ mūlaghaccaṁ samūhataṁ sa vantadoso medhāvi sādhurūpo'ti vuccati.* (19:8)

But 'beautiful' is called that one in whom these are completely shed, uprooted, utterly destroyed, a wise one purged of hate.

CÂU CHUYỆN VỀ CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT

Do BHIKKHU BODHI kể

Huỳnh Kim Quang *dịch*

Lời người dịch: Ngày 15 tháng 5 năm 2022 là ngày trăng tròn tháng Vesak của Ấn Độ mà cũng là ngày Rằm Tháng Tư Âm Lịch kỷ niệm đức Phật Thích Ca Mâu Ni đản sinh.

Ngày Đại Lễ Phật Đản đã được Đại Hội Phật Giáo Thế Giới lần đầu tiên tổ chức tại thủ đô Columbo của Tích Lan năm 1950 ấn định là ngày Rằm tháng tư Âm Lịch hay ngày trăng tròn tháng Vesak của Ấn Độ, tức tháng 5 Dương Lịch. Kể từ đó, các tổ chức Phật Giáo trên thế giới đều lấy ngày này làm ngày lễ chính thức kỷ niệm Đức Phật Đản Sinh.

Theo đề nghị của 34 quốc gia có đa số người dân là Phật tử, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc trong phiên họp lần thứ 54 vào ngày 15 tháng 12 năm 1999 đã thông qua Nghị Quyết tuyên dương tinh thần từ bi, trí tuệ và hòa bình của Đức Phật và chính thức tổ chức Ngày Đại Lễ Vesak vào tháng 5 để kỷ niệm đức Phật đản sinh, giác ngộ và nhập niết bàn.

Nhân mùa Phật Đản, xin trích dịch câu chuyện về cuộc đời của đức Phật do Bhikkhu Bodhi viết trong bài "The Buddha and His Dhamma" [Đức Phật và Giáo Pháp Của Ngài]. Bhikkhu là tiếng Nam Phạn (Pali) chỉ giới phẩm Tỳ Kheo của một vị xuất gia trong Phật Giáo. Vì vậy, Bhikkhu Bodhi là Tỳ Kheo Bodhi. Tỳ Kheo Bodhi có thế danh là Jeffrey Block là người Mỹ xuất gia theo truyền thống Phật Giáo Nguyên Thủy tại Tích Lan và hiện đang giảng dạy tại New York và New Jersey. Ông là Chủ Tịch của Hội Buddhist Publication Society và đã xuất bản nhiều tác phẩm về truyền thống Phật Giáo Nguyên Thủy.

Sau đây là câu chuyện Tỳ Kheo Bodhi kể về cuộc đời đức Phật.

***

Dù chúng ta không thể xác định chính xác tuyệt đối ngày sinh của đức Phật, nhiều học giả đồng ý rằng Ngài đã sống từ năm 563 tới 483 trước Tây Lịch; ngày càng có nhiều học giả chấp nhận một niên đại khác cho rằng ngày sinh của đức Phật trễ hơn 8 năm. Như lẽ tự nhiên với nhà lãnh đạo tâm linh là người có ảnh hưởng lớn đến nền văn minh của nhân loại, câu chuyện về cuộc đời của Ngài đã được thêu dệt với huyền thoại và truyền thuyết. Tuy nhiên, trong nguồn tài liệu cổ nhất về cuộc đời của đức Phật, Kinh Tạng bằng tiếng Pali, chúng ta thấy một số kinh mà từ đó chúng ta có thể tạo dựng bức tranh thật không thiên vị về sự nghiệp của Ngài. Điều nổi bật về bức tranh được đưa ra bởi các kinh văn này là nó cho thấy cuộc đời của đức Phật như một chuỗi các bài học thể hiện và truyền đạt những điểm then chốt trong giáo lý của Ngài. Vì thế, trong cuộc sống của chính Ngài, con người và thông điệp hợp nhất với nhau trong sự thống nhất không thể phá vỡ.

Vị đạo sư tương lai được sinh ra trong dòng họ Thích Ca (Sakya) tại một nước cộng hòa nhỏ nằm trong sườn núi Hy Mã Lạp Sơn, trong khu vực mà hiện nay là miền nam của nước Nepal. Ngài có tên là Tất Đạt Đa (tiếng Nam Phạn là Siddhattha, tiếng Bắc Phạn là Siddhartha) và họ là Gotama (Gautama).

Truyền thuyết kể rằng Ngài là con trai của một quốc vương đầy thế lực, nhưng trong thực tế triều đại Thích Ca là một nhà nước cộng hòa chính trị độc lập, như thế phụ vương của Ngài có thể là thủ lãnh của hội đồng cai trị của các bậc trưởng thượng. Vào thời đức Phật triều đại Thích Ca đã trở thành một nước triều cống của đế quốc Kosala, mà ngày nay là tiểu bang Uttar Pradesh. Ngay cả trong các bản kinh cổ xưa nhất cũng đã kể cho chúng ta nghe rằng ngày sinh của thái tử có sự xuất hiện của nhiều điều kỳ diệu. Ngay sau khi Ngài sinh ra đời, một hiền nhân có tên là A Tư Đà (Asita) đã đến thăm cậu bé, và nhận ra trên thân thể của cậu bé này nhiều dấu hiệu của sự kỳ vĩ trong tương lai, vị hiền nhân này đã cúi đầu trước cậu bé để tỏ lòng tôn kính.

Là một người con trai trong hoàng gia, Thái Tử Tất Đạt Đa được nuôi dưỡng trong giàu sang phú quý. Phụ vương của thái tử đã xây cho Ngài 3 cung điện, một cung điện cho một mùa trong năm, và Ngài ở đó tự hưởng thụ với các bạn bè. Tới tuổi 16 Ngài lập gia đình với em gái họ là một công chúa tuyệt sắc có tên Da Du Đà La (Yasodhara) và sống cuộc sống hài lòng trong thủ đô Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatthu) của vương quốc Thích Ca; trong thời gian này Ngài có thể đã được huấn luyện võ nghệ và các năng khiếu trị quốc.

Tuy nhiên, năm tháng trôi qua, khi quá hai mươi tuổi, thái tử ngày càng sống nhiều về nội tâm. Điều làm cho Ngài khó chịu là những vấn đề nóng bỏng mà chúng ta thường xem là đương nhiên -- những câu hỏi liên quan đến mục đích và ý nghĩa của cuộc đời của chúng ta. Phải chăng mục đích của sự hiện hữu của chúng ta là để

hưởng thụ dục lạc, đạt tới sự giàu sang, thi triển quyền lực? Hay có điều gì vượt hơn những thứ này, thực hơn và viên mãn hơn? Những điều này phải là những câu hỏi dậy sóng trong tâm trí của Ngài, mà chúng ta có thể tìm thấy phản ảnh của Ngài được ghi trong Kinh "The Noble Quest" (Kinh Thánh Cầu – Trung Bộ Kinh 26):

"Này các Thầy, trước khi giác ngộ, tự mình bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị buồn rầu và bị phiền não, ta lại đi tìm cái bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị buồn rầu và phiền não.

"Rồi ta suy nghĩ như thế này: 'Tại sao, bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị buồn rầu và bị phiền não, mà ta lại đi tìm các bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết, bị buồn rầu và bị phiền não? Nghĩ rằng, tự mình bị sinh, thì phải hiểu rõ sự nguy hiểm trong cái bị sinh, nên ta đã đi tìm cái bất sinh, sự an ổn tối thượng vượt khỏi khổ ách, Niết Bàn. Nghĩ rằng, tự mình bị già, bị bệnh, bị chết, bị buồn rầu và phiền não, ta tìm sự không già, không bệnh, không chết, không buồn rầu và không phiền não, an ổn tối thượng vượt khỏi khổ ách, Niết Bàn'."

Vì vậy, năm 29 tuổi, trong lúc sung mãn của cuộc sống, với sự khóc lóc của song thân, Ngài đã cắt tóc và cạo râu, mặc y vàng của một khất sĩ và bắt đầu cuộc sống không nhà của sự viễn ly. Tiểu sử của đức Phật về sau này thêm rằng Ngài đã từ bỏ hoàng cung vào chính ngày hiền thê của Ngài hạ sinh đứa con trai duy nhất là La Hầu La (Rahula).

Để lại nhà và gia đình phía sau, Bồ Tát (Bodhisatta) hay "người đi tìm sự giác ngộ" (như Ngài hiện được gọi) đi về hướng nam của nước Magadha (ngày nay là Bihar, Ấn Độ), trong sự vây quanh của một nhóm nhỏ những người đi tìm sự soi sáng tâm linh mà thường được hướng dẫn bởi một vị đạo sư. Lúc đó miền bắc Ấn Độ đã có thể tự cho là có nhiều vị đạo sư nổi tiếng đối với các hệ thống triết lý của họ và thành tựu thiền định. Thái Tử Tất Đạt Đa đã tìm đến 2 trong số những vị nổi tiếng nhất là Alara Kalama và Uddaka Ramaputta. Ngài đã học từ họ các hệ thống thiền định mà, từ sự mô tả trong các văn bản, có vẻ là những vị tiền bối của phương pháp Raja Yoga. Bồ Tát đã quán triệt các giáo pháp và hệ thống thiền định của họ, nhưng dù Ngài đã đạt tới các cấp bậc xuất thần của định (samadhi), Ngài đã phát hiện ra những giáo pháp này vẫn chưa đầy đủ, vì chúng đã không đưa tới mục đích mà Ngài đang tìm: sự giác ngộ cứu cánh và sự thành tựu Niết Bàn, giải thoát mọi khổ đau của chúng sinh.

Rời khỏi những vị thầy của Ngài, Bồ Tát thực hành con đường khác, con đường phổ biến tại Ấn Độ cổ thời và vẫn còn được tu tập ngày nay: con đường khổ hạnh, tự hành xác, theo đuổi niềm tin rằng sự giải thoát được chiến thắng bằng cách làm cho thân xác đau đớn hơn mức độ chịu đựng bình thường. Trải qua 6 năm, Bồ Tát theo phương pháp này với quyết tâm kiên cường. Ngài đã nhịn ăn nhiều ngày cho đến đỗi cơ thể của Ngài trông giống như bộ xương được da bọc lại; Ngài đã tự phơi nắng giữa trưa và chịu lạnh ban đêm; Ngài phải chịu đựng sự dằn vặt của mình đến nỗi Ngài suýt đến gần sát cửa tử thần. Tuy nhiên, Ngài phát hiện ra rằng mặc dù sự kiên trì và chân thành của mình, những khổ hạnh này là vô ích. Sau đó, Ngài nói rằng Ngài đã đi theo con đường tự hành xác hơn tất cả những người khổ hạnh khác, nhưng nó đã dẫn đến, không phải là trí tuệ và giác ngộ cao hơn, mà chỉ là sự yếu đuối về thể chất và sự suy yếu của các cơ năng thần kinh.

Rồi Ngài nghĩ đến con đường khác để giác ngộ, là con đường quân bình giữa sự chăm sóc thân thể đúng cách với sự suy ngẫm và chiêm nghiệm sâu sắc. Sau đó Ngài gọi con đường này là "con đường trung đạo" bởi vì nó tránh xa các cực đoan của đam mê nhục dục và tự hành xác. Ngài đã từng trải qua cả hai cực đoan, trước đó lúc làm thái tử và sau này lúc làm nhà tu khổ hạnh, và Ngài đã biết chúng cuối cùng đi đến đường cùng. Tuy nhiên, để theo đuổi con đường trung đạo, Ngài đã nhận ra khi lần đầu lấy lại được sức khỏe. Vì vậy Ngài đã từ bỏ việc tu khổ hạnh và nhận thức ăn bổ dưỡng. Lúc đó 5 nhà tu khổ hạnh khác sống gần Bồ Tát, hy vọng rằng khi Ngài đạt được giác ngộ Ngài sẽ hướng dẫn cho họ. Nhưng khi họ thấy Ngài nhận bữa ăn sung túc, thì họ trở nên chán ghét Ngài và rời bỏ Ngài, nghĩ rằng nhà khổ hạnh gốc thái tử đã từ bỏ nỗ lực của mình và trở lại với cuộc sống xa hoa.

Bây giờ Ngài một mình, và sự đơn độc hoàn toàn cho phép Ngài theo đuổi thánh cầu không bị quấy rầy. Một ngày nọ, khi thể chất của Ngài khỏe mạnh trở lại, Ngài đã tới điểm đáng yêu tại Uruveda bên bờ sông Neranjara (Ni Liên Thuyền). Ở đây Ngài chuẩn bị một chỗ ngồi bằng rơm dưới cây asvattha (tất bát la mà sau này gọi là Cây Bồ Đề) và ngồi theo tư thế kiết già, lập thệ nguyện kiên cố rằng Ngài sẽ không bao giờ đứng dậy từ chỗ ngồi này cho đến khi Ngài đã chiến thắng mục đích của mình. Khi đêm xuống Ngài vào sâu hơn trong các trạng thái thiền định cho đến lúc tâm Ngài hoàn toàn bình lặng và định tĩnh. Rồi, các bản kinh cho chúng ta biết, vào canh một của đêm ấy Ngài đã chứng túc mạng thông nhìn thấy suốt các đời quá khứ của mình. Dần dần mở ra trước nội quán của Ngài những trải nghiệm trong nhiều đời của quá khứ, ngay cả sự vô tận của vũ trụ; vào giữa đêm Ngài đã chứng "thiên nhãn thông" thấy các chúng sinh chết ở chỗ này và sinh ở chỗ kia theo hành nghiệp của họ; và đến cuối đêm, Ngài thể nhập vào chân lý sâu xa nhất của hiện hữu, nguyên lý cơ bản nhất của thực tại, và bằng cách ấy rũ sạch trong tâm Ngài màng vô minh vi tế nhất. Khi bình minh vừa lên, người ngồi dưới gốc cây không còn là Bồ Tát, người đi tìm sự giác ngộ, mà là đức Phật, vị Giác Ngộ Viên Mãn, vị đã đạt tới Bất Tử ngay trong cuộc sống này của Ngài.

Qua nhiều tuần khi đạt được sự giác ngộ đức Phật vẫn ở tại Cây Bồ Đề để chiêm nghiệm các góc độ khác nhau của Chánh Pháp, là chân lý mà Ngài đã khám phá. Rồi Ngài đi đến suy tư về sự nghiệp tâm linh mới: Ngài nên giảng dạy, để cố gắng chia xẻ nhận thức của Ngài với tha nhân, hay Ngài nên tiếp tục ẩn cư trong rừng, cảm thụ về niềm an lạc của sự giải thoát riêng một mình?

Với suy nghĩ đầu của Ngài nghiên về việc giữ im lặng, đối với tư duy chân lý mà Ngài đã chứng ngộ thì quá sâu xa để người khác hiểu, quá khó để diễn bày bằng ngôn ngữ, và Ngài lo ngại sẽ chỉ mệt mỏi khi cố gắng truyền đạt nhận thức của mình cho người khác. Nhưng sau này các văn bản đã đưa ra một yếu tố quan trọng vào câu chuyện. Ngay lúc đức Phật quyết định giữ im lặng, thì vị

trời Phạm Thiên Sahampati, Chủ Tể của Một Ngàn Thế Giới, nhận ra rằng nếu Bậc Đạo Sư giữ im lặng thì thế gian sẽ bị lạc lối, bị tước mất con đường không cấu nhiễm để giải thoát khổ đau. Do đó vị trời này đã xuống mặt đất, đảnh lễ trước Đấng Giác Ngộ, và xin Ngài giảng dạy Chánh Pháp "vì lợi ích của những người có ít bụi trong mắt của họ."

Rồi thì đức Phật quán sát thế giới với tuệ nhãn sâu xa của Ngài. Ngài thấy rằng loài người như hoa sen trong ao ở các giai đoạn khác nhau của sự trưởng thành, và Ngài hiểu rằng một số hoa sen gần mặt nước chỉ cần tia mặt trời để vươn lên cao và nở hoa viên mãn, vì thế ở đó có người chỉ cần nghe thánh giáo để giác ngộ và đạt giải thoát cứu cánh của tâm. Khi Ngài thấy điều này thì trái tim của Ngài đã được rung cảm bởi lòng từ bi sâu xa, và Ngài đã quyết định đi trở lại thế gian để giảng dạy Chánh Pháp cho những người nào đã sẵn sàng lắng nghe.

Những người đầu tiên Ngài đến là nhóm bạn đồng tu khổ hạnh cũ, 5 nhà khổ hạnh đã bỏ Ngài vài tháng đầu và hiện cư trú tại vườn nai (Lộc Uyển) tại Sarnah gần Benares. Ngài giải thích cho họ về các chân lý mà Ngài đã khám phá, và trong lúc nghe đức Phật giảng họ đã đạt được kiến giải trong Chánh Pháp, trở thành những vị đệ tử đầu tiên của Ngài. Trong những tháng sau đó những người đi theo Ngài đã tăng vọt bởi những người tại gia và các nhà khổ hạnh nghe thông điệp giải thoát của Ngài, từ bỏ tín điều cũ của họ và tự tuyên bố họ là đệ tử của Đấng Giác Ngộ.

Mỗi năm, ngay cả khi tuổi già, Ngài cũng vẫn vân du trong các làng mạc, thị trấn, và thành phố của bình nguyên Sông Hằng, giảng dạy cho tất cả những ai muốn nghe; Ngài chỉ an cư trong 3 tháng vào mùa mưa, và rồi tiếp tục cuộc du hóa, đi từ nơi mà ngày nay là Delhi ngay cả xa hơn nữa về phía đông tới Vịnh Bengal. Ngài đã thành lập Tăng Già (Sangha), là những vị tăng và ni xuất gia, vì họ mà Ngài đã đặt ra các giới luật chi tiết; tăng già này vẫn còn tồn tại đến ngày nay, có lẽ (cùng với tăng đoàn của Kỳ Na Giáo) là cơ chế tồn tại lâu đời nhất trên thế giới. Ngài cũng cảm hóa được nhiều người tại gia trở thành những người phát nguyện hộ trì bật Đạo Sư và Tăng Già của Ngài.

Sau 45 năm vân du hóa độ, ở tuổi 80, đức Phật đi về thành phố Kusinara ở miền bắc. Nơi đó, nhiều vị đệ tử bao quanh, Ngài đã nhập vào "Niết Bàn không còn lại bất cứ sự hiện hữu theo duyên sinh" nào, cắt đứt vĩnh viễn sự trói buộc của Ngài vào vòng tái sinh.

Tôi đã nói ở trước rằng mỗi sự kiện lớn trong cuộc đời của đức Phật đều cho chúng ta một bài học đặc biệt trong giáo pháp của Ngài. Bây giờ tôi sẽ rút ra một số bài học từ những sự kiện này.

Trước hết, sự thức tỉnh của Bồ Tát đối với thực tại khắc nghiệt của sự hiện hữu của con người —sự khám phá của Ngài về sự trói buộc của chúng ta đối với tuổi già, bệnh tật, và cái chết — dạy cho chúng ta sự quan trọng của việc tự phản tỉnh và suy tư sâu sắc. Sự thức tỉnh của Ngài phản ảnh trở lại đối với chúng ta về tình trạng mộng du mà trong đó chúng ta thường sống, bị sa lầy trong lạc thú và các mối quan tâm nhỏ, không biết gì đối với "đại sự" đang đối mặt với chúng ta mỗi khoảnh khắc của cuộc sống. Sự thức tỉnh của Ngài nhắc nhở chúng ta rằng chính chúng ta phải vươn lên từ cái tổ kén vô minh thoải mái nhưng nguy hiểm mà trong đó chúng ta đã cư ngụ; rằng chúng ta phải thoát khỏi sự suy nghĩ bồng bột với sự trẻ trung, sức khỏe, và sức sống; rằng chúng ta phải vươn tới mức độ mới của sự hiểu biết già dặn mà sẽ làm cho chúng ta chiến thắng trong cuộc đối đầu không thể tránh khỏi với Tử Thần.

Sự ra đi của Bồ Tát khỏi cung điện, "sự từ bỏ vĩ đại" của Ngài dạy cho chúng ta bài học về các giá trị. Nó cho chúng ta thấy rằng trong số rất nhiều giá trị mà chúng ta có thể rút ra để giúp cho cuộc sống của chúng ta trật tự, cuộc tìm kiếm giác ngộ và giải thoát sẽ ngự trị tối cao. Mục tiêu này vượt xa niềm vui, sự giàu có và quyền lực mà chúng ta thường ưu tiên, thậm chí vượt trên cả lời kêu gọi về nghĩa vụ xã hội và trách nhiệm thế tục. Dĩ nhiên, điều này không có nghĩa là tất cả những ai muốn theo con đường của đức Phật phải sẵn sàng bỏ lại nhà và gia đình và chấp nhận lối sống của một nam nữ tu sĩ. Cộng đồng đệ tử của đức Phật bao gồm nhiều người tại gia cũng như các vị xuất gia, nam nữ cư sĩ sùng đạo đạt được mức độ thức tỉnh cao trong khi sống cuộc sống năng động trong cuộc đời. Nhưng tấm gương của đức Phật cho chúng ta thấy rằng tất cả chúng ta phải sắp xếp các giá trị của mình theo một thang đo mang lại vị trí cao nhất cho mục tiêu xứng đáng nhất, đó cũng là thực tế nhất trong tất cả các thực tại, Niết Bàn; và chúng ta không bao giờ nên cho phép các yêu sách về nghĩa vụ thế gian kéo chúng ta ra khỏi việc theo đuổi ước nguyện của chúng ta.

Kế đến, sáu năm đấu tranh của Bồ Tát cho chúng ta thấy rằng cuộc tìm kiếm mục tiêu cao nhất là một công việc vất vả đòi hỏi sự cống hiến sâu sắc và nỗ lực không ngừng. May mắn cho chúng ta, Bồ Tát đã phát hiện ra rằng việc thực hành tự hành xác là sự thực tập không có kết quả, và do đó chúng ta không cần phải theo hướng này. Nhưng việc theo đuổi chân lý không khoan nhượng của Ngài nhấn mạnh mức độ nỗ lực mà cuộc tìm kiếm giác ngộ đòi hỏi, và những người tìm kiếm mục tiêu như vậy một cách nghiêm túc phải sẵn sàng tham gia một khóa đào luyện khó khăn và đòi hỏi khắt khe.

Sự giác ngộ của đức Phật dạy cho chúng ta rằng trí tuệ tối thượng và sự giải thoát khỏi đau khổ là tiềm năng thực sự vốn có của con người, chúng ta có thể tự mình nhận ra mà không cần sự trợ giúp hay ân sủng của một vị cứu tinh bên ngoài. Sự giác ngộ của Ngài cũng làm nổi bật ý tưởng của sự tiết chế khôn ngoan, "con đường trung đạo", đặc trưng của Phật Giáo trong suốt lịch sử lâu dài của nó. Cuộc tìm kiếm chân lý có thể là một công việc khó khăn, một trong những

yêu cầu khắc nghiệt đối với chúng ta, nhưng nó không yêu cầu chúng ta phải chịu sự đền tội và tự trừng phạt. Chiến thắng cuối cùng là chiến thắng, không phải bằng cách hành hạ cơ thể, mà bằng cách phát triển tâm trí, và điều này diễn ra thông qua một khóa đào luyện cân bằng việc chăm sóc cơ thể với việc tu luyện tâm linh cao hơn của chúng ta.

Quyết định mà đức Phật đưa ra sau khi giác ngộ mang đến cho chúng ta bài học khác. Vào thời điểm quan trọng này, khi Ngài phải đối mặt với sự lựa chọn là giữ sự giác ngộ cho chính mình hoặc chấp nhận thử thách dạy người khác, mệnh lệnh của từ bi chiếm ưu thế trong trái tim của Ngài. Bỏ lại đằng sau sự im lặng của khu rừng, Ngài tự gánh lấy gánh nặng hướng dẫn loài người lầm lạc đi theo con đường giải thoát. Sự lựa chọn này đã có một tác động to lớn đến sự phát triển sau đó của Phật Giáo, vì trong suốt lịch sử lâu dài của nó, tinh thần từ bi là nhịp đập của sự phân phát của đức Phật, trụ cột sống động sâu thẳm nhất của nó. Chính tấm gương từ bi của đức Phật đã thúc đẩy các tăng ni, phật tử đi qua biển, núi và sa mạc, dù nguy hiểm của cuộc sống của họ, để chia sẻ sự an lạc của Chánh Pháp với những người vẫn còn lạc trong bóng tối. Chính tấm gương này đã truyền cảm hứng cho nhiều Phật tử ngày nay, bằng nhiều cách khác nhau, ngay cả khi họ chỉ có thể bày tỏ lòng từ bi của mình bằng những hành động khiêm tốn của lòng tốt và sự quan tâm tử tế đối với những người kém may mắn hơn mình.

Cuối cùng, sự thị tịch của đức Phật, sự chứng đắc Niết Bàn tối hậu của Ngài, dạy chúng ta một lần nữa rằng mọi pháp do duyên sinh đều phải diệt vong, rằng tất cả các pháp hữu vi đều vô thường, rằng ngay cả những bậc thầy tâm linh vĩ đại nhất cũng không ngoại lệ đối với chính quy luật mà Ngài thường tuyên bố. Sự ra đi của Ngài cũng dạy chúng ta rằng hạnh phúc và bình an cao nhất chỉ đến khi từ bỏ tất cả, thông qua sự rỗng lặng của tất cả các pháp duyên sinh. Vì đây là lối vào cuối cùng để đạt được trạng thái không còn bị duyên sinh, Bất Tử, Niết Bàn.

NGƯỜI ĐI

Tích xưa vó ngựa từ phương Bắc
Hứng hản trời Nam quá ngàn năm
Những hồn uổng tử còn quanh quẩn
Che chắn cõi bờ hận chưa tan

Núi non thành quách xương trắng dựng
Biển trời mây nước máu hồng pha
Mồ cha đất tổ không giữ được
Tội nầy kẻ ở hay người đi

Người đi khất thực vòng trái đất
Xứ người trăng gió áo cơm thừa
Việt Nam hai tiếng như lệ nuối
Dành để mang theo mộ người đi.

TẬN THẾ

Trần gian đang dần dần tận thế
Nhân loại quá nhiều lũ quái thai
Động đất cùng bão giông cuồng nộ
Sóng dịch về lớp lớp trùng vây.

ĐẠI DỊCH

Trần gian bây giờ như địa ngục
Tai trời ách nước hay tay người
Ta quanh quẩn trong vòng sanh tử
Chợt ngộ kiếp người qua tất mau.

thơ THƯƠNG TỬ TÂM

TRỞ VỀ MỤC LỤC

THẾ TÔN RA ĐỜI ĐEM AN ỔN ĐẾN CHO CHÚNG SANH

Quảng Tánh

Phật tử chúng ta đang vui mừng kỷ niệm ngày Thế Tôn xuất thế đồng thời với tình hình thế giới nóng lên từng ngày. Khi xảy ra chiến tranh, hàng vạn sinh mạng người dân vô tội sẽ mất đi một cách oan uổng và có thể dẫn đến khủng hoảng toàn diện trên thế giới.

Trước bờ vực chiến tranh, nhân loại càng thấm thía lời dạy của Đức Phật, rằng chỉ có lòng từ bi mới có thể hóa giải được hận thù. Sống và thực hành theo giáo pháp của Thế Tôn để từng bước chuyển hóa tham lam, sân hận, si mê; thấy rõ với tuệ giác mình có liên hệ mật thiết với người hay mình chính là người để sao cho hài hòa, đôi bên cùng an ổn và có lợi may ra mới tránh được xung đột, thiết lập được hòa bình.

"Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời, sẽ làm nhiều lợi ích cho người, đem an ổn đến cho chúng sanh, thương xót những người ngu tối, muốn khiến cho Trời, Người được phước đức. Thế nào là một người? Nghĩa là Đức Phật, Như Lai, bậc A-la-hán Tam-miệu tam-bồ-đề. Đó là một người xuất hiện ở đời, làm nhiều lợi ích cho người, đem an ổn đến cho chúng sanh, thương xót người ngu tối, muốn khiến cho Trời, Người được phước đức.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm."

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập I, phẩm 8. Atula, VNCPHVN ấn hành, 1997, tr. 86)

Thế Tôn đã xác quyết, Ngài ra đời *"Sẽ làm nhiều lợi ích cho người, đem an ổn đến cho chúng sanh, thương xót những người ngu tối, muốn khiến cho Trời, Người được phước đức."* Quả đúng như vậy, mọi xung đột khổ đau đều bắt nguồn từ vô minh, si mê, ngu tối của con người mà ra. Ai cũng muốn sống trong hòa bình, an ổn và thịnh vượng nhưng đều suy nghĩ và hành động ngược lại. Điều đáng nói là, tất cả những việc gây đau thương tang tóc đó đều nhân danh tự do, công lý và hòa bình.

Cội nguồn của mọi tranh chấp, xung đột là chấp thủ tự ngã, không thấy được thực tính duyên khởi, vô ngã tính của chính mình cùng vạn pháp. Cái tôi của cá nhân, dân tộc, quốc gia hằng ngự trị tâm thức nhân loại cần được tuệ giác duyên khởi và vô ngã soi sáng. Tất cả đều thua, đều là kẻ chiến bại, không có người chiến thắng thật sự trong bất cứ cuộc xung đột hay chiến tranh nào là điều mà Thế Tôn đã nhiều lần cảnh tỉnh.

Những người văn minh và tiến bộ trên thế giới đang chủ trương hướng đến mối quan hệ hai bên đều thắng (win-win), đều lợi ích trong tất cả các phương diện. Muốn hòa bình, thịnh vượng, an vui lâu dài thì không tiêu diệt, loại trừ nhau mà phải nương tựa vào nhau, giúp đỡ và nhường nhịn lẫn nhau. Điều này hoàn toàn tương hợp với lời dạy của Đức Phật. Vì mình và người tuy không là một nhưng vốn chẳng phải hai. Mọi người, mọi vật, mọi việc đều tương tức, chính là nhau, có mặt trong nhau, nói theo lời Thế Tôn là vạn pháp duyên sanh, vô ngã. Tuệ giác này chính là cơ sở quan trọng cho nhân loại thức tỉnh, hóa giải các xung đột đã, đang và sẽ xảy ra với hậu quả khó lường.

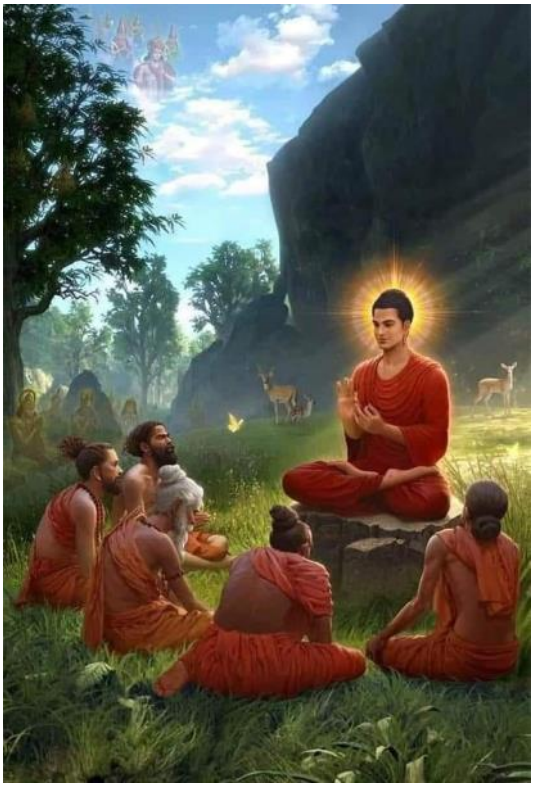

Những khoảng-trống, mà không-trống!

HUỆ TRÂN

Tiếng chuông điểm dứt Bát Nhã Tâm Kinh như hoà vào không gian tĩnh lặng khiến làn gió thoảng qua cũng dịu dàng ngân theo lời kinh vi diệu "*… Sắc tức thị không. Không tức thị sắc…*"

Gió chỉ kịp nghe như vậy vì gió còn tiếp tục bay xa. Nhưng âm thanh không chỉ ngân theo tiếng chuông gia trì, mà gió ngỡ như tiếng đại hồng chung thỉnh lên mỗi sớm mai mới khiến gió thêm năng lượng, nâng những cánh diều đang la đà, lướt gió mà lên cao, vượt non ngàn, qua mây trắng…

Ba nghiệp lắng thanh tịnh
Gửi lòng theo tiếng chuông
Nguyện người nghe tỉnh thức
Vượt thoát nẻo đau buồn.

Công phu sáng chủ nhật, hành trì theo Nhật Tụng Thiền Môn Làng Mai có thời tụng kinh Hải Đảo Tự Thân. Kinh được kết tập khi Đức Thế Tôn và tăng đoàn dừng bước trong khu Vườn Xoài bên bờ sông Bạt Đà La, thuộc vương quốc Ma Kiệt Đà. Hôm đó là ngày rằm và là thời điểm hai tôn giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên vừa nhập diệt không lâu!

Sau khi trải toạ cụ, ngồi trước đại chúng, Đức Thế Tôn đưa mắt quan sát rồi nhẹ nhàng cất tiếng:

"Nhìn đại chúng hôm nay, tôi thấy một khoảng trống lớn. Đó là vì hai thầy Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên đã nhập Niết Bàn. Trong phái đoàn Thanh Văn của chúng ta, hai vị Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên là những người có tài năng đầy đủ nhất về các phương tiện thuyết pháp, khuyên bảo, dạy dỗ và biện thuyết" (*)

Đức Thế Tôn thở thật sâu, rồi nói tiếp, chậm rãi hơn, như để thính chúng thấm được từng lời:

"Các vị đừng vì sự kiện hai thầy Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên nhập diệt mà ưu sầu, khổ não! Một cây đại thụ thì có đủ rễ, thân, lá, cành, hoa và quả sum suê tươi tốt, nhưng chúng ta biết, những nhánh lớn sẽ bị tàn lụi và gãy trước những nhánh nhỏ. Cũng như trên dãy núi châu báu kia, đỉnh cao nhất là đỉnh sẽ sụp đổ trước. Muốn cho chúng còn hoài mà không hoại diệt là chuyện không thể xảy ra! " (*)

Đức Thế Tôn lại nhìn khắp đại chúng, như nhận ra vẻ ưu sầu đang chuyển hoá, những hạt lệ nhớ thương đang ngừng rơi; và Cha Lành ân cần dạy tiếp:

"Vì vậy quý vị phải thực tập làm Hải Đảo Tự Thân, quay về nơi hải đảo tự thân để nương tựa nơi hải đảo tự thân, quay về nơi Hải Đảo Chánh Pháp để nương tựa nơi hải đảo chánh pháp mà không nương tựa vào một hải đảo nào khác …"(*)

Những lời Đức Thế Tôn chỉ dạy và an ủi đại chúng trong đêm trăng rằm đó đã khai mở trong tâm thính chúng những điều mầu nhiệm.

Những nhánh lớn, theo luật vô thường mà hoại diệt trước, nhưng đại thụ vẫn còn đây! Chính những nhánh lớn vừa biến đi, đã và đang góp sức bồi dưỡng những nhánh nhỏ xanh tươi để đại thụ vững vàng với thời gian, không gian. Những nhánh nhỏ hôm nay cũng sẽ lớn dần, cũng đi vào chu kỳ không còn hiện hữu nơi sắc thân, nhưng quán chiếu dòng sinh diệt thì những nhánh lớn rơi xuống, thực ra chưa từng rời đại thụ vì chủng tử vẫn rạt rào nơi những mầm non đang vươn lên!

Quay về nơi Hải Đảo Chánh Pháp, quay về nơi Hải Đảo Tự Thân để cảm nhận được sự kỳ diệu nhiệm mầu là Đạo Phật vẫn còn đây, Chư Phật, Chư Bồ Tát vẫn còn đây.

Tiếng đại hồng chung ngân vang mỗi sáng vẫn theo gió, tải rộng âm thanh Giáo Pháp tới núi cao rừng thẳm để chúng sanh nương theo mà giảm thiểu khổ đau, tìm đường giác ngộ…

Hai mươi sáu thế kỷ qua, bao nhiêu nhánh lớn đã biến diệt nhưng đại thụ còn đây, nào có khoảng trống nào đâu! Người con Phật nương lời Cha Lành mà quán chiếu sẽ thấy được những Khoảng-Trống mà thực Không-Trống.

Hai mươi sáu thế kỷ qua, dù từng gặp nghịch duyên thử thách, những pháp hội vẫn tuỳ duyên tiếp diễn qua mọi thời gian, dưới mọi hình thức phù hợp với căn cơ chúng sanh.

Có phải đó là Linh Sơn pháp hội vẫn còn đây, khai tam mà hiển nhất?

Đồng tâm đồng nguyện tự cảm nhận nhau mà tìm đến, tạo lập không gian chánh báo theo khả năng, để cùng nhau hành trì.

Có phải đó là Venuvana (TV Trúc Lâm), Jetavana (TV Kỳ Viên), Kudagarasala (TV Trùng Các), Isipatana (TV Lộc Uyển), v.v… thời xưa vẫn còn đây?

Nào có khoảng-trống nào đâu!

Chỉ là những chuyển hoá, những tiếp nối.

Ôi, những chuyển hoá, những tiếp nối chưa từng ngưng vun bồi niềm tin yêu, như ánh dương tỏa rạng mỗi sáng cho muôn hoa bừng nở; như vầng mây đang chuyển thành mưa cho muôn rễ đâm chồi, nảy lộc!

Đám mây không bao giờ chết!

Đám mây chỉ đang chuyển thành mưa!

Mưa bồi dưỡng đất mầu để cây lại hiến tặng hoa trái cho đời!

Kính bạch Giác Linh Thầy,

Chúng con đang ngồi đây, tại Deer Park Monastery, trước bàn linh có di ảnh Thầy trong Lễ Chung Thất của Thầy ngày 13 tháng 3 năm 2022.

Chúng con biết Thầy không còn hiện diện qua thân tứ đại nhưng không ai trong các con của Thầy không cảm nhận sâu sắc là **Thầy Vẫn Còn Đây**, vẫn trong không gian Làng Mai khắp năm châu, nơi chúng con từng được quây quần quanh Thầy, được Thầy ân cần chỉ dạy, chăm sóc, để mỗi cá nhân phải chuyên cần thực tập, thiết lập được hải đảo tự thân mà quay về nương tựa. Chỉ nơi hải đảo đó chúng ta mới không bất ngờ bị xô đẩy, bị gục ngã, vì nơi đó không có khoảng-trống! Nơi đó luôn có Chánh Pháp mà chúng ta từng thực tập.

Kính bạch Giác Linh Thầy,

Chúng con quá hạnh phúc, vì luôn nhận được tình thương trực tiếp từ Thầy qua lời nhắc nhở từ những việc đơn sơ. Như, chỉ là buổi thiền hành leo núi, Thầy cũng dặn dò: *"Nếu các con có lên núi sinh hoạt thì ngồi chung với nhau, ăn sáng với nhau và pháp đàm với nhau trên cùng một tảng đá. Ngồi để thấy tất cả đều là anh chị em trong một nhà và để chỉ nói với nhau bằng những lời thương yêu… Thầy ôm tất cả các con…"* (**)

Thầy cũng di chuyển khắp nơi, chẳng quản xa gần, theo lời thỉnh mời của nhu cầu tu học. Vậy mà trên những chặng đường đó, Thầy vẫn có thì giờ cho chúng con. Như, từ chùa Sùng Phúc, Hà Nội: *"Hôm qua, ngồi trên võng bên cạnh thất, Thầy thấy rõ là dù đang ở đâu, các con cũng đang tiếp nối Thầy, bằng cách này hay cách khác. Nơi nào có con ngồi thì có Thầy ngồi, nơi nào có con thở thì có Thầy thở, nơi nào có con đi thì có Thầy đi, nơi nào có con mỉm cười thì có Thầy mỉm cười …"* (**)

Ôi, tình thương vô biên, tặng phẩm vô cùng Thầy đã và đang cho chúng con đang choáng ngợp nơi nơi! Nghĩa thầy trò, tình huynh đệ luôn được nuôi dưỡng bằng mật ngọt trong trái tim Hiếu và Thương là những gì không sức mạnh nào bên ngoài tàn phá hoặc cướp đoạt được!

Thầy kính thương của chúng con, của muôn người đủ duyên gặp Chánh Pháp,

Đất trời còn phảng phất hương xuân. Chúng con đang nắm tay nhau để lại được Cùng Thầy Đi Gặp Mùa Xuân.

49 ngày, 100 ngày hay 1000 ngày… chỉ là những con số ước định mà nhân gian đặt ra như dấu mốc để nhớ về.

Hơi thở chánh niệm không có thời gian, không gian.

Đó là hơi thở của tinh thần Bát Nhã.

Với hơi thở đó, thầy trò chúng ta chưa từng rời xa nhau!

A cloud never dies.

Đứa con nuôi phương xa của Thầy
Huệ Trần
(Tào-Khê tịnh thất – toạ thiền,
tâm nương theo bước chân Thầy)

(*) Kinh Hải Đảo Tự Thân - Nhật Tụng Thiền Môn Làng Mai.
(**) Tay Thầy Trong Tay Con – Thích Nhất Hạnh.

HẠT THIỀN VỪA ƯƠM

Từ em
trăng cổ bước ra
Môi thơm phong nhụy
Áo tà huy bay

Theo em
Xuân Hạ miệt mài
Giọt sương tồn đọng
Trà phai mấy lần

Dặm về
lạ lẫm phân vân
Trái tim mê lộ
tần ngần nhớ/quên

Đêm mưa
trôi hết ưu phiền
Vầng trăng lạnh cóng
Hạt thiền vừa ươm

thơ KIỀU MỘNG HÀ

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CÁC RỦI RO CỦA DA

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Có thể tự bảo vệ cơ thể với côn trùng cắn và đốt không?

Rủi ro bị ong hoặc ong bò vẽ cắn thấp nhất vào mùa xuân khi các côn trùng mới bắt đầu làm tổ và cao nhất vào mùa hạ và mùa thu khi một tổ ong có tới 2000 hoặc 3000 con. Nguồn thực phẩm chính của chúng là hoa, vì thế các thửa vườn và đồng ruộng có nhiều hoa dại là nơi mà quý vị thường bị tấn công.

Bởi vì ong và ong bò vẽ được các mầu sáng quyến rũ, cho nên an toàn nhất là khi ra ngoài quý vị mặc quần áo vải mầu nâu nhạt xỉn. Vải này không những có mầu nhạt nhưng đan rất chặt khiến các loại côn trùng không đốt được.

Cũng nên tránh dùng nước hoa, dung dịch có hương thơm hoặc thuốc xịt tóc bởi vì mùi thơm của chúng sẽ lôi cuốn các côn trùng. Khi dùng chất đuổi côn trùng nên đọc kỹ các chỉ dẫn của nhà sản xuất.

Quý vị nên làm gì khi bị côn trùng đốt?

Nếu quý vị bị ong bò vẽ hoặc ong bắp cầy đốt, hãy đuổi chúng đi rồi chườm nước đá cục lên chỗ bị cắn. Nếu ong để lại ngòi ở da, hãy nhẹ nhàng lấy nó đi bằng lưỡi dao hoặc móng tay rồi rửa với nước và xà bông. Chườm chỗ đốt với nước đá để ngăn nọc độc được da hấp thụ. Nếu mặt của người bị đốt sưng, khó thở hoặc các dấu hiệu khó khăn gì khác thì phải kiếm chăm sóc y tế. Quý vị thường bị dị ứng trầm trọng thì nên mang theo một ống adrénaline để chích.

Lấy nọc côn trùng đốt ra cách nào?

Những sinh vật nhỏ bé chuyên hút máu thường hay ẩn náu ở bụi rậm, nơi có nhiều cỏ. Khi côn trùng đốt, cơ thể của chúng có rất nhiều máu. Ai cũng muốn loại chúng ngay, nhưng vì đầu của chúng bị kẹt ở dưới da cho nên quý vị phải lấy nó ra. Bôi chất dầu đặc sẽ che kín ống thở của chúng và sinh vật đó sẽ buông ra trong vòng 30 phút. Và côn trùng có thể lấy ra với một cái nhíp.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com

TRỞ VỀ MỤC LỤC

THIỀN TỊNH ĐẠO TRÀNG
TRANG NGHIÊM TỔ CHỨC LỄ TẠ ÂN SƯ

Thanh Huy

Ni Sư Diệu Tánh, Viện Chủ Thiền Tịnh Đạo Tràng

Chư tôn giáo phẩm từ trái: HT. Thích Minh Mẫn, HT. Thích Tuệ Uy, Trưởng lão HT. Thích Thắng Hoan, HT. Thích Minh Dung, HT. Thích Minh Tuyên, HT. Thích Nguyên trí, HT. Thích Nhật Huệ, HT. Thích Phước Thuận

Ni Sư Thích Nữ Diệu Tánh, Tổng Thủ Quỹ kiêm Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Tài Chánh, Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Viện chủ Thiền Tịnh Đạo Tràng đã trang nghiêm tổ chức Lễ Tạ Ân Sư vào trưa ngày thứ Bảy, 26 tháng 3 năm 2022 tại Thiền Tịnh Đạo Tràng, thành phố Garden Grove, tiểu bang California.

Tham dự buổi lễ có Trưởng lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Điều hành Giáo Hội Phật Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (HĐĐH/GHPGVNTNHK); HT. Thích Phước Thuận, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm, GHPGVNTNHK; HT. Thích Tín Nghĩa Chủ Tịch, HĐĐH/GHPGVNTNHK; HT. Thích Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ HĐĐH/GHPGVNTNHK; HT. Thích Nhật Quang, Đệ Nhị Phó Chủ Tịch Nội Vụ HĐĐH/GHPGVNTNHK; HT. Thích Minh Tuyên, Pháp Chủ Giáo Hội Tăng Già Khất Sĩ Hải Ngoại, Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ HĐĐH/GHPGVNTNHK; HT. Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký HĐĐH/GHPGVNTNHK; HT. Thích Minh Mẫn, Thành Viên Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ; HT. Thích Thiện Long, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tài Chánh; HT. Thích Minh Dung, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục, Phụ Tá Chánh văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm; HT. Thích Minh Hồi, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Kiến Thiết; HT. Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự; HT. Thích Tuệ Uy, Tổng vụ Phó Tổng Vụ Truyền Thông; Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ; TT. Thích Pháp Tánh, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ truyền Thông; TT. Thích Nhật Châu, Tổng Vụ Trưởng Thanh Niên; TT. Thích Hạnh Tuệ, Phó Tổng Thư Ký HĐĐH GHPGVNTN/HK; cùng quý chư tôn đức Tăng, Sư Bà Thích Nữ Giới Châu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Ni Bộ, cùng quý chư Thượng Tọa Đại Đức Tăng, quý NS. Tiến Liên, NS. Tuệ Từ, NS. Huệ Chiếu, NS. Giới Định cùng quý chư tôn đức Ni, Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế, Phụ Tá Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK, quý Cư Sĩ Tâm Quang - Vĩnh Hảo, Nguyên Giác Phan Tấn Hải, Quảng Trà Nguyễn Thanh Huy, một số quý Huynh Trưởng trong ban hướng dẫn Gia Đình Phật Tử Hoa Kỳ... quý cơ quan truyền thông cùng đồng hương Phật tử tham dự.

Mở đầu buổi lễ, ban nghi lễ cung thỉnh chư tôn giáo phẩm, chư tôn đức Tăng, Ni quang lâm chánh điện niệm hương đảnh lễ Phật, trì tụng chú Đại Bi, tụng kinh Bát Nhã.

Tiếp theo là lễ tiến cúng giác linh, tưởng niệm ân sư chư vị cố trưởng lão HT: Thích Đức Niệm, Thích Thuyền Ấn, Thích Trí Chơn, Thích Nguyên Lai, Thích Minh Tâm, Thích Thiện Hương; ngoài ra còn có lễ tưởng niệm HT. Thích Thái Siêu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục HĐĐH Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã viên tịch vào lúc 6 giờ chiều, ngày 20 tháng 3 năm 2022.

Sau phần nghi thức tưởng niệm, Ni Sư Thích Diệu Tánh có lời Tri Ân rất cảm động đối với Ân sư: Đại lão Hòa thượng Thích Đức Niệm; và Y chỉ sư: Đại lão Hòa thượng Thích Minh Tâm. Không khí buổi Lễ Tạ Ân Sư được lắng đọng và tỏa sáng ý nghĩa trong bài diễn văn của Ni Sư Thích Diệu

Nghi thức lễ tạ Ân Sư, tưởng niệm Thầy-Tổ

Tưởng niệm HT. Thích Thái Siêu

Tánh. Bài diễn văn này đã bộc bạch tất cả tâm niệm và chí nguyện của một người đệ tử đối với các ân sư, đặc biệt là đối với vị bổn sư của mình: *"Đời người ai cũng có một ước mơ nhỏ, trong đó có chính bản thân con. Là một Ước mơ, có được ngày Lễ Tạ Ân Vị Thầy Bổn-Sư... Hôm nay dưới sự chứng minh của chư Tôn Đức Tăng, Ni, và Phật-tử Thiền-Tịnh Đạo-Tràng, con xin được bộc bạch đôi lời Ước Mơ nhỏ bé này, nhưng nó cũng phải mất 22 năm, kể từ ngày Sư-Phụ giao trọng trách cho con ngôi nhà này. Chặng đường 22 năm dành dụm, chắt chiu dưới sự hỗ trợ của Đàn-na Thí-chủ... Và Ước Mơ này thật sự đã đến...*

Công việc khởi công, Con đã chọn lấy ngày tháng hiệp kị 16 năm của Sư Phụ là ngày 24 tháng 3 năm 2019, tức 19 tháng 2 năm Kỹ Hợi để khởi công. Và đã được hoàn tất cuối tháng Mười Hai, năm 2020.

Hôm nay là 26 tháng 3 năm 2022, cũng là kị giỗ lần thứ 19 của Thầy chúng con và là năm thứ 9 của Hòa-Thượng Thích-Minh-Tâm, vị Thầy Y-chỉ của chúng con sau ngày Thầy con viên tịch.

Con cũng đã đợi đến ngày này để dâng lên Sư-Phụ tấm lòng thành nhỏ bé mà con đã ấp ủ bao tháng ngày qua, nên con đã không gọi ngày này là ngày Khánh Thành, mà là ngày Lễ Tạ Ân Thầy, một tấm lòng thương kính của người đệ tử hướng về Tam-Bảo, ngưỡng nguyện Sư-Phụ luôn che chở và hộ độ cho Con chân cứng đá mềm, dõng mãnh vững bước tiếp nối chí nguyện, hạnh nguyện của Thầy Tổ, mà không lùi bước trước những khó khăn của cuộc sống này. Cúi xin Sư-Phụ, và Hòa-Thượng Y-chỉ, cùng chư Tôn Đức Tăng, Ni và Phật-tử tại Thiền-Tịnh Đạo-Tràng chứng minh cho.

Chư tôn đức Ni trong nghi thức lễ tạ ân sư

Kính lạy Sư-Phụ. Con đường xuất gia mà con đã chọn là một con đường thật khó chọn. Năm 1975, gia đình con đến định cư tại Montreal, Canada. Thời gian này rất cần sự có mặt của con, nên vòng rào cản ngăn của người thân, danh dự, mặt mũi của cha mẹ không thể nào có thể vượt qua. Nhưng Con đã gạt nước mắt, hướng về phía trước, tiến bước trên con đường mà con đã ấp-ủ khi tuổi còn thơ.

Cuối cùng, Con đã đến Phật-Học-Viện quì dưới chân Thầy, để xin tiếp độ nhận con làm người đệ tử xuất gia..., và rồi Thầy đã mở lòng tiếp nhận con. Kể từ ngày đó con được Sư-Phụ dạy dỗ, che chở, khuyên bảo, la rầy, trách phiền. v.v… và v.v... Thời gian 20 năm xuất gia tu học trong Phật-Học-Viện, thế sự vô thường rồi cũng không tránh khỏi, một ngày đẹp vía Đức Quán-Thế-Âm 19 tháng 2 Âm lịch 2003, Sư-Phụ đã từ giã chúng con để ra đi về với Phật..., thế là chúng con thật sự vắng bóng xa Thầy!

Con thật sự rất hụt hẫng, nhất là những lúc gian truân của cuộc sống, và trong cuộc đời hành đạo không còn người để hướng dẫn, che chở, mà chính mình phải tự bước đi trên đôi chân của mình. Những lúc thế này, con thấy mình cần Sư-Phụ nhiều lắm.

Bao là Ân, bao là Lòng, mà con đã đón nhận từ bậc Thầy khả kính. Ân này bao giờ con mới trả hết. Hơn hai mươi năm qua, dù khi Sư-Phụ còn ở cõi đời này, hay đã đi về với Phật, nhưng tâm Con luôn hướng về Sư-Phụ để xin được chở che và hộ độ.

Là một người Ni, chẳng dễ cho con chút nào trong việc hành đạo, và cách xử thế ở đất nước Hoa-Kỳ này, khi Sư-Phụ đã quy Tây. – Những lời Hướng-dẫn, Chỉ-giáo, Dạy-bảo của bậc Ân-Sư, Con luôn nương theo những lời dạy bảo: 'Chăm chỉ tu tập, phụng sự Tam-Bảo, đóng góp công sức giúp Đời và Đạo.' – Con cũng xin: 'Y Giáo Phụng Hành những lời dạy của Sư-Phụ là dạy con luôn nương tựa vào Giáo-Hội, vào chư Tôn Giáo Phẩm Lãnh Đạo Giáo Hội...' Do vậy, con nguyện xin đem hết khả năng nhỏ bé của mình để đóng góp cho Giáo-Hội ngõ hầu trả Ân Đức Thầy Tổ. Xin Sư-Phụ che chở cho con ý nguyện này..."

Hướng về chư tôn đức hiện tiền, Ni Sư tiếp: *"Nơi đây Con xin cảm ơn Hòa-Thượng Chủ-Tịch của Giáo-Hội cũng như chư Tôn Đức Tăng, Ni đã thường xuyên giúp đỡ ý kiến và nhắc nhở cho con. Chùa chỉ có mình con, nhưng con chưa bao giờ cảm thấy mình bơ vơ, hay đơn độc, vì con có Giáo-Hội, có Tăng-đoàn, có những người thiện-nam tín-nữ hộ trì giúp cho con...*

Hôm nay là ngày kỵ giỗ lần thứ 19, cũng là ngày mà người đệ tử một dạ chí thành đối trước Tam-Bảo, đối trước chư Tôn Đức Tăng, Ni, Phật-tử. Trước Di-ảnh thân thương của bậc Ân-Sư tại Thiền-Tịnh Đạo-Tràng, con xin Sư-Phụ và đại Tăng chứng minh cho Lễ Tạ Ân Thầy này. Đồng thời xin gia hộ cho hàng Môn-đồ Tứ-chúng tinh tấn tu tập hành đạo, Bồ-đề tâm bất thối, một đời tích Đức hành Thiện, giáo hóa gia-đình, bà-con, bằng-hữu nương theo Chánh-pháp, để đền đáp trong muôn một, thâm-ân giáo-dưỡng của bậc Ân-Sư đã cho chúng con Giới thân, Huệ mạng này. Và ngưỡng nguyện gia hộ cho chư Tôn Đức Tăng, chư Tôn Đức Ni, quý Ngài thân tâm Thường-lạc, an trú trong Lục-hòa, xứng đáng là rường cột của Phật-giáo Việt-nam Hải-ngoại để góp phần nỗ lực xây dựng Đất-nước và Dân-tộc trong và ngoài nước được tự do, thịnh vượng. Xin cảm ơn Thượng-Tọa Thích-Minh-Chí, Viện chủ Phật-Học-Viện cùng chư Huynh-đệ của Phật-Học-Viện đã luôn giúp đỡ tinh thần, vật chất suốt nhiều năm qua. Con kính Đảnh lễ Tri Ân tất cả chư Tôn Đức Tăng và chư Tôn Đức Ni đã quang lâm trong ngày Lễ Tạ Ân Sư hôm nay..."

Tiếp theo là lễ cúng dường trai tăng, chư tôn đức thọ trai, đồng hương Phật tử cùng dùng bữa cơm chay do đạo tràng khoản đãi.

Sau đó cũng tại nơi nầy một phiên họp thường niên của Giáo Hội cũng đã bắt đầu vào lúc 2 giờ chiều, trong phiên họp nầy cũng để các Tổng Vụ báo cáo về những hoạt động trong thời gian qua và thông báo một số công tác Phật sự cho những ngày tháng tới. Đặc biệt có phần bàn về chương trình tang lễ Hòa Thượng Thích Thái Siêu, và chuẩn bị cho khóa An Cư Kiết Hạ năm 2022 tại Tu Viện Pháp Vương.

MƯA HẠ

Hạ thành đô lắm âm u
Mưa rơi phố cận mây mù nẻo xa
Chiều tràn dâng nỗi nhớ nhà
Mẹ yếu song sớm cha già thềm khuya
Áo cơm gây nỗi cách chia
Hay là máu hải hồ kia mãi trào
Sôi sùng sục tận chiêm bao
Biển sâu vẫy giục non cao gọi mời
Lênh đênh ngót quá nửa đời
Để chiều mưa rụng rã rời bước chân
Ngày hè quạnh mấy vuông sân
Buồn như lớp học ghế bàn trơ vơ
Mái đầu cha mẹ bạc phơ
Tàn xiêu cõi nhớ nhạt mờ cõi mưa
Phượng hồng đôi cánh lưa thưa
Thời thư sinh ngỡ như vừa mới qua
Phương này thiếu mẹ vắng cha
Nhìn cơn mưa hạ như là lệ rơi.

HẠ VẤN VƯƠNG

Đêm vừa khép lối chiêm bao
Thì trời cũng mở xôn xao nẻo ngày
Bên nắng hé bên mưa bay
Nắng thưa đan nhớ mưa dày dệt thương
Dần dần tỏ ánh triêu dương
Áo mây gió vén khăn sương nắng lùa
Ngàn hương thiếu nữ hồn xưa
Chợt về thơm lựng nắng trưa êm đềm
Quyện trong cánh gió ngọt mềm
Dường nghe oanh yến bên thềm gọi nhau
Dăm ba cánh phượng khoe màu
Chở hồn sương khói về đâu hỡi người
Qua rồi tuổi học vô tư
Thời trinh nguyên đã bao người ướt mi
Nắng chiều ngoài cửa chưa đi
Lòng nghe như đã thầm thì tiếng đêm
Tình xưa chở mộng qua thềm
Nửa đời hoang phế không em chối từ.

thơ LƯU LÃNG KHÁCH

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ĐẠO PHẬT VÀ NHÂN QUYỀN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Luật sư Tạ Văn Tài

Tiến sĩ Chính trị học và Thạc sĩ Luật học, nguyên Giảng sư Harvard Law School

(tiếp theo)

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI CÁC CHÍNH SÁCH VỀ NHÂN QUYỀN CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI LÝ VÀ TRẦN

Khi bàn về các chính sách nhân quyền của một chính phủ thì cũng có nghĩa là phải xem xét đến những quyền nào mà hiến pháp quy định cho công dân, hoặc trong một thời đại chưa có hiến pháp, phải xem xét những nguyên tắc luật lệ gì – đặc biệt là trong luật hình và thủ tục tố tụng hình sự – quy định các quyền của con người, như quyền sống, quyền tự do, quyền an toàn thân thể, hoặc quyền tự do tư tưởng hoặc tôn giáo, hoặc quyền về kinh tế và các phúc lợi xã hội, v.v…

Những văn bản pháp luật đời Lê và Nguyễn hiện còn khá đầy đủ để cho phép chúng ta nghiên cứu về hồ sơ nhân quyền trong các triều đại này một cách toàn diện. Nhưng đối với các đời Lý và Trần, chúng ta không có sự may mắn như vậy – chẳng còn tuyển tập luật lệ gì – có lẽ là vì, như sử sách ghi, tướng Trương Phụ đời Minh, trong giai đoạn lịch sử ngắn ngủi khi Trung Hoa xâm chiếm Việt Nam sau đời nhà Trần, đã tịch thu sách vở của nước ta và mang tất cả về Bắc Kinh. Bộ chính sử của Việt Nam, *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư,* có đề cập đến một số bộ luật, nhưng hiện nay chúng không còn nữa.

Năm 1042, vua Lý Thái Tông ban hành luật Hình Thư, mà đã được các sử gia cuối đời Lê ca ngợi trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* như sau: *"Cho đến thời đó, các việc kiện tụng trong nước rất phức tạp. Các quan xử án theo sát những câu chữ của luật, cho nên trở thành khắc nghiệt, kết án oan kẻ vô tội. Nhà vua, cảm thông với họ, nên đã chỉ dụ rằng luật lệ phải được soạn thảo cập nhật, phải phân loại và rút gọn thành các điều khoản đưa vào Bộ Hình thư, để nhân dân có thể hiểu chúng một cách dễ dàng"* (8). Bộ Hình thư này, mà ắt hẳn là thấm nhuần tinh thần nhân đạo Phật giáo, thì không còn nữa. Năm 1230, triều đại nhà Trần cũng đã ban hành hai bộ luật: *Quốc Triều Thống Chế*, gồm 20 quyển, được bổ sung năm 1244 với những điều khoản về sự áp dụng luật hình; và *Hình Thư,* được biên soạn năm 1341 bởi Trương Hán Siêu và Nguyễn Trung Ngạn theo lệnh của vua Dụ Tông. Theo Lê Quý Đôn, các bộ luật đời Trần là hoàn chỉnh nhất trong đỉnh cao của triều đại nhà Trần. Đáng tiếc là chúng ta không còn giữ được các bộ luật này, và chứng tích còn lại duy nhất của luật Trần là cuốn *An Nam Chí Lược,* một cuốn sử không chính thức của Lê Tắc – một viên quan Việt Nam đã phản bội dân tộc đi theo quân Nguyên về Tàu năm 1285. Xét cho cùng, để bàn về ảnh hưởng của Phật giáo đối với các chính sách nhân quyền của các đời Lý, Trần, chúng tôi chỉ có những lời đề cập rải rác trong những tài liệu lịch sử, nói tới những sắc lệnh, chính sách và những biến cố. Như vậy do không có đủ những tài liệu pháp luật, những phân tích của chúng tôi về đời Lý và đời Trần chỉ có thể tường thuật được một vài quyền của con người mà chúng tôi chỉ có thể tìm thấy những vết tích trong chính sử, mà không bàn được về tất cả những quyền đã được liệt kê đầy đủ trong những tài liệu pháp luật quốc tế ngày nay.

Sẽ bàn về: quyền toàn vẹn con người, quyền bình đẳng và quyền tự do tư tưởng và tôn giáo.

A. Quyền toàn vẹn con người

Theo các văn bản của Liên Hợp Quốc, trong đề mục này, mọi người có quyền sống, quyền tự do không bị nô lệ, nô dịch hoặc tù tội, và quyền có an ninh cho con người trong tiến trình pháp luật, như là sự bảo đảm không bị bắt bớ / giam cầm độc đoán, quyền được xét xử công khai, công bằng, không chậm trễ, v.v… Quyền toàn vẹn con người là một điều kiện tiên quyết để có thể hưởng bình đẳng, hoặc các quyền dân sự và chính trị cũng như các quyền kinh tế và xã hội.

1. **Quyền sống**. Theo luật quốc tế hiện hành về nhân quyền, quyền sống là không tuyệt đối. Mặc dầu một số tổ chức quốc tế (chẳng hạn Tổ chức Ân xá Quốc tế) tranh đấu cho sự bãi bỏ án tử hình như một sự vi phạm quyền sống, và mặc dầu một số tiểu bang ở Hoa Kỳ đã bỏ án tử hình theo cùng một lý do, trong luật nhân quyền quốc tế ngày nay, ý nghĩa thực của quyền sống chỉ có nghĩa là quyền đó không thể bị tước đoạt một cách độc đoán. Nếu theo đúng diễn tiến luật

định (due process), cả về nội dung lẫn thủ tục, án tử hình có thể áp dụng bởi Nhà nước trong phần lớn các quốc gia: một toà án đủ thẩm quyền có thể kết án tử hình một người phạm vào một trọng tội do luật có hiệu lực quy định, theo đúng thủ tục pháp lý, trên căn bản của chứng cứ rõ rệt.

Dưới đời Hậu Lê và đời Nguyễn, án tử hình tuyên bởi các toà cấp dưới phải được phê chuẩn bởi cấp toà cao nhất – dưới đời Lê, đó là Thẩm Hình Viện; dưới đời Nguyễn, đó là một tập hợp các cơ quan: Bộ Hình và Tam Toà – bao gồm: thứ nhất, chính Bộ Hình; thứ hai, Đại Lý Tư; và thứ ba, Ngự Sử Đài – và rồi bản án, nếu được xác định, phải được chuyển đến nhà vua để có quyết định chung thẩm. (Có một sự khác biệt duy nhất với chuẩn mực nhân quyền ngày nay là án tử hình có thể được tuyên đối với một số tội hiện nay không còn bị tuyên tội chết, như tội thông dâm với cô, dì chẳng hạn).

Chúng ta không có những chứng liệu để biết nhà Lý và nhà Trần đã có cùng thủ tục kết án tử hình phức tạp như vậy hay không, nhưng có thể hiểu rằng nếu nhà Nguyễn áp dụng theo thủ tục kết án tử hình của nhà Mãn Thanh bên Trung Hoa, và nếu nhà Tống bên Trung Hoa học theo nhà Lý về sự tổ chức quân đội, thì nhà Lý có thể đã áp dụng định chế về Thẩm Hình Viện của nhà Tống. Năm 1052, vua Lý Thái Tông đã ra lệnh đúc và đặt một cái chuông trong sân cung Thiên An để người dân có thể gõ chuông kêu oan (9). Dưới đời Trần, ngoài Ngự Sử Đài và Bộ Hình, cũng có Thẩm Hình Viện để xét duyệt và cho ý kiến đối với hình phạt được tuyên bởi các toà cấp dưới (10). Các cấp toà thượng thẩm này làm cho khó mà tước đoạt sự sống một cách độc đoán, nhất là khi các vua là người nhân từ, như chúng ta sẽ thấy sau này.

Các triều đại Lý và Trần có lẽ không đi quá xa đến mức bãi bỏ án tử hình, nhưng triết lý về pháp luật của họ, vốn ảnh hưởng tinh thần Phật giáo (rất ngại sát sinh), đã dẫn đến sự chế giảm số hình phạt phải kết án tử cũng như khả năng cho chuộc .

Các đạo luật đời Lý phạt tội đánh chết người bằng việc cho đánh 100 trượng, xâm 50 chữ lên mặt và bắt làm tiện nhân lao dịch; và giết chết với vũ khí bén nhọn trong một cuộc tranh chấp đất đai chỉ với 80 trượng và tội đồ khổ sai (11). Những triều đại sau đó phạt tử hình tội trốn ra ngoại quốc theo giặc, nhưng vào năm 1125, Mạc Hiển, huyện quan ở Quảng Nguyên, đã trốn theo nhà Tống năm trước và bị gởi trả về Việt Nam, chỉ bị đày đi Nghệ An rồi Thanh Hoá, còn vợ và con bị

phạt chuyển thành nông nô (12). Tội phản nghịch, chống lại nhà vua, lẽ ra là bị phạt tội chết theo luật pháp truyền thống của Trung Hoa và Việt Nam (xử trảm - chém đầu, đôi khi bêu đầu, là hình phạt tiêu chuẩn). Nhưng chỉ trừ trường hợp ngoại lệ thi hành án lăng trì (xẻo thịt cho chết) đối với tướng Nguyễn Khanh năm 1035 (13), thì nhiều trường hợp phản nghịch dưới đời Lý đã được xử nhẹ hơn tội chết. Năm 1028, khi vua Lý Thái Tổ băng hà, có ba hoàng tử mang quân vào kinh thành để tranh ngôi với Lý Thái Tông- người kế vị hợp pháp, một hoàng tử bỏ mạng còn hai người kia bỏ trốn và sau đó quay về đầu hàng. Nhà vua đã tha tội và phục hồi tước vị cho họ. Sau đó, một hoàng tử khác nổi loạn ở Trường Yên và sau khi đầu hàng, cũng đã được tha tội và phục hồi chức, tước (14). Năm 1096, quan đại thần Lê Văn Thinh bị kết tội phản nghịch, nhưng chỉ bị đày đi Thao Giang do đã có những công trạng lớn trong quá khứ. Cáo trạng nói là khi vua đang dạo chơi trên một thuyền đánh cá trên hồ Dâm Đàm, đang xem người ngư phủ làm việc thì đột nhiên, sương mù kéo đến giăng đầy mặt hồ và trong vùng sương phủ đó,vẳng nghe tiếng mái chèo của một chiếc thuyền đang tiến đến. Khi sương mù tan biến, người ta nhìn thấy một con hổ trên chiếc thuyền đó. Mục Thận, người ngư phủ, quăng lưới chụp lên con hổ mà sau đó trở thành Lê Văn Thịnh. Lòng độ lượng của nhà vua có lẽ đã phát sinh từ sự thiếu chứng cứ vững chắc: sự thật có lẽ là Lê Văn Thinh bơi thuyền ra hồ để tìm nhà vua khi sương mù kéo đến, và nhà vua thì không nhìn thấy rõ Thịnh mà nhầm tưởng là một con hổ. Song sự ảnh hưởng tinh thần Phật giáo như vậy đã làm các triều thần Nho gia khó chịu đến nỗi sau đó, họ than phiền rằng sự độ lượng của nhà vua đối với Lê Văn Thịnh là do sự cảm hứng theo tinh thần đạo Phật (15). Lòng khoan dung của nhà vua thậm chí còn mở rộng đến người dân tộc thiểu số phạm tội phản nghịch. Năm 1041, phản thần Nùng Trí Cao bị bắt và giải về kinh đô. Cảm kích vì sự kiện rằng cha của phản thần này đã chết trong một vụ nổi loạn trước đó vào năm 1039, vua Lý Thái Tông đã tha tội và cho Cao tiếp tục phục vụ với chức huyện quan ở huyện Quảng Nguyên và thậm chí còn được ban thêm những vùng khác để cai quản, bao gồm huyện Tu Lang. Một năm sau đó, Nùng Trí Cao được ban ấn tướng và tước vị danh dự Thái Bảo. Một kết quả của chính sách nhân từ đối với quan lại người thiểu số là sự hậu thuẫn hiệu quả cho triều đại này trong những chiến dịch thành công chống lại những đợt xâm lấn của nhà Tống (16).

Các hình phạt tử hình dưới đời Trần thì nghiêm khắc hơn. Một người chồng được cho phép giết tình nhân của vợ mình và đối xử với người vợ tội lỗi đó như đối với tôi tớ, cầm hoặc bán đi. Một tên trộm phạm tội đến lần thứ ba thì bị xử tội chết (17). Tuy vậy, trong thực tế, án tử hình có thể được cho chuộc. Trong một vụ sử dụng thư nặc danh phỉ báng triều đình năm 1283, vua Nhân Tông kết án tử một người tên là Mạnh, tay chân của hoàng tử Trần Lão, nhưng đã cho phép hoàng tử chuộc hình phạt xử tử đó với 1000 quan tiền và chỉ kết án khổ sai (18).

Nếu ta nhớ tới hình ảnh những nho sĩ khoan dung mà thường được đề xuất bởi những học giả Tây phương học chuyên ngành Văn minh Trung

Các sĩ phu Việt Nam thời xưa, cần tiến thân thì đi làm quan, khi già và về hưu, trở về quê, làm nghề dạy học, theo câu "Tiến vi quan, thoái vi sư" của nhà nho. Như vậy, rõ ràng là giáo dục chỉ là một việc làm tự phát trong dân gian...

quốc, thì ta sẽ thấy đặc biệt lý thú rằng các học giả và sử gia Việt Nam ở các thời kỳ sau chịu ảnh hưởng Nho giáo nhiều hơn đã nhận định là pháp luật đời Lý quá độ lượng. Nhiều trong số những học giả này đã trách cứ sự nhân từ này là do ảnh hưởng của đạo Phật.

Về hình phạt trượng và đồ khổ sai áp dụng cho tội đánh chết, Ngô Thời Sĩ (1725 –1780), còn mang tên là Ngô Ngọ Phong, đã phê phán rằng: *"Luật xưa phạt tử hình kẻ giết người. Thật không thể chấp nhận rằng kẻ phạm tội đánh chết người mà chỉ phải chịu hình phạt đánh bằng trượng và hình phạt đồ khổ sai. Áp dụng một sự xử phạt nhẹ như vậy, những bọn hung hiểm, nhỏ nhen và những kẻ phạm tội gian xảo sẽ dễ dàng trả thù mà chẳng có sự tôn trọng mạng sống con người. Kẻ bất lương sẽ dễ dàng vi phạm pháp luật và người tốt thì cứ gánh chịu sự bất công. Thật là một sai lầm lớn trong chính sách hình sự! Những nhà cai trị không bao giờ được quên những lời phê phán về lòng độ lượng của Tử Kiều và Thôi Thực"* (19).

Về hình phạt nhẹ đối với tội giết người khi tranh chấp đất đai, sử gia Nho giáo thế kỷ 15 Ngô Sĩ Liên (14?? –14??) cũng đã mạnh mẽ bài bác nhà Lý: *"Luật xưa phạt tử hình những kẻ sát nhân. Trừng phạt kẻ sát nhân theo cùng một cách như đối với các tội phạm khác là chưa phân biệt được những mức độ khác biệt về tính nghiêm khắc của tội phạm"* (20).

Ngô Sĩ Liên cũng phê bình quyết định của vua Lý Nhân Tông chỉ kết án lưu đày Lê Văn Thịnh năm 1096: *"Miễn tử hình cho một bày tôi toan giết vua và chiếm ngai vàng là một sai lầm trong chính sách hình sự. Đó là do niềm tin của nhà vua ở đạo Phật"* (21).

Về cách xử sự khoan dung đối với những kẻ nổi loạn, Lê Văn Hưu, một nhà chính sử thế kỷ 13 (1231 -????) quy trách sự tha tội cho Nùng Trí Cao cho ảnh hưởng của đạo Phật: *"Trước đây, khi cha của y là Nùng Tôn Phúc phạm tội phản nghịch, tiếm danh vị [vua] và lập nước riêng, vua Thái Tông chỉ xử phạt người cha và tha tội người con Trí Cao. Nay Trí Cao lại theo con đường phản ngịch của người cha, với trọng tội đó, y đáng nhận lãnh hình phạt tử hình hoặc (ít nhất) sự tước bỏ phẩm hàm và đất đai đã được cấp và giáng xuống làm dân thường. Thế mà vua Thái Tông đã tha tội cho đương sự, cho y thêm lãnh thổ để cai quản, ban cho ấn tướng và tước hiệu Thái Bảo. Đấy không phải là một chính sách đúng đắn về xử phạt và tưởng thưởng… Tất cả là do vua Thái Tông đã say mê với chủ trương nhân đạo nhỏ nhen của Phật giáo và quên đi những nguyên tắc trọng đại của một vị vua"* (22).

Về vụ án Nùng Trí Cao này, Ngô Sĩ Liên cũng đã bình phẩm về tác động của đạo Phật: *"Nhà vua, bị quyến rũ bởi thuyết nhà Phật về tình thương và lòng nhân đạo, đã tha tội cho một kẻ phản nghịch. Vì vậy, lòng nhân từ của ông đã trở nên sai hỏng. Đó là khuyết điểm của nhà vua"* (23).

Như vậy, quan niệm Phật giáo quí trọng mạng sống đã làm cho chính sách của Triều Lý về tử hình trở nên rất khoan dung.

(còn tiếp)

PHẦN CHÚ THÍCH:

8. TT, I: 219
9. TT, I: 226.
10.TT, II: 21.
11. TT, I: 255, 278.
12. TT, I: 254, 264.
13. TT, I: 212.
14. TT, I: 203 –204.
15. TT, I: 242.
16. TT, I: 218, 221.
17. Lê Tắc, *An Nam Chí Lược,* bản dịch tiếng Việt, Huế, 1961, 222 –223.
18. TT, II: 49.
19. Phan Huy Chú, *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí – Hình Luật Chí*. Sau đây gọi tắt là HLC. Bản dịch của Cao Nãi Quang, Saigon, 1957, 523. Tử Kiều hoặc Tử Sản (581 –522 TCN), tể tướng nước Trịnh Thời Xuân Thu, người đã cho khắc chạm một bộ luật hình lên một kiểng ba chân bằng đồng thiếc, trên giường bệnh đã trăn trối với Tử Thái Sư rằng: *"Khi ta chết, quyền lực sẽ vào tay ngươi. Chỉ những người có đạo đức mới có thể cai trị xã tắc với lòng khoan dung; đối với những người khác, tốt hơn là nên nghiêm khắc. Khi ngọn lửa đang cháy sáng, người ta nhìn nó với sự kinh sợ, và ít có ai chết vì nó. Trái lại, nước thì nhu yếu, người ta coi thường và rỡn với nó, vì thế nhiều người chết vì nó. Thật khó mà cai trị với sự mềm dịu."* James Legge. *The Chinese Classics* (Kinh điển Trung Hoa), quyển 5, trang 684. Thôi Thực là thành viên của một gia đình nổi tiếng hay chữ trong triều đại Hán Huân đế (I 47 –168) và đời vua kế vị. Ông viết cuốn Luận giảng về Chính quyền, đại ý cho rằng sự khoan dung chỉ có thể được sử dụng bởi các chính quyền mạnh; trong những thời buổi hỗn loạn, sự nghiêm khắc nên là quy tắc tiêu chuẩn.
20. HLC, 525; TT, I: 278.
21. TT, I: 242.
22. TT, I: 221.
23. TT, I: 228.

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CANH MƯỚP ĐẮNG CHAY

Món canh mướp đắng chay có vị ngọt thanh nhẹ, không quá đắng vì vị đắng đã được trung hòa bởi những nguyên liệu khác. Món ăn chay hấp dẫn này vô cùng thích hợp cho sức khỏe cả gia đình.

Nguyên liệu:

- Mướp đắng: 1 – 2 quả
- Đậu phụ trắng: 200 gram
- Cà-rốt: 1 củ
- 2-3 tai nấm mèo
- 1 khúc hành boa-rô (tỏi tây)
- 20 gram bún tàu

Gia vị: tiêu, muối, hạt nêm chay

Cách làm:

1. Nấm mèo ngâm nước ấm cho nở, rửa sạch, để ráo, cắt nhuyễn.
2. Cà-rốt gọt vỏ rửa sạch, cắt nhuyễn. (Cà-rốt được coi là thực phẩm bổ dưỡng giàu vitamin A rất tốt cho sức khỏe và giúp làm đẹp da cho phụ nữ. Cà-rốt có vị ngọt nên bạn không nên bỏ qua những món ăn ngon nhất từ cà-rốt.)

3. Đậu phụ lau cho khô nước, dùng tay bóp nát rồi cho vào tô.
4. Bún tàu ngâm mềm, cắt khúc nhỏ.
5. Cho tất cả cà-rốt, bún tàu, nấm mèo và 1/2 boa-rô vào tô đậu phụ.
6. Nêm tí muối, tiêu, hạt nêm chay.
7. Đeo bao tay, dùng tay bóp cho các nguyên liệu trộn đều và thấm gia vị.
8. Mướp đắng rửa sạch, cắt đường giữa rồi dùng muỗng cà-phê múc hột mướp đắng ra.
9. Dồn phần đậu phụ vào, dùng tay ém chặt.
10. Làm nóng nồi trên bếp với chút dầu ăn, cho phần boa-rô còn lại vào xào thơm rồi thêm lượng nước vừa đủ.
11. Khi nước sôi cho mướp đắng vào, nêm tí muối, hạt nêm rồi nấu đến khi mướp đắng mềm thì nêm nếm lại cho vừa khẩu vị rồi tắt bếp.
12. Múc ra tô, rắc tiêu và hành tùy thích.

An Nhiên

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

NGUYÊN QUÁN THIỀU QUANG

Ngài vốn người họ Tạ, sinh trưởng ở Triều Châu, thọ học với sư Bổn Quả. Năm Đinh Tỵ ngài sang Đại Việt để hoằng dương Phật Pháp. Ngài đã lập chùa Thập Tháp, chùa Vĩnh Ân, Kim Cang… Ngài mang sang nhiều pháp khí, thỉnh mời nhiều cao tăng sang Đại Việt để cùng hoằng hóa Phật đạo.

Đến đời chúa Phúc Chu, có Hoa kiều tên A Ban làm loạn, sau có thêm người nữa là Quảng Phú cũng làm loạn, vì vậy chúa Phúc Chu không còn tin ở ngài, ngài phải vào xứ Đồng Nai để ẩn náu mà hoằng hóa. Tương truyền trước khi tịch, ngài đã dạy đồ chúng:

"Thể của pháp thân như gương không lưu ảnh, lại như ngọc không tỳ vết, có thể hiện muôn tướng nhưng không phải vật thật, thể của pháp thân vắng lặng nhưng không phải là trống rỗng."

Ngày nay Phật tử viếng chùa Thập Tháp chợt nhiên nhớ ngài, nhớ đạo hạnh và công trạng của ngài đối với Phật giáo xứ đàng trong, có kẻ viết:

NGUYÊN QUÁN QUẢNG ĐÔNG SƠ MÔN BẢO TỰ THIỀN SƯ XUẤT CHÚNG NỐI DÒNG ĐỒNG ĐỘ GIÁO THỌ BIỆT TRUYỀN HẠT KHAI ĐÀ BỔNG

THIỀU QUANG QUY NINH TÂN VIỄN THẬP THÁP XIỂN PHÁP NAM PHƯƠNG HOẰNG DƯƠNG PHỔ CẬP CHỈ TỊNH NHIẾP TÂM.

Chân dung đức Tổ sư Nguyên Thiều – Siêu Bạch, đang thờ tại Tổ đường chùa Thập Tháp, Bình Định

NĂNG LƯỢNG

Sau khóa tu thiền, thầy hỏi đại chúng:

- Quý vị tu thiền để làm gì?

Đại chúng hăng say trả lời, người thì bảo: "Tập buông xả", kẻ khác nói: "Học hạnh giải thoát", có người thì: "Tu thiền để được an lạc." Cuối giảng đường có một vị tuyên bố: "Tu thiền để nạp thêm năng lượng"…

Thầy hóm hỉnh:

- Muốn nạp năng lượng thì lương phải nặng chứ tu thiền đâu có năng lượng!

Đại chúng cười to vì thầy chơi chữ; đợi một tí cho lắng xuống thầy mới bảo:

- Chữ nghĩa là thế, nhưng nhìn quý vị rõ ràng là thoải mái và năng lượng tràn trề sau khóa tu học này.

Đại chúng đồng loạt vỗ tay.

TRẦN

Một Phật tử hỏi thay cho nhiều người:

- Chúng con thường nghe pháp trần, bụi trần… nhưng không hiểu mấy, xin thầy từ bi giảng giải cho.

Thầy cười:

- Ta vốn người tộc Trần, phận tăng nhân chưa từng cởi trần, cả đời phong trần cũng lắm trần ai với bụi trần, giờ biết phân trần thế nào để cho các ngươi hiểu?

Người kia lại thưa:

- Chúng con thật sự cầu hiểu biết chứ không phải hỏi tùy hứng.

Thầy lại cười:

- Tết nhất người ta kéo về cố quận rần rần, nhiều người không đi được thì nhớ quê, hình ảnh quê hiện lên trong tâm trí ấy chính là pháp trần. Thấy người ta đi, mình không đi được, rồi tưởng nhớ, rồi thọ khổ, thậm chí nảy sanh ghen tức… ấy là trần lao.

Người Phật tử hỏi câu ấy, chợt nhiên ngộ gì hổng biết, anh ta cao hứng:

- Đường trần đầy bụi trần và pháp trần thì khắp trong đất trời và nhân gian. Tuy có khổ nhưng cũng có cái tuyệt trần. Niệm Phật, tưởng Phật là nhất trần đời.

SAO LẠI PHÒ ĐẠI HÁN

Có ông tây cà lồ đầu Phật, đã từng nhiều năm sống ở các nước vùng viễn đông. Ý thông thạo tiếng Việt, tiếng Tàu, hiểu biết văn hóa phương đông. Y cũng đã viếng thăm rất nhiều các chùa trong ngoài hải quận. Ngày kia y gặp mỗ và thắc mắc:

- Cớ sao các vị đầu Phật mà lại phò đại Hán?

- Sao ông bảo thế?

- Tôi thấy chùa của các vị dù trong hay ngoài cũng đều chưng sư tử Tàu, con đực chân đạp địa cầu, tượng trưng cho sự thống trị thế giới. Con cái một chân vờn sư tử con, tượng trưng cho nối giòng Hán tộc, lẽ nào các vị không biết cái tư tưởng này? Đã thế còn vô số tượng La Hán Tàu, pháp khí Đài Loan và ngay cả tượng Phật bồ tát cũng phải là tượng Tàu mới chịu.

Nghe thế mỗ bỗng nhiên ú ớ như người trúng gió, chưa biết

trả lời sao thì ông tây lại nói:

- Tôi thấy sư tử ở các trụ đá vua Asoka tượng trưng cho sự dõng mãnh và tinh tấn, sao không chọn chưng để tôn nghiêm chốn chùa chiền?

Mỗ chắp tay xá ông tây cà lồ rồi bỏ chạy.

TẶC

Hôm nọ quốc chủ lên ti vi hô hào:

- Tham nhũng là nội tặc, triều đình kiên quyết chống mà không có vùng cấm!

Quan dân sĩ thứ những tưởng thiệt, mừng hết lớn luôn:

- Phúc đức quá, vận nước ắt lên nhanh.

Thế rồi năm lại năm, nội tặc chẳng những không giảm mà còn tăng quá xá, đụng đâu cũng thấy nhưng khố nổi tổng hết vào lò thì còn ai làm việc. Kẻ sĩ đàng trong, đàng ngoài, đàng giữa, đàng dưới đồng loạt kêu ca:

- Nội tặc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc! Đã thế còn hải tặc, ngoại tặc liếm biển đông, cướp đảo; mà nào chỉ có thế, bao nhiêu thứ tặc khác như: lâm tặc, cẩu tặc, đinh tặc, gian tặc, quan tặc, sanh tặc… thì dân chịu sao nổi?

Hổng biết từ đâu mà trên mạng trôi nổi bài thơ con cóc, làm cho cư dân NET chia sẻ và bình luận sôi nổi:

Nội tặc từ trong phá ruỗng rồi
Ngoại xâm lấn lướt quá nguy thôi
Bao nhiêu thứ tặc gian tà nổi
Thật khổ dân ta với giống nòi.

AI CAO GIÁ HƠN

Y và cô ấy vốn là bạn học từ thuở thiếu thời, lớn lên mỗi người một nghiệp. Y trở thành văn sĩ và cô ta trở thành gái hạng sang chuyên cặp các đại gia. Ngày Tết bạn bè gặp nhau, tâm sự đủ điều, một người bạn nói:

- Thời buổi này anh cặm cụi viết lách, có ai đọc nữa đâu! Viết đã cực mà đem bán còn cực hơn.

Cô bạn nghe thế bèn tỏ vẻ cảm thông, tuy nhiên y không biết cô ta bất chợt thật thà hay là đá xéo:

- Anh bán sách nuôi thân, em bán thân nuôi miệng, xem ra thân em có giá hơn sách anh.

Đám bạn cười ồ lên, cũng có người tỏ ra khó xử vì câu ấy, riêng y thì cười méo xẹo, nhưng phải công nhận cô ta nói đúng, để giải tỏa cảm giác lúng túng này, y đùa:

Đường tôi đi từng bước chắc nhưng khó mà bắt chước
Nghề cô làm việc đầu tiên thì dễ lắm tiền đâu.

HOA DƯƠNG

Thiên hạ ở thế kỷ hai mươi mốt, văn minh cao độ, khoa học kỹ thuật, điện toán… đều vượt bực, những tưởng chuyện xâm lăng lập quốc đã lùi vào dĩ vãng xa xưa, nào ngờ bên tây lại có người còn ngủ mê:

- Ta là Sa Hoàng, đế quốc Nga La Tư phải huy hoàng như xưa, các chư hầu phải nghe lệnh ta! Cấm bọn bay giao du hay kết thân với kẻ lạ.

Đất Hoa Dương rộng mênh mông, người Hoa Dương xinh đẹp và đởm lược có thừa. Quốc chủ khẳng khái:

- Chúng ta là bạn bè láng giềng, muốn chơi với ai là quyền của chúng tôi!

Sa Hoàng đỏ giận quá bèn xua quân sang xâm lăng. Hắn ta ra lệnh bỏ bom, bắn hỏa tiễn không chừa mục tiêu nào. Hoa Dương phút chốc tan tành nhưng tinh thần không nao núng, toàn thể quân và dân quyết sống mái bảo vệ quốc gia. Quốc chủ được lời mời tỵ nạn của cao bồi xứ Cờ Hoa nhưng ông ấy dõng dạc:

- Đây là nơi của tôi, tôi không đi đâu cả!

Thiên hạ khâm phục ông ấy, cả thế gian ủng hộ Hoa Dương. Tuy nhiên đời có kẻ quá lạ lùng, cũng là thân phận nhược tiểu nhưng vì ý thức hệ mà lại ủng hộ cuộc xâm lược này. Người đời cười nhạo:

Ủng hộ xâm lăng rõ quá ngu
Ôm chân tâng bốc cả quân thù
Nữa mai đất lở cơ đồ cháy
Liệu có còn chăng hãy đánh đu!

Steven N
Georgia, 04/22

GẦN PHẬT VÀ XA PHẬT

Ở trong tịnh xá Kỳ Hoàn
Nơi thành Xá Vệ hương ngàn thênh thang
Cỏ cây rực rỡ ánh vàng
Phật ngồi thuyết pháp cho hàng chư Thiên.
Bấy giờ ở nước kế bên
Hai thầy tu nọ lòng riêng ước thầm
Mong sao gặp Phật một lần,
Rủ nhau đi, chẳng ngại ngần đường xa.
Vượt vùng đồng đất bao la
Giữa nơi biên giới không nhà dân gian,
Nơi đây hạn hán quanh năm
Xác xơ đồng ruộng, khô cằn hồ ao
Hai người vất vả biết bao
Khát khô cả cổ. Nước nào tìm ra!
Đi hồi lâu thấy xa xa
Vũng lầy có nước. Nhưng mà khổ thay
Đầy trùng lúc nhúc trong đây
Uống vào uống cả trùng này mất thôi
Thế là phạm giới luật rồi,
Một người vội vã thốt lời can ngăn:
"Hãy theo lời Phật khuyên răn
Nhân từ làm gốc, giữ tâm trong lành
Nếu ta giết hại chúng sanh
Để mình tranh sống, cũng thành uổng đi
Dù sau thấy Phật ích gì
Hãy nên giữ giới. Sá chi thân mình!"
Người kia suy nghĩ, làm thinh
Rồi lên tiếng nói: "Khát đành chết sao?
Tạm thời hãy uống nước vào
Sống mà gặp Phật! Còn bao dặm đường!
Quanh đây vắng khách thập phương
Nào ai thấy được mà vương bận lòng!".

*

Hai người, hai ý bất đồng;
Người không giữ giới uống xong đi liền
Riêng mình mạng sống tạm yên
Lên đường tìm Phật nơi miền xa xôi.
Người kia Phật dạy, nhớ lời
Quanh năm giữ giới, suốt đời tu tâm
Giờ tuy chết khát chẳng cần,
Trên đường tìm Phật tiến gần biết bao
Cõi trời Đao Lợi sanh vào
Vội tìm lễ Phật. Đứng hầu một bên.
Còn người phá giới bình yên
Tới thành Xá Vệ, quỳ bên Phật đài
Sụt sùi giọt ngắn giọt dài
Cúi đầu bạch Phật: "Lúc ngoài đồng hoang
Con còn người bạn chung đường
Thiết tha tìm Phật tâm thường hằng mong
Chẳng may khát nước mệnh chung
Tiếc rằng không được đến cùng Thế Tôn!"
Phật bèn dạy, giọng ôn tồn:
"Ta hay biết chuyện mà con nói rồi!"
Chỉ người đứng cạnh bên ngài
Phật thêm: "Đây chính là người bạn con
Một lòng giữ giới cho tròn
Sau khi mãn kiếp lên luôn cõi Trời
Đủ duyên đến với ta thôi;
Còn con tuy đã tới nơi chốn này
Cũng là uổng phí công thay
Vì con phạm giới vừa đây trên đường!
Vẫn là xa cách ngàn trùng
Gặp ta thật đấy mà dường như không
Giới điều còn, Phật pháp còn
Giữ nghiêm giới luật: ghi lòng khắc tâm!"
Thầy tu phạm giới thẹn thầm
Cúi đầu nghĩ lại lỗi lầm vừa qua
Trong lòng sám hối thiết tha:
"Muốn gần Đức Phật, chớ xa giới điều!"

(Thi hóa Truyện Cổ Phật Giáo)

thơ TÂM MINH — NGÔ TẰNG GIAO

TRỞ VỀ MỤC LỤC

ƯU ĐÀM NGÁT HƯƠNG

Thanh Nguyễn

Người ta bảo hoa ưu đàm ba ngàn năm nở một lần, mỗi khi hoa nở là có thánh nhân ra đời. Phật sử kể rằng, khi bà Ma Gia phu nhơn hạ sanh thái tử ở vườn Lumbini, hương ưu đàm bay khắp bốn phương. Đức Phật thị hiện ở đời ngũ trược ác thế để đem giáo pháp giải thoát đến cho loài người. Ngài thị hiện như một con người bình thường, cũng có cha mẹ gia đình, cũng sanh, già, bệnh, chết như tất cả mọi người, nhưng ngay trong ngày thị hiện đản sanh ngài đã tuyên bố: "...Vô lượng sanh tử, ư kim tận hỷ" và khi ngài đắc tam minh lục thông dưới cội bồ đề, ngài đã bảo: "Này kẻ làm nhà kia, ta đã biết ngươi, từ đây rui mè cột kèo đều gãy tan hết..." Điều này cho thấy ngài cũng sanh lão bệnh tử như chúng ta nhưng thật thì chẳng phải vậy! Ngài đã vượt qua thánh nhân, thánh nhân cũng còn sanh tử luân hồi, ngay đến đại phạm thiên vương thọ tám vạn đại kiếp nhưng khi hết phước cũng đọa như thường. Duy chỉ có ngài là không còn sanh tử luân hồi nữa.

Ngày đức Phật thị hiện ra đời là một sự kiện có một không hai của nhân loại. Ngài đến thế gian này để vạch ra một con đường sáng. Một con đường đi đến bớt khổ, giảm khổ và hết khổ, con đường đi đến giải thoát! Một con đường mà loài người mày mò tìm kiếm suốt từ thuở mông muội hồng hoang. Thế gian này có rất nhiều tôn giáo, nhiều giáo phái, phương pháp tu hành nhưng đều chẳng thể giúp người giải thoát. Một số trong các tôn giáo ấy chỉ có thể giúp người sanh thiên hoặc tái sanh lại làm người chứ chưa thể giải thoát hoặc liễu sanh thoát tử.

May mắn thay, hạnh phúc thay! Đức bổn sư Thích Ca Mâu Ni đã đến và chỉ dạy giáo pháp giúp người liễu sanh thoát tử. Giáo pháp của ngài giúp người có thể giác ngộ và giải thoát hoàn toàn. Con đường trung đạo do ngài vạch ra, trong kinh Chuyển Pháp Luân đức Phật đã dạy: "Có hai cực đoan mà bậc xuất gia phải tránh: một là lợi dưỡng vốn hạ liệt, tục lụy, phàm phu, không thánh thiện, không lợi lạc; hai là khổ hạnh cũng không thánh thiện, không lợi lạc lại khổ đau. Từ bỏ hai cực đoan này Như Lai thực hành trung đạo chứng đạt pháp nhãn, tuệ giác, tịnh trí, thắng trí, giác ngộ, niết bàn". Trung đạo ấy chính là: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định".

Lần đầu thuyết pháp ở vườn Nai, ngài nói với năm anh em ông Kiều Trần Như: "Đây là khổ tính bức bách, đây là tập tính chiêu cảm, đây là diệt tính có thể chứng, đây là đạo tính có thể tu. Đây là khổ ta đã biết, đây là tập ta đã đoạn, đây là diệt ta đã chứng, đây là đạo ta đã tu. Đây là khổ các ông nên biết, đây là tập các ông nên đoạn, đây là diệt các ông nên chứng, đây là đạo các ông nên tu... " Đạo ở đây chính là trung đạo, là con đường đưa đến tịnh lạc, thù thắng, giác ngộ, niết bàn!

Tại sao đức Phật thị hiện ở nhân gian mà không thị hiện ở cõi khác? Đơn giản là cõi người ở giữa mức độ có phước và có tội, con người có thể nghe pháp và tu hành. Cõi trời thì hoàn toàn hưởng phước báo nên không có tâm tu hành. Các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì hoàn toàn thọ tội, hoàn toàn vô minh nên cũng không thể tu. Trong kinh đức Phật còn nói rõ hơn nữa, Sa Bà cũng chỉ có tam châu cảm ứng mà thôi. Bắc Cu Lô Châu phước báo lớn, ăn mặc tự nhiên nên Phật pháp cũng không làm sao có thể thuyết được.

Đức Phật thị hiện đản sanh, loài người và chư thiên hoan hỷ vô cùng, ngài đã đem trí huệ đến để độ chúng sanh, thức tỉnh người mê, đem từ bi ban rải khắp muôn loài. Ngài đã làm một cuộc cách mạng dân chủ và bình đẳng một cách tuyệt vời khi ngài tuyên bố:

"Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn"

"Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, có đức tướng Như Lai"

"Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành."

Có lẽ đây là những lời tuyên bố dân chủ, bình đẳng đầu tiên của loài người! Trong các tôn giáo của loài người thì giáo chủ là bậc quyền năng tối cao, tín đồ là kẻ phải phục tùng tuyệt đối và vĩnh viễn. Ấy thế mà đức Phật lại bảo mọi người cũng có Phật tánh và ai cũng có thể thành Phật như ngài. Loài người từ sơ khai đến giờ chưa có tôn giáo nào, chưa có vị giáo chủ nào nói và làm như thế cả! Duy chỉ có mỗi đức bổn sư của chúng ta mà thôi!

Xét khía cạnh thế tục, ngài là một nhà cách mạng triệt để nhất. Xã hội loài người từ xưa đến giờ với nhiều hình thái nhà nước cũng như nhiều thể chế chính trị khác nhau nhưng đều chung ở điểm: kẻ thống trị và người bị trị. Xã hội Ấn Độ có lẽ tiêu biểu nhất, chế độ đẳng cấp ở Ấn Độ vô cùng khắc nghiệt và tàn bạo. Những tầng lớp dưới đời đời nô lệ và phục vụ cho tầng lớp trên, thậm

chí họ có thể bị giết nếu lỡ vô tình để cái bóng của họ chạm phải cái bóng của người ở tầng lớp trên. Thế mà đức Phật lại tuyên bố: "Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn". Ngài đã ban rải tình thương, thâu nhận và hóa độ cho bao nhiêu người thuộc lớp đáy của xã hội. Ngài bảo, "tất cả đều có thể giác ngộ và giải thoát như nhau." Điều này làm cho tầng lớp Bà La Môn và Sát Đế Lợi rất tức giận và ngài đã dùng trí huệ, từ bi để hóa độ vô phân biệt, bình đẳng độ cho tất cả!

Xã hội chúng ta hiện đang ở thế kỷ hai mươi mốt, có thể nói là thời đại phát triển rực rỡ cao độ về mọi mặt nhưng sự phân chia tầng lớp thống trị và bị trị vẫn không thể xóa bỏ, những giáo chủ các tôn giáo vẫn đầy uy quyền tuyệt đối và những tín đồ vẫn ngoan ngoãn phục tùng vô điều kiện. Thế mới biết đức Phật vĩ đại như thế nào, thế mới thấy giáo pháp đầy trí tuệ, từ bi của ngài giúp bình đẳng giải thoát quý giá biết là bao!

Tháng Tư trăng tròn, những người con Phật khắp thế gian lại hân hoan tổ chức kỷ niệm ngày đản sanh của đức Phật, một vị cha lành của ba cõi bốn loài. Ngài đến thế gian này chỉ vì mỗi cái mục đích là: "Khai ngộ chúng sanh, ngộ nhập Phật tri kiến;" ngoài ra ngài chẳng mong cầu bất cứ điều gì ở chúng ta. Kỷ niệm ngày Phật đản sanh thì hãy nhớ lời dạy của Phật, nhớ giới luật mà Phật chế ra. Tháng Tư trăng tròn, giờ đây chúng ta kỷ niệm và tưởng niệm ngày đản sanh của đức từ phụ, đồng thời cũng ghi nhớ sự kiện đức Phật giác ngộ thành đạo dưới cội bồ đề và sự kiện nhập niết bàn, đó là lý do mà những năm sau này chúng ta gọi là lễ tam hợp trong tháng Tư trăng tròn.

Mùa Phật đản năm nay lại về, chúng ta những người con Phật lại chứng kiến một cuộc xâm lăng tàn bạo dã man do Putin khởi xướng. Y đã ra lệnh tấn công phá hủy và san bằng nhiều thành phố, thị trấn, làng mạc ở Ukraine, tàn sát hàng chục ngàn người dân, hàng triệu người phải di tản… Thế giới vẫn bất an, đích thực như nhà lửa mà đức Phật đã nói. Thế gian này quả thật rất vô thường, nay chiến tranh mai thiên tai, nay bên đông mai lại bên tây. Những người con Phật rất đau lòng khi nhìn thấy cảnh tượng điêu tàn tang thương trên đất nước Ukraine, điều này nhắc nhở chúng ta nhớ lấy lời Phật, cố gắng thực hành lời Phật.

Mùa lễ Phật đản lại về, chúng ta thấy quý giá biết bao nhiêu giáo pháp trí tuệ, từ bi, bình đẳng của đức bổn sư.

Thanh Nguyễn
Ất Lăng thành, 04/22

TRỰC CHỈ CHÂN TÂM

Khi Tâm ta lặng yên quan sát,
Không khởi Tâm phán đoán nghĩ suy.
Giữ Tâm tĩnh lặng vô vi,
Chân Tâm hiển lộ diệu kỳ Tánh Không.

Tánh Không luôn rỗng rang thanh tịnh,
Không mảy may vướng chút bụi trần.
Tánh Không vô thủy vô chung,
Không sanh, không diệt bao trùm mọi nơi.

Mắt nhìn thấy muôn điều trần thế,
Tai thoáng nghe bao chuyện thị phi.
CHÂN TÂM chẳng động tĩnh gì,
Tuy rằng biết rõ sân si việc đời.

CHÂN TÂM định nghĩa là chi?
Đó là TÁNH BIẾT muôn loài chúng sanh,
Sáu Căn tiếp xúc Sáu Trần
Không chút vọng niệm phàm tâm chen vào...

CHÂN TÂM thì vô hình vô tướng,
Là Phật Tâm, Tánh Biết, Chân Như.
Chân Tâm bất diệt bất sanh,
Thường hằng sáng suốt...
Trong TÂM mọi người.

CHÂN TÂM luôn an yên, tĩnh lặng,
Như mặt hồ phẳng lặng gương soi.
Mây bay giăng mắc bầu trời,
Mây in đáy nước, cá bơi trong hồ.

Giữ Tâm ta luôn trong Chánh Định,
Tuệ phát sanh, Phật Tánh hiện tiền.
Trực chỉ nhìn thẳng Chân Tâm,
Không cho vọng tưởng quẩn quanh xen vào.

Ai cũng có Chân Tâm/Phật Tánh,
Nhưng có điều chưa nhận ra thôi.
Chân Tâm có sẵn mỗi người,
Thấy, Nghe, Hay, Biết rạng ngời Phật Tâm

Nhận Cái Biết chỉ là Sơ Ngộ,
Kiến Tánh rồi sống với Phật Tâm
Phật Tánh không tướng không hình,
Chân Không Diệu Hữu Tâm mình chiếu soi...

Thơ HOÀNG THỤC UYÊN
Arizona

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TRANG NGHIÊM LỄ TANG HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỖNG TUYÊN

Tin ảnh của ***Võ Văn Tường***

Chiều ngày 10 tháng 4 năm 2022, tại nhà tang lễ thành phố Fremont, tiểu bang California, Hoa Kỳ, chư Tôn Đức Tăng, Ni Cộng đồng Phật giáo Bắc California cùng Môn đồ pháp quyến cố Hòa thượng đã trang nghiêm tổ chức ngày thứ ba Lễ Tang Hòa thượng Thích Đỗng Tuyên viên tịch vào ngày 20 tháng 3 năm 2022.

Quang lâm Chứng minh buổi lễ Truy Niệm có: Trưởng lão Hòa thượng Thích Thắng Hoan, Trưởng lão Hòa thượng Thích Tịnh Từ, Trưởng lão Hòa thượng Thích Phước Thuận, Trưởng lão Hòa thượng Thích Tịnh Diệu, Trưởng lão Hòa thượng Thích Đạo Quang, Hòa thượng Thích Tín Nghĩa, Hòa thượng Thích Minh Đạt, Hòa thượng Thích Bổn Đạt, Hòa thượng Thích Minh Mẫn, Hòa thượng Thích Thông Hải, Hòa thượng Thích Chơn Lễ, Hòa thượng Thích Minh Dung, Hòa thượng Thích Thông Đạt, Hòa thượng Thích Đồng Trí, Hòa thượng Thích Nhật Huệ, Hòa thượng Thích Từ Lực, Hòa thượng Thích Tuệ Uy; Ni trưởng Thích Nữ Nguyên Thanh, Ni trưởng Thích Nữ Giới Châu, Sư bà Thích Nữ Đồng Kính; cùng chư Tôn Đức Tăng, Ni, Phật tử, Cơ quan Truyền thông… đến từ nhiều tiểu bang của Hoa Kỳ, Canada, Việt Nam và các quốc gia khác.

Chương trình Lễ Truy Niệm vào lúc 13g30 ngày 10 tháng 4 năm 2022.

Sau lễ Truy Niệm, vào lúc 15g ngày 10 tháng 4 năm 2022 là Lễ Phát Hành – cung thỉnh Kim Quan đến nơi Trà Tỳ.

Đến 17g ngày 10 tháng 4 năm 2022, lễ thỉnh Giác Linh về an vị tại Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm, thành phố Hayward.

Lúc 10g ngày 12 tháng 4 năm 2022, lễ thỉnh Xá Lợi về an vị tại Chùa Đại Bảo Trang Nghiêm, thành phố Hayward.

Nam mô Từ Lâm Tế Chánh Tông tứ thập nhị thế, Chúc Thánh Pháp Phái đệ cửu đại, Mỹ quốc khai sơn Đại Bảo Trang Nghiêm Tự trụ trì, húy thượng Thị hạ Đạt, tự Hạnh Hưng, hiệu Đỗng Tuyên Đại Lão Hòa Thượng tân viên tịch.

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TRỞ VỀ MỤC LỤC

TRỞ VỀ MỤC LỤC

Mừng trăng tròn tháng Tư

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Tin hoàng hậu Ma Gia đã hạ sanh con trai ở vườn Lâm Tỳ Ni bay về thành Ca Tỳ La Vệ làm cho cả hoàng tộc hớn hở vui mừng. Dân chúng trong thành cũng vui như thể đó là người của nhà mình. Những đám đông đổ ra đường nhảy múa reo hò; những nhóm người tụ tập ở các đền thờ để tạ ơn thần Brahma. Một đám rước tiểu vương Nikhil Vijaya Bagel đi vào thành, quan quân xa hoa rực rỡ, xiêm y lộng lẫy lụa là, ngọc ngà trang sức, những chiếc vòng tay vàng, vòng mũi, vòng eo lấp lánh. Ngay cả con voi cũng phủ mảnh thảm Ba Tư và đeo những chiếc anh lạc vàng. Tiếng hát véo von của những ca nữ, tiếng kèn rộn ràng, tiếng trống tưng tưng rộn rã những con đường trong thành. Tiếng la hét dẹp đường của quân lính lẫn tiếng roi da vụt vun vút. Bà Madhavi Tayade kéo thằng Suraj Sarvade ngồi thụp sát đất, nép mình vào góc tường nhô ra trên con đường. Giọng bà sợ sệt lo âu căn vặn thằng Suraj Sarvade:

- Con phải tránh xa những người thuộc đẳng cấp Bà La Môn và Sát Đế Lợi, đừng để cái bóng của con ngả lên bóng của họ, kẻo không bọn họ sẽ giết con đấy!

Thằng bé ngoan ngoãn, tỏ vẻ sợ nhưng thắc mắc:

- Tại sao họ giết ta chỉ vì cái bóng của ta chồng phải bóng của họ?

- Vì bọn họ là hàng Bà La Môn và Sát Đế Lợi, còn chúng ta là Chiên Đà La. Bọn họ sanh ra từ miệng thần Brahma và chúng ta thì sanh ra từ bàn chân.

- Tại sao họ sanh ra từ miệng mà chúng ta sanh ra từ bàn chân?

- Đó là số phận.

- Ai đã định số phận cho bọn họ và cho chúng ta?

- Thần Brahma.

- Tại sao thần Brahma cho họ số phận giàu sang quyền quý còn chúng ta thì hèn kém thế này?

Bà Madhavi Tayade lúng túng không biết làm sao trả lời. Thằng bé có cả ngàn lẻ một câu hỏi tại sao, còn sự hiểu biết của bà thì có chừng ấy thôi. Bà không biết nói thế nào nữa nên bảo:

- Mẹ không biết, việc này đã có từ xa xưa rồi. Bọn họ vĩnh viễn cao quý và chúng ta mãi mãi là nô lệ thấp hèn. Bọn người ấy có thể đánh đập hoặc giết chết người của hàng Thủ Đà La, Chiên Đà La mà không phải bị tội. Chúng ta thậm chí còn không được đến gần đền thờ thần Brahma của bọn họ, chúng ta muốn lễ thần thì chỉ được đến đền thờ dành riêng cho hạng Thủ Đà La thôi! Bọn họ khinh miệt và coi chúng ta như những con chuột của đường phố.

Thằng Suraj Sarvade đã mười lăm tuổi, da đen kịt, ăn mặc rách rưới tồi tàn, dơ dáy và hôi hám; mặc dù vậy, đôi mắt nó long lanh và đen láy, toát ra nét thông minh lanh lợi. Hai mẹ con nó sống lây lất nhờ sự bố thí của người qua đường, cả hai lê la nơi đầu đường xó chợ, quanh năm đói khát, chẳng mấy khi được no bụng. Thằng Suraj Sarvade đã nhiều lần tự so sánh bản thân với những con bò lang thang trên đường, nó thấy những con bò còn được no đủ, được an toàn, không một ai dám đụng đến. Trong khi nó, mẹ nó, những người cùng giai cấp thì đói khát và có thể bị giết chết, xem ra mạng người không bằng mạng con bò.

Thằng Suraj Sarvade nhìn đám rước tiểu vương Nikhil Vijaya Bagel đi qua, thấy mọi người vui vẻ nên muốn gia nhập nhưng nó không dám bước ra. Nó nhớ lời mẹ và cũng đã từng thấy những người Ba La Môn đánh đập dã man người Chiên Đà La rồi. Nó ao ước có một tấm áo đẹp như những người trong đoàn rước, chân nó ngứa ngáy muốn nhảy nhót hát những bài dân ca mà nó thuộc lòng. Nó dằn lòng ngồi yên, nó thừa biết hễ đến gần đám rước ấy thì những chiếc roi da kia sẽ vụt lên mình nó, thậm chí những mũi giáo nhọn kia sẽ đâm thủng nó.

Dưới cái nắng như nung, bàn chân Suraj Sarvade chai sạn xù xì. Đời nó còn đen hơn cả làn da của nó. Nó thầm trách thần Brahma sao nỡ tàn nhẫn với mẹ con nó, với những người Thủ Đà La, những thằng bạn đường phố của nó như thằng Rajendra Kake, thằng Mohanlal Agrawal, thằng Bajrang Agrawal… số phận cũng không khác gì nó! Nó thố lộ với bà Madhavi Tayade:

- Thần Brahma quá nhẫn tâm với mẹ, con và những người Thủ Đà La, chiên Đà La. Tại sao chúng ta còn phải thờ phụng?

Bà mẹ hoảng hốt vội bịt miệng nó:

- Con không được nói lời bất kính như thế, thần nổi giận sẽ giáng họa, người Ba La Môn hay sát Đế Lợi nghe được họ sẽ giết con!

Thằng bé vùng vẫy ra khỏi bàn tay khô đét ốm yếu của bà Madha Tayade, nó bất bình:

- Chúng ta như những con chuột của đường phố, đói khổ và bất hạnh hơn cả những con bò, vậy thì còn có tai họa nào khổ hơn nữa mà sợ?

Bà mẹ ôm lấy nó, rền rĩ năn nỉ:

- Dù có đói khát khổ sở nhưng chúng ta vẫn muốn sống, chúng ta không muốn chết, chẳng có ai muốn chết cả!

Đám rước qua đi để lại bao nhiêu rác rến. Thằng Suraj Sarvade và mẹ nó bước ra vùng sáng. Bấy giờ không biết từ những ngóc ngách nào mà rất nhiều người Thủ Đà La, Chiên Đà La cùng xuất hiện như mẹ con nó. Đám rước đã để lại rất nhiều bánh trái bên vệ đường, có lẽ vị tiểu vương muốn bố thí thức ăn cho bọn người hạ tiện nhân ngày vui thái tử hạ sanh. Mọi người ùa ra tranh nhau lấy thức ăn. Thằng Sarvade ăn ngấu nghiến những cái bánh curd chutney quệt sabzi, chưa bao giờ nó được ăn no nê như hôm nay, cả bà Madhavi Tayade cũng thế, những thằng Pradymna Kumar, Shahab Uddin… cũng vui quá vì được ăn thỏa thích. Thằng Sarvade còn nhặt được mấy đồng Rupi lẫn lộn trong cái giỏ bánh curd chutneys, lại còn có cả món dal, khichidi, sabzi. Chưa bao giờ thành Ca Tỳ La Vệ vui như hôm nay, có lẽ vì thế mà bọn Thủ Đà La, Chiên Đà La trong thành cũng được vui theo và còn được ăn no. Cuộc đời của bọn Thủ Đà La, Chiên Đà La toàn tủi nhục, đói khát, bất công, họ sanh ra với nhân dáng con người nhưng không được xem bằng con người, vì cái định kiến bọn họ sanh được sanh từ bàn chân thần Brahma, đã bao nhiêu đời rồi và sẽ vĩnh viễn như thế!

Thời gian thấm thoát qua mau, thằng Suraj Sarvade giờ đã là người đàn ông trung niên với năm đứa con. Bà Madhavi Tayade đã chết từ lâu. Ngày bà chết, Sarvade vừa có đứa con đầu lòng. Cuộc sống của ông cũng nghèo khổ như bà Tayade, thậm chí còn khốn khó vì những đứa con nheo nhóc. Xác bà Tayade chỉ được đốt sơ sài qua loa rồi người ta ném xuống dòng sông, cái xác phập phều lẫn lộn với xác sình trương của những con bò, dòng nước đầy rác rến nên uể oải chảy như không muốn trôi. Sarvade đứng nhìn mãi cho đến khi không còn nhìn thấy xác bà Tayade nữa mới chịu quay về. Cả nhà ông Sarvade sống trong một cái hang ở ngoài thành, ngày ngày kéo đi ăn xin, hoặc ai có kêu làm gì thì làm, tiền công cũng tùy lòng thương hại của họ, ông không dám hỏi bao giờ.

Một buổi sáng ngày trăng tròn tháng tư, thành Ca Tỳ La Vệ lại rần rật vì cái tin sa môn Cù Đàm sẽ vào thành khất thực. Bọn người thuộc hàng Bà La Môn, Sát Đế Lợi và cả triều thần ra ngoài nghinh đón để cúng dường sa môn Cù Đàm và tăng đoàn. Ông Suraj Sarvade nhớ lại ngày này ba mươi lăm năm trước, khi ấy cả thành rộn rã hoan ca vì thái tử ra đời, hôm nay thái tử đã là sa môn. Sa môn Cù Đàm cũng là hàng Ba La môn sao lại đi khất thực như một người Thủ Đà La? Ông Sarvade đã nghe nhiều điều về sa môn Cù Đàm, lòng ông rất hoan hỷ và ao ước được gặp sa môn Cù Đàm. Sáng hôm ngày trăng tròn, ông Sarvade và cả vợ con vào thành rất sớm, tìm một chỗ ẩn an toàn để ngắm nhìn sa môn Cù Đàm.

Sa môn Cù Đàm đầu trần chân đất, mặc y phấn tảo, tay ôm bình bát, khoan thai từng bước chân, ánh mắt nhìn xuống và hướng về phía trước cỡ tầm vài bước chân. Sa môn Cù Đàm đi trong sự lặng yên tịch tĩnh, những đệ tử đi phía sau cũng giống y hệt. Dân trong thành cứ ngỡ như từ một sa môn Cù Đàm mà hóa ra bao nhiêu người như thế. Nhiều người cung kính đặt thức ăn vào bình bát của sa môn Cù Đàm và những đệ tử phía sau của ông ấy. Ông Sarvade thấy có cả những người Thủ Đà La và Chiên Đà La cũng dám đến gần và đặt thức ăn vào bình bát. Ông còn đang ngạc nhiên thì nghe có nhiều tiếng nói giận dữ từ những người Bà La Môn và Sát Đế Lợi:

"Sao sa môn Cù Đàm cao quý lại nhận đồ ăn từ bọn thấp kém kia?"

Thậm chí có tiếng quát:

"Tên Chiên Đà La kia dám để cái bóng ô uế của nó ngã lên bóng của sa môn Cù Đàm, hãy giết nó đi!"

Lại có người Sát Đế Lợi hét:

"Tên nô lệ xấu xa dám lại gần bậc tôn quý, giết chết con chuột thối tha kia!"

Những người Thủ Đà La dâng thức ăn sợ sệt lui ra. Sa môn Cù Đàm giơ tay an ủi và đọc kinh chúc phúc cho những người khốn khổ ấy. Đoạn quay sang bảo những người Bà La Môn:

- Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như nhau, không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn.

Bọn bà La Môn ấy có kẻ thốt lên:

- Sa môn Cù Đàm, nhưng bọn nô lệ thấp kém sanh ra từ bàn chân của Brahma, làm sao có thể bằng người tôn quý được?

- Thân thể người của Bà La Môn, Sát Đế Lợi hay Thủ Đà La cũng đều từ bốn đại, hoàn toàn không có gì khác nhau, tất cả chỉ là những cái duyên hợp lại mà sanh ra, mai kết hết duyên thì trở lại với đất nước gió lửa. Liệu các ông có phân biệt được đâu là tro cao quý hay tro thấp hèn?

Bọn chúng vẫn ngoan cố:

- Nhưng sa môn Cù Đàm là người cao quý, chúng tôi dư sức cúng dường, người không cần phải nhận thức ăn của bọn họ.

- Lành thay, lành thay, nhưng phước đức ban rải cho mọi người, ta không có lòng thiên vị! Một bữa ăn đối với các ông rất là nhỏ nhưng với người Thủ Đa La là cả chuyện sống còn. Bọn họ vẫn sẵn sàng cúng dường thì mới biết tâm thành của họ lớn biết dường nào và cái phước báo của họ cũng sẽ rất lớn.

Những người Bà La môn và Sát Đế Lợi nghe thế thì cũng không còn cản trở những người Thủ Đà La cúng dường nữa, tuy nhiên trong lòng vẫn ngấm ngầm không chấp nhận bọn nô lệ lại được sa môn Cù Đàm đối xử bình đẳng với bọn họ.

Ông Sarvade ban đầu sợ lắm, nét mặt lo lắng nhưng khi nghe và thấy như thế thì ông ta bớt sợ và càng thêm kính ngưỡng nên nhìn sa môn Cù Đàm đăm đăm. Sa môn Cù Đàm trông thấy ông, ngài bước lại gần hơn nữa thương xót vỗ về ông Sarvade.

- Đừng sợ, đừng sợ! Sẽ không có chuyện gì xảy ra với ông đâu.

Ngài đọc kinh và chúc phúc cho ông như đã làm với những người Thủ Đa La kia, đoạn sa môn Cù Đàm bảo với những người Ba La Môn:

- Các ngươi hãy mở lòng tư bi đối đãi với người anh em, tất cả

chúng ta đều như nhau. Cái làm cho chúng ta khác biệt chính là cái nghiệp của chúng ta. Chúng ta là những kẻ thừa tự nghiệp, chính cái nghiệp đã phân chia ra sự dị biệt cao thấp trong đời, chính cái nghiệp đã làm cho ta thanh tịnh hay uế trược, không có ai có thể làm cho ta thanh tịnh hay uế trược!

Một người Sát Đế Lợi nói:

- Sa môn Cù Đàm, ngài cũng là một người thuộc hàng sát Đế Lợi, sao lại hạ mình xuống thấp như vậy? Tôi nghe ngài đã giác ngộ, cớ sao làm cái việc ngộ như thế?

- Chính cái ý nghĩ và lời nói của ông mới ngộ, tất cả chúng sanh đều tham sống sợ chết, tất cả đều biết cảm thọ đau đớn như nhau, cớ sao lại phân biệt đối xử nhẫn tâm với đồng loại? Nước mắt chúng sanh từ vô thủy đến giờ còn nhiều hơn bốn biển, lẽ nào chưa đủ đau khổ hay sao còn cố gây thêm khổ đau?

- Sa môn Cù Đàm, nếu đối xử bình đẳng với bọn Thủ Đà La thì e thần Brahma nổi giận giáng tai họa!

Sa môn Cù Đàm điềm nhiên từ tốn bảo y:

- Ta là người đã giác ngộ, các ông cũng có thể giác ngộ, người Thủ Đà La cũng thế! Ai ai cũng có sẵn tánh giác, chỉ vì vọng tưởng vô minh che lấp nên tánh giác không sáng được. Các ông bị thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và bao nhiêu cái định kiến trói buộc nên mới mê muội như thế! Thần Brahma hay Phạm thiên thọ đến tám vạn đại kiếp nhưng khi hết phước vẫn đọa như thường.

Vị tư tế Tharindu Nandara ở đền thờ Namchi bước ra hỏi:

- Này ông Cù Đàm, ông nói sao? Bọn Thủ Đà La và Chiên Đà La cũng có thể thành Phật được ư? Làm sao ta có thể tin được!

- Đúng như thế! Như Lai nói lời thật, đã vô số kiếp Như Lai chưa từng vọng ngữ nên lưỡi Như Lai có thể che phủ cả tam thiên đại thiên này! Như Lai là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành, không cứ là Bà La Môn, Sát Đế Lợi hay Thủ Đà La. Chỉ cần các ông y theo chánh pháp mà thực hành!

- Chánh pháp của ông có những gì mà khiến người ta thành Phật? Chánh pháp của ông có bằng kinh Vệ Đà chăng? Có phải do Phạm Thiên ban chăng?

- Chánh pháp chẳng phải của riêng ta, chẳng phải do Phạm Thiên, chánh pháp của cả ba đời mười phương chư Phật, ba đời mười phương chư Phật nhờ chánh pháp mà thành chánh đẳng chánh giác. Khi Như Lai chuyển pháp luân ở vườn Nai, Như Lai đã nói bốn đế cho năm anh em Kiều Trần Như, trong ấy có đạo đế, đạo đế chính là trung đạo! Nếu y cứ vào trung đạo mà tu hành thì ai cũng có thể giác ngộ thành đẳng chánh giác!

- Sa môn Cù Đàm, ông đã là Phật, vậy quyền năng của ông có hơn thần Brahma chăng?

- Ta không phải thượng đế hay thánh thần, ta là người đã giác ngộ, là người chỉ đường. Việc cần làm ta đã làm, việc cần nói ta đã nói. Khi sao mai mọc trên bầu trời, ta đã giác ngộ dưới cội bồ đề và đã tuyên bố: "Này kẻ làm nhà kia, ta đã nhận biết ngươi, từ đây rui mè cột kèo đã gãy tan..." Ta đã không còn sanh tử luân hồi nữa. Ngày hôm nay và mãi mãi mai sau, nếu các ông nương theo chánh pháp mà tu hành thì cũng sẽ chứng đắc và giác ngộ như ta!

Bấy giờ toàn bộ các người Bà La môn, sát Đế Lợi đều im lặng. Ông Suraj Sarvade vẫn quỳ mọp ở đấy hai bàn tay ôm lấy chân sa môn Cù Đàm, giây lát sau thì ông ngẩng lên đảnh lễ rồi từ từ lui đi. Bấy giờ sa môn Cù Đàm nói:

- Khi các ông giết chết một người tức là giết mất một cơ hội giác ngộ của một chúng sanh, vì thế các ông không được giết, không bảo người khác giết, không vui với việc giết! Phật tánh ẩn tàng trong xác thân tứ đại, Phật tánh không can hệ gì đến chủng tộc, màu da, giới tính, địa vị... các ông có biết ông Ưu Ba Ly chăng? Một người mê muội u tối, là thợ hớt tóc, bị khinh miệt nhưng khi hốt nhiên chứng đắc nhập vào hàng thánh. Các ông có biết nàng Ma Đăng Già chăng? Dù là nữ giới xuất thân hạ tiện nhưng đã chứng đắc nhập vào Dự Lưu. Các ông vì cái định kiến đẳng cấp sai xử đã lâu nên mới hành động mù quáng như thế! Ta nói cho các ông biết, không có giai cấp khi mà dòng máu cùng đỏ nước mắt cùng mặn.

Một số người trong bọn người Bà La Môn, sát Đế Lợi quỳ xuống đảnh lễ Thế Tôn, nhiều kẻ không dám ngước nhìn lên. Sa môn Cù Đàm khoan thai bước đi, những kẻ còn lại dạt ra hai bên cung kính chắp tay bái vọng theo.

Đêm ấy trăng tròn vành vạnh, ánh sáng bàng bạc khắp sơn hà. Thành Ca Tỳ La Vệ rực rỡ trong muôn vạn ánh đèn, cờ mắc hoa giăng, hương khói thơm xông ngào ngạt, hương bột tung khắp nơi, hương xoa, hương gỗ... và những nhúm hoa vạn thọ xé tơi ra để khắp các đền đài thờ tự, những tràng hoa Champa treo trên tháp và được người mang trên cổ... Trên không Càn Thát bà tấu nhạc cúng dường, chư thiên hoa hỷ tung hoa mạn đà la, mạn thù sa cung kính cúng dường. Ánh sáng vi diệu từ Phạm Thiên giới, ma vương giới, vô sắc giới... chiếu soi tịnh xá Hỷ Hoàn. Chư thiên và người Ca Tỳ La Vệ mừng trăng tròn tháng Tư, mừng ngày đức từ phụ hạ sanh ở cõi trần.

Tiểu Lục Thần Phong
Ấn Lăng thành, 04/22

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của VĨNH HẢO

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG MƯỜI BA

Dù rằng tôi không nói gì với ông Trọng về chuyện tình cảm, tôi cũng không thể tự dối lòng rằng tôi chưa bị giao động, hoặc chưa biết yêu đương.

Tu sĩ là những con người có thân xác và cảm tính đôi khi không vượt thoát ra ngoài những nguyên lý và hệ quả tất nhiên tác động từ sinh và tâm lý. Khác chăng, họ là kẻ tự nguyện kềm chế và lèo lái toàn bộ sức sống của mình đi theo một khuynh hướng, nhắm về một mục tiêu thoát tục vạch sẵn. Cuộc đời tu sĩ không bình lặng, êm ả như người ta lầm tưởng. Họ phấn đấu không ngừng trong từng phút giây, và cả cuộc đời, để loại bỏ tình cảm hạn hẹp của mình. Họ được giáo dục rằng ái dục dẫn đến đau khổ và sẽ đày ải họ giạt trôi bất tận trong dòng sinh diệt mông muội của kiếp luân hồi. Ái dục là kẻ thù nguy hiểm nhất án ngữ sự vươn mình của tu sĩ hướng về mục tiêu tối hậu. Và như thế, để đạt đến niềm vui vĩnh viễn, chân thật, cách duy nhất, điều duy nhất mà họ cần làm là phải quyết tâm cắt đứt toàn bộ gốc rễ của ái dục. Nhưng chỗ đáng buồn là thường khi, trong trận chiến chống lại ái dục, chiếc áo giáp tăng sĩ đã vô tình giới hạn họ trong một thứ trận đồ thụ động mà kẻ giác đấu chỉ biết tên kẻ thù, tránh né kẻ thù, quay lưng với kẻ thù chứ không thực sự giáp mặt nó để quyết một trận thư hùng sống mái. Nếu may mắn, họ trốn thoát được sự vây bủa chụp bắt của kẻ thù bằng sự bưng bít với những rào cản bảo vệ của giới luật và sự đề kháng máy móc quen thuộc; còn đa phần thì gục ngã một cách ê chề, đau thương, không ngóc đầu lên nổi mà vẫn không thấu triệt được bộ mặt thực của kẻ thù. Đó là chưa nói đến cái đa dạng và tinh tế một cách quỷ quyệt của ái dục khi nó biết tấn công người tu sĩ bằng mọi ngõ ngách. Cho nên, có khi tưởng chừng đã thoát được nanh vuốt của nó mà kỳ thực lại làm tay sai cho nó trong những thu tóm, vói bắt khác.

Ông Trọng đã ngủ ngon rồi mà tôi cứ nằm trăn trở. Tôi tự hỏi, có chăng thứ hạnh phúc chân thật trong sự dễ duôi chìm đắm và hân thưởng một cách vô tư những gặt hái từ bản năng khát dục như cách sống của những người thế tục, điển hình là ông Trọng? Và có chăng một ngõ thoát ra ngoài cái triền phược thống khổ của cuộc đời mà không cần phải trực diện với ái dục? Đó là ngõ thoát chung cho mọi người hay mỗi người tự có lối đi riêng tùy theo cái nhìn của mình về hạnh phúc, cũng như tùy theo tác động đẩy tới nặng hay nhẹ của khổ đau mà mỗi người cảm nhận? Và một khi con ma ái dục đã sinh sản và bủa giăng những tiểu yêu thuộc hạ của nó khắp nơi trên một đất nước, hay trên khắp mặt đất này, rồi dấy động một trận chiến quyết liệt để chiếm lĩnh trần gian, làm băng hoại cuộc sống, đày ải con người trong khổ não bất tận… thì người tu sĩ, những kẻ giác đấu tinh thần không biết mỏi mệt, phải làm gì? Đấu tranh chống cộng? Chống áp bức bất công? Chống tham nhũng hối lộ? Đòi tự do nhân quyền? Chủ trương nào, phương thức nào trong những thứ trên, có thể mở được một ngõ thoát chung cho dân tộc, và cho con người?

Tôi tự hỏi mình như thế rồi bước vào giấc ngủ của mình trong một nghi vấn bỏ lửng.

Buổi khuya thức dậy sớm, tôi đến bên cửa gió, nhìn ra ngoài. Trại giam hãy còn chìm trong giấc ngủ. Hơi sương lạnh, từng phiến nhỏ, theo những cơn gió nhẹ, hắt vào mặt tôi. Vài ngôi sao còn rùng mình mỏi mệt trên khoảnh trời rất nhỏ còn rớt lại giữa hai dãy nhà giam. Tôi đưa tay gõ nhẹ trên cánh cửa sắt dày. Những tiếng kêu khô vang lên nhè nhẹ, nhè nhẹ.

Có một ngõ thoát nào chăng?

Những ngày kế tiếp, chẳng gì lạ xảy ra. Thấm thoát mà đã

được nửa tháng. Ngày ngày nhận cơm nước, ăn ngủ, tắm rửa, nói chuyện, ca hát, trầm ngâm bên cửa gió, lắng nghe tiếng động của thế gian, tụng chú, ngồi thiền… tôi quen dần với không khí trại mà vẫn chưa nếm được thế nào là cái đau khổ thực sự của nhà tù cộng sản. Đôi lúc tôi tự nhủ, nếu cứ giam tôi kiểu này hoài, e chừng tôi chẳng muốn về nữa kia. Tù thế này thì có gì gọi là khổ đau! Lâu lâu nhớ chùa, nhớ nhà chút xíu rồi cũng qua hết. Còn đói khát, thiếu ăn thiếu mặc ư? Chuyện đó đâu phải là vấn đề đối với tu sĩ! Cứ mượn cảnh tù làm cảnh tu, không tiếp xúc với xã hội bên ngoài, không lo lắng bận bịu trách nhiệm gì với trần gian, không chừng lại mau đắc đạo hơn lúc còn ở chùa.

Tuy nhiên, chuyện không đơn giản như tôi tưởng. Ngay cả cái trường canh đều đặn và chuẩn mực nhất cũng phải có những lúc lỗi nhịp đi chút xíu, hoặc không lỗi nhịp thì âm lượng cũng chệch khác đi ở chỗ nặng nhẹ.

Vào một buổi sáng, đang vận động, hít thở trong các động tác thể dục trong phòng giam, tôi bỗng nghe tiếng hô rất lớn vang dội trong dãy hành lang.

"Báo cáo cán bộ, phòng 7 biệt giam, dãy C3, có người xin cấp cứu."

Ông Trọng chú ý lắng nghe một lúc rồi cho tôi biết rằng, người hô báo cáo là Nghĩa, anh bạn trẻ thường mở cửa gió giùm cho ông Trọng vào mỗi tối. Bên phòng 7 biệt giam có hai người, một già một trẻ. Nghĩa hô báo cáo, tất nhiên người bệnh là ông già Trường. Ông Trọng chắc lưỡi nói:

"Tội nghiệp. Bên đó hai người thì cũng giống như chỗ mình mà chứa bốn người vậy, ngộp thở lắm. Ở tù mà cứ ở biệt giam hoài thì người nào khoẻ cũng thành yếu, không bệnh cũng thành bệnh, ra khỏi tù thì thành thân tàn ma dại. Hờ, vậy là ông Trường bên đó bị lên tăng-xông nữa rồi. Bệnh đó mà nằm biệt giam nóng nực, bít bùng làm sao chịu nổi!"

Nghĩa lại hô lên như trước ba, bốn lần. Tiếng anh vang dội khắp dãy. Cứ mỗi bận tiếng Nghĩa cất lên, tù nhân trong các phòng đang nói cười bỗng im bặt để tránh lấn át tiếng báo cáo của anh ấy. Mà càng im lặng để làm nổi bật tiếng báo cáo, không khí trại giam càng trở nên nặng nề như có mùi tử khí thoảng lại. Chốc chốc tiếng của Nghĩa lại vang lên, vẫn ngần ấy chữ nhưng dồn dập và cấp bách hơn, tưởng chừng như đoạn dồn thúc của hồi chuông báo tử. Nó dội bập bùng trong lồng ngực, rồi lắng sâu vào tận đáy lòng tôi. Một lúc lâu mới có tiếng một cán bộ nào đó:

"Nghe rồi, réo mãi! Câm đi!"

Nghĩa im luôn. Một chốc, cán bộ trực dãy mặt dài dài buồn ngủ, mang xâu chìa khóa xuống. Ông Trọng kéo tôi nép vào trong, tránh ló mặt ra cửa gió:

"Rút êm chứ không nó kiếm chuyện, phiền hà lắm. Mỗi lần cán bộ xuống, mình không được quyền đưa mặt ra ngó, tôi nói cậu rồi, phải không? Nó thấy được là kết tội mình thông cung với phòng khác hoặc có ý đồ ám sát nó. Tổ mẹ nó, ám sát khỉ khô gì qua cái cửa gió bé tí này!"

Tiếng mở khoá lách cách và cánh cửa gió phòng 7 được kéo ra với tiếng rít ken két như đoàn tàu hỏa thắng gấp ở một sân ga. Ông Trường được hai người anh nuôi khiêng lên bệnh xá của trại giam. Cánh cửa sắt phòng 7 đóng lại, vẫn tiếng khô khan thường lệ. Tôi ngồi xuống, tựa lưng vào vách. Nỗi buồn kéo theo, nặng như chì, không vươn ra khỏi cánh cửa gió.

Ông Trọng đốt điếu thuốc đầu ngày, nhìn tôi:

"Cậu em còn trẻ, tương lai còn dài. Cố gắng giữ gìn sức khoẻ. Sáng tối tập thể dục đều đặn, ăn nhiều, ngủ nhiều, chờ ngày tự do mà tiếp tục sự nghiệp. Trong tù mà mang bệnh là thất bại. Kẻ thù đáng sợ nhất trong tù là bệnh hoạn đó. Nhiều người được tự do rồi, mang bệnh về nhà mà chết. Nếu may mắn sống được, cũng thành tàn phế. Nói vậy không phải để bi quan, lo rầu, mà cốt yếu là để cậu chuẩn bị trước tư tưởng và nghị lực đối đầu với cái đói, cái bệnh và cái chết trong bốn vách tù khốn nạn này. Ngày tháng trong tù dài hay ngắn thực ra chẳng quan trọng gì. Ta còn sống được hay không, đó mới là vấn đề."

"Hình như không phải cháu sợ hãi hay lo buồn gì cho phần cháu. Nói thực đó, vì cháu tin là đủ sức vượt qua tất cả những thử thách trong tù. Nhưng cháu lại thấy buồn thương thế nào đó đối với những anh em bạn tù khác. Cứ tưởng tượng họ có những người thân mong ngóng chờ đợi bên ngoài… bỗng thấy đau thắt trong lòng."

Ông Trọng cười khẩy một cái:

"Cậu tội nghiệp cho tôi nữa, phải không? Vì có hôm cậu thấy tôi… buồn muốn khóc chứ gì?"

"Thì nói chung là những người bạn tù đó mà."

"Vậy chứ cậu không có thân nhân hay người tình nào bên ngoài để thương nhớ sao? Bộ cậu không có ai mong đợi bên ngoài sao? Sao bí mật quá vậy? Đáng ra cái chuyện trai gái bồ bịch thì một người cỡ tuổi thanh niên như cậu khoái nói, khoái kể hơn tôi chứ đâu phải im lìm lặng lẽ như vậy. Khó hiểu cậu em thực. Tôi nghĩ, có lẽ cậu em đã có một người tình hay một người vợ đã chết, đã bỏ cậu, hoặc cậu chưa hề có một người tình nào cả."

"Có ai đâu. Bạn bè thôi. Vì lâu nay cháu chỉ sống gần gũi bạn bè."

"Bạn gái?"

"Không." Ngưng một lúc, tôi tiếp, "Bạn bè cháu nhiều lắm. Thân thiết không dưới năm mươi, quen biết không dưới hai trăm."

"Dữ vậy! Cậu làm thứ gì, nghề gì… à, cậu đã nói rồi, cậu thất nghiệp. Hờ, thế còn cha mẹ, anh chị em? Cậu không vướng bận gì à?"

"Dĩ nhiên cũng có lúc nghĩ đến chứ. Nhưng sự xa cách với

gia đình lâu ngày đã thành quen thuộc rồi. Cháu nói chú nghe chưa? Cháu rời gia đình từ năm… từ lúc hãy còn nhỏ. Mười lăm năm nay sống với bạn bè. Trước khi bị bắt cũng sống với bạn bè thôi.”

Ông Trọng chăm chú nhìn tôi một lúc như cố gắng mọi tìm, đoán định phần nào về con người và lai lịch tôi, rồi ông buông một câu bất ngờ:

“Cậu buôn đô-la, hột xoàn, phải không?”

Tôi cười ngất. Ông Trọng cũng cười hềnh hệch. Rồi ông vừa xua tay vừa cười, đoán tiếp:

“Cậu là nghệ sĩ đánh đàn hay ca sĩ gì đó? Chỉ như vậy mới có thể đi rông, sống với bạn bè, có nhiều bạn bè.”

Tôi lắc đầu.

“Cậu dạy học, hoặc dạy một thứ nghề nghiệp gì đó?”

Tôi ngập ngừng một lúc:

“Cũng na ná như vậy.”

“Nhưng cậu dạy tư, vì cậu không phải cán bộ của nhà nước đâu, tôi biết. Cứ xem lời lẽ cậu nói, suốt nửa tháng nay, chẳng lọt một chữ nào của xã hội chủ nghĩa thì biết ngay.”

“Dạ… dạy tư, cũng đúng.”

“Nhưng dạy cái gì?”

Tôi chưa kịp đáp thì một cái mặt ló ra từ ngoài cửa gió, nhìn vào:

“Nguyễn Đức Trọng, đi làm việc.”

Ông Trọng vội vã mặc quần áo. Khóa kêu lách cách. Cửa rên ken két. Ông bước nhanh ra ngoài. Cửa đóng rầm. Tôi đến bên cửa gió, nhìn xéo qua đầu dãy, nơi chiếc bàn của cán bộ trực, thấy ông Trọng đi theo một cán bộ trẻ, không phải là Sơn, Long hay Hùng. Tôi yên tâm rời cửa gió, trở về chỗ của mình, ngồi tựa lưng vào vách, nhìn bâng quơ. Đây là lần đầu tiên tôi được ngồi một mình trong phòng giam.

Nắng mai chiếu chênh chếch vào phòng giam qua hai cánh cửa gió, tạo thành hai vùng sáng nhỏ trên nền. Từ trong nhìn ra, tôi tưởng chừng đó là hai con mắt của tôi phóng ra để tiếp xúc với bên ngoài. Nhưng lúc này, tôi lại không cần tiếp xúc với bên ngoài nữa. Tôi muốn đối diện với chính tôi.

Tại sao tôi lại thấy yên tâm khi ông Trọng được một cán bộ trẻ lạ mặt đưa đi chứ không phải là Sơn, Long hay Hùng? Phải chăng tôi chưa tin tưởng ông ấy hoàn toàn, sợ rằng ông ấy là người do công an cài vào phòng giam, chịu khổ nhục kế để khai thác tôi? Không, tôi không sợ điều ấy, vì nếu sợ, tôi đã không nói ông nghe quan điểm của tôi về vấn đề đấu tranh và xây dựng đất nước vào những ngày trước. Nửa tháng qua, ông và tôi đã trở thành đôi bạn vong niên. Tình bạn trong tù, trong hoàn cảnh biệt giam kiểu như ông ấy và tôi đang sống, tiến rất nhanh, rút giai đoạn, chứ không phải như tình bạn ở ngoài xã hội. Vì trong tù, chúng tôi có hoàn toàn thì giờ sống kế cạnh nhau, nói cho nhau nghe hầu hết tất cả những gì mình suy nghĩ, hồi niệm hoặc hứa hẹn thực hiện trong tương lai. Tôi có che giấu ông Trọng điều gì quan trọng đâu ngoại trừ chuyện tôi là tu sĩ. Mà che giấu chuyện mình là tu sĩ thực ra cũng chẳng là gì quan trọng cả. Tôi chỉ không cố tình cho ông ấy biết tôi là tu sĩ, chứ không phải tu sĩ là thứ nghề nghiệp gì đáng xấu hổ của xã hội để mà giữ kín.

Không sợ ông Trọng là người của công an cài vào, nhưng lại yên tâm khi thấy cán bộ hỏi cung ông không phải là cán bộ thụ lý hồ sơ của tôi. Điều này có nghĩa là tôi chỉ tin được ông Trọng của nửa tháng trước chứ không hẳn là phải tin ông sau khi ông bước ra khỏi phòng giam rồi quay trở lại. Điều gì khiến tôi đâm nghi kỵ và e dè trước người bạn tù đồng sàng đồng cảnh ngộ với mình như thế! Phải chăng tôi đã bắt đầu đánh mất sự hồn nhiên từ khi vào tù? Phải chăng qua vụ bị Hân và ông thầy Tư gạt, tôi đã học được kinh nghiệm dè dặt, thủ thế, tự vệ trước tha nhân? Hay đó là hệ quả tất nhiên đến sớm hay muộn nơi tâm lý con người trong chế độ xã hội chủ nghĩa? Cái xã hội gì mà kỳ cục vậy!

Xã hội đâu phải là một đống gạch ngổn ngang mà là sự kết thành của những viên gạch trong một thứ tự nào đó, qua môi giới của chất hồ, như là nhu yếu không thể không có để gắn bó với nhau mà tạo thành một hợp thể hỗ tương tác dụng. Chất hồ đã cần thiết cho những viên gạch để xây nên tường vách ra sao thì niềm tin yêu và thông cảm cũng cần thiết cho con người để kết

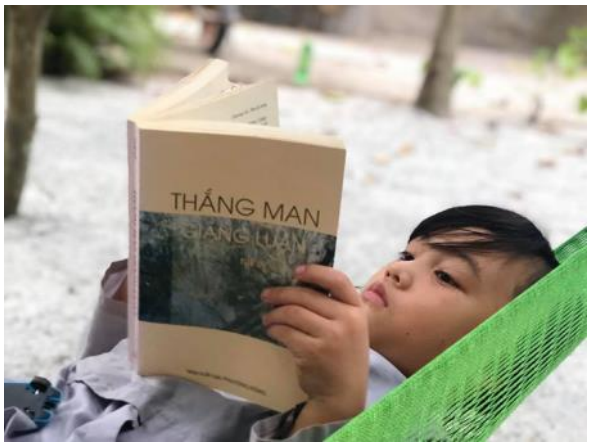

thành một xã hội như thế đó. Thiếu tình yêu và thông cảm giữa con người với con người thì không có xã hội, mà chỉ là một đống người, vô tri như một đống gạch. Một đống người hỗn loạn, một đống gạch ngổn ngang, thì chẳng có nghĩa gì cả. Theo cách thế đó, khi người cộng sản thấy thật cần thiết để tạo nên sự thù hằn và nghi kỵ muôn đời giữa con người với nhau để họ dễ dàng cai trị, họ đã cố tình biến đất nước này thành một đống gạch vụn.

Ai cũng biết rằng sự hình thành tốt hay xấu của một cộng đồng còn tùy thuộc vào mỗi cá thể; sự xây dựng một tập thể được khởi đi từ mỗi cá nhân. Điều đó đã rõ ràng như sự tương quan của mỗi viên gạch với bức tường: viên gạch vuông vức, thẳng thớm thì bức tường xây dựng bởi nó mới ngay ngắn vững chắc; ngược lại, mỗi viên gạch đều sứt mẻ, méo mó, rạn nứt, thì chỉ tạo nên một bức tường lồi lõm, lung lay, dễ sụp đổ.

Cho nên, tôi phải tự vươn thoát vòng kềm tỏa của sự nghi kỵ mà những người chung quanh, do tác động cố ý của xã hội, đã chụp phủ lên tôi. Và dĩ nhiên là tôi không thể kêu gào kẻ khác đập tan sự nghi kỵ để tin yêu nhau trong khi chính tôi tự rút mình vào thế giới riêng tư đầy thành kiến và nỗi e dè trước xã hội vây quanh. Tôi phải khởi sự từ chính tôi. Chân tình sẽ được đáp lại bằng chân tình. Chân lý và lịch sử sẽ nghiền nát, đào thải kẻ nào đem man trá mà tiếp xử với chân tình.

(còn tiếp)

NGÀN TAY NGÀN MẮT

Hàn huyên thôi vẫn cuộc chờ
Thuyền trăng không đáy đâu bờ bến xưa
Người còn đi sớm về trưa
Khói sương lụy vướng nắng mưa dãi dầu

Một đàn chim nhạn về đâu
Mây trời dẫn lối bạc đầu tháng năm
Mùa trôi vun vút xa xăm
Cành khô lạc nước tím bầm hoàng hôn

Cuộc người quên cả dại khôn
Bên đường cỏ dại vùi chôn sương mù
Ngàn tay nâng đóa thiên thu
Ngàn con mắt xót lệ ru phận người…

CHÂN KINH

Mây bay về phía đỉnh trời
Chơ vơ dáng núi khàn lời thiên thu
Đường hoa lối mộng mịt mù
Ngoảnh nhìn sen mặc áo tu thuở nào

Ru sen nhẹ giấc thanh tao
Vài ba cánh gió thì thào chân kinh
Khép hờ nhụy búp nguyên trinh
Tịnh tâm đợi tiếng chày kình mãn khai

Tinh anh kí thác liên thai
Mảnh hồn vụng luyến trần ai chút này
Hoa sen ngàn cánh liệu trai
Từ trong lửa lớn tuyết dày tỏa hương

Một phen dãi gió dầm sương
Thệ cùng thiên địa tầm đường thanh cao
Sen tàn sen nở ngoài ao
Chợt nghe sen thuyết làu làu chân kinh...

PHẬN KIẾN

Những niềm vui phù phiếm
Chẳng làm ta vui hơn
Những ngày buồn ảm đạm
Có ra chi trách hờn

Nắng không ngừng thiêu đốt
Mưa không ngừng than van
Những màu chiều ám ảnh
Hay bình minh bẽ bàng

Bụi làm cay mắt lá
Ngầu đục những con đường
Những phận đời chìm nổi
Đâu là chân quê hương?

Mênh mông chi vũ trụ
Mở toang bầu hư vô
Phận ta đời kiến nhỏ
Mãi neo mình cành khô...

LỜI SUỐI REO

Ta về làm bạn mây trời
Bên rừng núi cũ vang lời suối reo
Gập ghềnh bậc đá cheo leo
Hoàng hôn nhuộm phía lưng đèo thung mây

Từng đàn chim xoải cánh bay
Chập chờn lọn khói cuối ngày vừa lên
Lá vàng rụng xuống lãng quên
Chợt nghe tiếng suối gọi tên tuổi mình...

thơ TỊNH BÌNH

TRỞ VỀ MỤC LỤC